

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

CUNG DỊCH THÁNH-Ý

恭 譯 聖 意

Đức Kim-thượng lên ngôi nay đã 6 năm, mà có người chưa biết cái chánh-sách của Ngài, bởi vì chưa rõ Thánh-ý hay là tư-tưởng của Hoàng-thượng.

Khi làm lễ dâng-quang rồi cách mấy ngày, Ngài ngự ban một cái Châu-dụ tỏ các lễ dâng kính nước Bảo-hộ, từ đó đến nay Ngài ngự-phê nhiều, ban chuyện cũng nhiều; trong các bài Ngự-phê, hay là Ngự-chế-thi-văn và trong những lời diện-sắc, có ba cái tư-tưởng lớn là : tôn-quân-quyền, khai-dân-trí và quảng-dân-tài.

Vậy thì tư-tưởng của đức Kim-thượng là kính Bảo-hộ, tôn-quân-quyền, khai-dân-trí và quảng-dân-tài, tôi xin cung-dịch ra sau này.

1. Kính Bảo-hộ. — Bởi từ hòa-uớc ngày 6 tháng 6 năm 1884 Vua nước ta đã nhận nước Đại-Pháp bảo-hộ, thì người nước ta phải kính nước Bảo-hộ. Nhưng mà lúc ban đầu có người không chịu nhận Bảo-hộ, sự ấy không lạ. Khi một nước đổi quốc-thể, thường hay sinh ra một trường tranh-canh, nếu trong nước ấy có nhiều người thông-minh ái-quốc, thì sự tranh-canh lại càng kịch-liệt. Khi mới lập bảo-hộ, nước ta cũng kinh-quá một hồi rối-loạn, lần lần những người phản-đối tiêu-môn, bây giờ tưởng không còn ai, hay là còn một số người rất ít. Những người ấy phải tiêu-môn là phải tiêu-trừ, hoặc nhân già mà chết, hoặc đổi ý-kiến mà phục nước Bảo-hộ.

Những người phản-đối cũ mà phục nước Đại-Pháp, bởi vì thấy nước Đại-Pháp làm nghĩa-vụ của Bảo-hộ. Khi nước Đại-Pháp đã nhận bảo-hộ nước Nam, thì làm ngay cái nghĩa-vụ thứ nhất, là bảo-hộ nước Nam cho khỏi nội-loan ngoại-xâm. Trước các miền Thượng-du Bắc-kỳ ở gần nước Tàu thường phải bị kẻ cướp Khách sang cướp phá, các làng ở dọc theo bờ biển thường phải « Tàu-ô », là kẻ cướp biển cướp phá; lúc bấy giờ có người tưởng rằng những nơi ấy không khi nào yên được, thế mà các quan Đại-Pháp chỉ dẹp trong mấy năm là xong. Hiện bấy giờ, đi đến các nơi ấy, nói chuyện với kỳ-lão trong các làng, họ đều tỏ lòng biết ơn Đại-Pháp làm cho xứ họ được yên.

Dương-lúc các quan binh lo việc phòng-ngự, các quan văn lo sửa đường-sá, đắp đường mới để tiện thông-hành, lập nhà thương để trị các bệnh truyền-nhiễm; và lo một sự rất nặng rất khó, là sự giáo-dục quốc-dân. Các công việc của chánh-phủ Bảo-hộ làm đã có thành-hiệu, nhưng mà chánh-phủ vẫn lo cải-lương, để mỗi ngày từ-tế hơn. Có người nói rằng chánh-phủ Bảo-hộ làm các việc có ích thật, nhưng mà phí-tồn nhiều quá. Tưởng chánh-phủ cũng biết rằng tồn tiền tiêu tiền, nhưng đương tìm cách làm cho được việc mà tồn ít tiền, cách ấy tưởng không dễ kiếm.

Bảo-hộ đã làm nghĩa-vụ của Bảo-hộ, người nước ta phải làm nghĩa-vụ của

ta, nghĩa là ta phải kính Bảo-hộ; nhưng mà kính có hai nghĩa: kính mà sợ và kính mà thân. Kính mà sợ thì tuy kính mà có lòng nghi, kính mà thân thì thật kính mà có lòng mến.

Hơn 10 năm trước có một ông Công-sứ nói chuyện với tôi rằng: « Dân trong tỉnh tôi chưa tin quan Bảo-hộ, tôi biết nói tiếng An-nam, tôi thường đi chơi các làng nhà quê, nói chuyện với kỹ-dịch, các kỹ-dịch đến trước mặt tôi, rất là cung-kính, mà họ không chịu mở cái bụng của họ. » Tôi lại gặp một ông Công-sứ khác, tôi hỏi thăm một ông quan tỉnh quen với tôi ăn làm thế nào, quan Công-sứ trả lời rằng: « Ông ấy làm việc được, chưa biết sau thế nào ! » Tôi dẫn hai chuyện này để chứng rằng dân không tin quan Bảo-hộ, cho nên không dám lộ tâm-tình, quan Bảo-hộ không tin quan tỉnh cho nên không dám chắc ông quan ấy làm người khá luôn.

Xứ Bảo-hộ nào cũng vậy, phải trải qua hai thời-kỳ, thời-kỳ nghi nhau và thời-kỳ thân nhau. Nước ta bây giờ đương ở tại thời-kỳ nào? Thời-kỳ nghi nhau đã qua chưa? Thời-kỳ thân nhau đã đến chưa? Từ lúc Âu-chiến, người nước ta đã tỏ lòng trung-thành với nước Pháp thì lòng người Pháp nghi người nước ta đã bớt nhiều hay là đã gần hết, mà lòng thương người nước ta muốn cho người nước ta thân, đã bắt đầu phát-hiện. Đã có người Pháp xướng cái chủ-nghĩa *Pháp-Việt tương-thân*, để làm cho người Pháp người Việt thân nhau, cùng nhau hiệp-cử-hiệp-sức, để mà mở-mang sự canh-nông kỹ-nghệ và thương-mại nước ta.

Chủ-nghĩa ấy tuy hay mà làm thế nào cho Pháp-Việt tương-thân? Hiện bây giờ người Pháp lấy người nước Nam chưa xem như vợ chồng, tuy có một đôi nhà xem như vợ chồng thật, nhưng mà số ít không đủ làm luật chung, còn phần nhiều thì người dân-

bà An-nam kính người Pháp như chồng, mà người Pháp chưa xem người dân-bà như vợ, vì là người dân-bà chưa đủ tư-cách. Suy ra sự giao-thiệp ngoài, người An-nam muốn thân với người Pháp mà người Pháp chưa muốn tiếp một cách thân-thiết, bởi vì người nước ta chưa đủ tư-cách, cho nên có người nói rằng: « Ra đường gặp qui-quan, chắp tay mà xá vài cái tiện hơn là bắt tay qui-quan », bởi vì xá qui-quan thì tay mình bẩn cũng được; chờ muốn qui-quan bắt tay, thì tay mình phải sạch, mình mình cũng phải sạch !

Người nước mình muốn thân với người Pháp, thì trước phải tu-thân, bởi vì tu-thân không phải là cái bùa riêng của Pháp-Việt tương-thân, mà là cái bùa chung của Âu-Á tương-thân. Hiện bây giờ Hoàng-thái-tử nước Nhật bản du-lịch các nước Âu - tây, đến đâu người ta nghênh - tiếp như vua, nếu 50 năm về trước Hoàng - thái-tử Nhật sang Âu-châu, chưa chắc được nghênh-tiếp như bây giờ, bởi vì 50 năm nay người nước Nhật-bản tu-thân, hiện bây giờ có đủ tư-cách để mà hưởng sự tru-đãi.

Nói tóm lại đức Hoàng-thượng ban kính Bảo-hộ là kính mà thân chứ không phải kính mà xa, mà người mình phải kính mình làm trước.

II. Tôn-quân-quyền. — Một nước phải bảo-hộ là quyền của vua nước ấy suy yếu cho nên phải nhờ một nước mạnh hơn bảo-hộ. Trước khi xét quyền của Vua nước ta tại có gì mà suy yếu và làm thế nào để mà chấn-hưng lại, thì nên xét quân-quyền là cái gì? Có mấy thứ quyền?

Quân-quyền là cái quyền trên ở trong một nước, nước quân-chủ hay là nước dân-chủ, quốc-trưởng đều có hai quyền: quyền thực-hành (*autorité effective*) và quyền luân-lý (*autorité morale*). Quyền thực-hành là quyền thưởng-phạt theo luật-lệ trong nước, quyền ấy

có giới-hạn, không đi quá khỏi cái giới-hạn của luật-lệ nước ấy; quyền luân-lý là cái quyền có ảnh-hưởng trong tư-tưởng của người ta, quyền ấy không có giới-hạn.

Người nước ta xưa nay không nói quyền luân-lý, nhưng mà có việc như vậy. Tức như đời Lê-mạt, quyền thưởng phạt là quyền thực-hành vào tay Chúa Trịnh, vua nhà Lê tuy sử nói « đồ ủng hư vị », nhưng vẫn có quyền luân-lý đối với quốc-dân, trong nước ai cũng biết vua Lê là vua; quyền thực-hành của chúa Trịnh không qua khỏi núi Hoành-sơn, chứ quyền luân-lý của vua Lê vào thâu cả đất của chúa Nguyễn. Hiện bây giờ đức Giáo-hoàng ở La-mã không cai-trị nước nào, mà có quyền luân-lý rất to ở trên những người theo đạo Thiên-chúa trong các nước; vua nước Thổ-nhĩ-kỳ tuy đã suy-bại, vẫn có quyền luân-lý ở trên những dân theo đạo Hồi-hồi.

Vua thường phạt mình, nghĩa là làm quyền thực-hành giới, là nhờ có người phụ-tá giới; Vua có quyền luân-lý to là nhờ có tài-đức riêng, nhờ có thanh-thể đời trước để lại, nhờ có phụ-tá giới, và nhờ có hoàng-tộc giúp.

Chẳng phải làm vua mới có quyền luân-lý, những người cao-nhân biệt-sĩ, liêm-lại trung-thần... cũng có thể có quyền ấy. Sách cũ nói những người có *sĩ-vọng*, có *vật-vọng*, hay là *đắc-nhân-lâm*, đều là những người có quyền luân-lý.

Trên này là thuyết-lý, nay xét quyền của Vua nước ta suy từ bao giờ, vì tại làm sao mà suy. Từ triều đức Tự-Đức phải nhượng Nam-kỳ cho nước Đại-Pháp, thì quyền Vua nước ta yếu từ đó; kể đó Triều-dinh không trị-an nổi giặc cướp ở Thượng-du Bắc-kỳ, phải nhận nước Đại-Pháp bảo-hộ Trung Bắc lưỡng-kỳ. Theo lời hòa-tước năm 1884 thì quyền ngoại-giao của Vua ta, giao cho Bảo-hộ, quyền dùng binh dẹp

loạn trong nước cũng giao cho Bảo-hộ, Vua ta chỉ giữ quyền hành-chánh và quyền tư-pháp trong lưỡng - kỳ mà thôi; đến năm 1897, là năm Thành-thái thứ 9, có lời dụ ngày 25 tháng 7 tây năm ấy triệt Kinh-lược-nha ở Bắc-kỳ, giao quyền nội-trị ở Bắc-kỳ cho quan Tổng-sứ, lời dụ ngày 24 tháng 9 tây năm ấy, triệt Phụ-chánh-phủ ở Huế, giao quyền nội-trị cho Vua, nhưng phạm việc gì Cơ-mật và các Bộ phải thương với quan Khâm - sứ ở Kinh rồi mới được tâu. Còn quyền lập-pháp và quyền thần-quyền là quyền ban-sắc cho các ông thần, và quyền phong-tặng cho những người chết ở trong lưỡng-kỳ, thì Vua ta vẫn giữ.

Hiện bây giờ ở Trung-kỳ Vua ta chỉ còn quyền hành-chánh và quyền tư-pháp, mà nhất là quyền bổ quan-lại, và quyền làm án, nhưng phải thương với quan đại-diện của Bảo-hộ là quan Khâm-sứ ở Kinh.

Nói về sự bổ quan, hiện bây giờ ở Trung-kỳ có nhiều ông có tước, có hàm Đại-học-sĩ, có hàm Thượng-thư, còn những viên có hàm Hàn-lâm nhiều lắm.

Tước là 5 tước, công, hầu, bá, tử, nam. Theo luật thì quan văn không được có tước, những ông có quân-công mới được có tước. Từ có Bảo-hộ nước ta được yên không có giặc, nếu có giặc thì phần quan binh Đại-Pháp đánh dẹp, không biết các ông có tước tại làm sao mà được? hay là có công khác cũng rực-rỡ như là quân-công?

Theo quan-chế thì quan-chức đến hàm chánh-nhi-phẩm là cùng, ở các Bộ là hàm Thượng-thư, ở các tỉnh là hàm Tổng-dốc, ở trên hết có bốn ngôi đại - học - sĩ; là *Cần - chánh*, *Văn-minh*, *Võ-hiến* và *Đông - các*, lại có mấy ngôi phó đại - học - sĩ đều gọi chung là *Hiệp-tá-dại-học-sĩ*. Những ngôi ấy đều có hàm mà không có chức, để dãi những quan to trong Triều mà có học-hành văn-chương. Thờu trước ít đại-học-sĩ, cho nên tiếng đại-học-sĩ

qui lắm, bây giờ đại-học-sĩ nhiều, đại-học-sĩ ở Triều, đại-học-sĩ ở tỉnh, đại-học-sĩ ở thành-phố, đại-học-sĩ ở nhà-quê! Từ mấy năm nay văn-chương suy-dồi hơn trước, mà đại-học-sĩ lại nhiều hơn xưa!

Thượng-thư là hàm của các quan Bộ-trưởng, trung-đẳng thanh-giá, qui biết đường nào! vinh biết đường nào! Bây giờ các quan Bộ-trưởng đều hàm cao hơn Thượng-thư, đề hàm ấy cho mấy quan tham-tri và tuần-vũ đương-chức, hay là ban cho tham-tri tuần-vũ về hưu, cho nên bây giờ vào đất Trung-kỳ mà nhất là ở Huế, thấy Thượng-thư cùng cả: quan Thượng ở trong Bộ, quan Thượng ở ngoài phố, quan Thượng thung-dung đi đất, quan Thượng đứng-dĩnh trên xe, quan Thượng đi xem đồng, quan Thượng đi câu cá...!

Hàn-lâm là cái hàm nguyên đặt ra để cho người văn-học, bây giờ ở Huế có nhiều ông Hàn, chẳng những các viên bộ-thuộc hay là viên-thuộc nhiều người có hàm Hàn-lâm, mà ở ngoài quan-trưởng cũng nhiều người được hàm ấy. Có ông Hàn không biết bao nhiêu chữ! Có một người ở Bắc-kỳ vào Kinh gặp nhiều ông Hàn lấy làm lạ mà nói rằng: « Ông Hàn ở đâu mà nhiều quá chúng-sinh? » Ông ấy nói như vậy là khôi-hài, chứ không phải xác: nguyên ở Bắc-kỳ các làng có lập đàn tế có-hồn chúng-sinh gọi là đàn Hàn-lâm 寒林 là rừng lạnh, đồng-âm với hai chữ Hàn-lâm 翰林 là rừng bút.

Nếu phẩm-hàm là tiêu-biểu nhân-tài, quan to nhiều chứng nào thì nhân-tài nhiều chừng ấy, nếu như vậy thì nhân-tài ở Trung-kỳ không lúc nào thịnh bằng bây giờ!

Tại làm sao mà Trung-kỳ có nhiều người có phẩm-hàm, và nhiều người có phẩm-hàm cao? Nước ta ai cũng muốn có phẩm-hàm gọi là « son phấn của Vua », ai có gặp cơ-hội và có thể xin được thì

cứ xin, mà ở Trung-kỳ có nhiều cơ-hội để mà xin phẩm-hàm, như là lễ chánh-chung, lễ nguyên-dán, các ngày khánh-diễn của nhà Vua, đều là cơ-hội để mà xin phẩm-hàm; khi về hưu cũng là cơ-hội để mà xin thăng-trật, khi quan Khám-sứ đổi hay là về nghỉ cũng là một cái cơ-hội riêng của những người có thể xin phẩm-hàm; vì thế cho nên nhiều người có phẩm-hàm, và nhiều người có phẩm-hàm cao.

Có người nói nhiều người có quan-hàm, thì nhiều người biết ơn Vua, trung-thành với Vua, với nước, nói như vậy tưởng không chánh-dáng. Lòng trung-thành mà lấy phẩm-hàm mua được thì không có giá-trị, và lại nói như vậy mất lòng những người thực có lòng trung-thành mà không muốn xin phẩm-hàm. Nhiều người có phẩm-hàm, nhiều người có phẩm-hàm cao, bất-miền có người không xứng-dáng; chỉ doi ba người không xứng-dáng, đủ làm cho quan-trưởng giảm-giá, mà quyền của Vua ta có thể nhân đó mà giảm sắc.

Nói về quyền tư-pháp, hiện bây giờ Trung-kỳ chưa sắp-dặt các tòa án như các nước văn-minh, một tên dân có sự oan-ức đến kêu cửa quan, không biết lúc nào vào hầu được quan, không biết lúc nào quan xét-xử việc mình; đến khi quan xử mà không phục tình không biết kêu ở đâu; đương khi chờ đợi ở trước công-môn, người đương-sự ấy bất-miền trách thăm chánh-phủ. Chánh-phủ phải trách, thì quyền của Vua ta cũng nhân đó mà giảm ít nhiều. Sửa việc tư-pháp không dễ, bởi vì sở ấy rất quan-trọng, sở ấy lo bảo-hộ tính-mạng, tài-sản, tự-do và danh-dự của người trong nước.

Trên này vừa nói quyền thực-hành của Vua ta, còn quyền luân-lý của Vua ta, thì ai cũng biết rằng đức Kim-thượng-nối-ngôi Liệt-Thành, từ sáu năm nay Ngài hay ban dụ-chỉ khuyên các quan lo việc nước, lo việc dân, bỏ tục

đi lễ, và khuyên dân tiết-kiệm trong các lễ quan, hôn, tang, tế; còn Ngải đãi các quan mà nhất là các quan lớn một cách rất là tử-tế, xưa nay chưa thấy trong sử nước ta; nên trong Hoàng-phái có nhiều người lỗi-lạc và nếu các quan đều chỉ biết giúp Vua, thì quyền luân-lý của Ngải hay là tiếng của Ngải chẳng những không suy-giảm chút nào, mà lại thêm rực-rỡ hơn trước.

Có người tưởng các ông Đại-Pháp muốn phá quyền của Vua ta, tưởng như vậy không đúng. Nước ta nguyên trước là một nước tự-chủ mà đời làm Bảo-hộ là giảm quyền của Vua ta, nhưng mà việc ấy không phải tại một mình người Đại-Pháp, và việc ấy đã vào sử-giới rồi, không cần bàn nữa; hai lời dụ ngày 25 tháng 7 và 24 tháng 9 năm 1897 đã kể ở trên, cũng giảm quyền của Vua ta, nhưng mà việc ấy cũng tại mình và cũng đã vào sử-giới rồi, tưởng cũng không cần bàn nữa. Hiện bây giờ tưởng cũng có người Đại-Pháp muốn đổi Bảo-hộ làm thuộc-địa, nhưng mà ý riêng của những người ấy, chớ không phải ý chung của dân nước Đại-Pháp, và cũng không phải ý của chánh-phủ Đại-Pháp. Chánh-phủ Đại-Pháp đã không có ý đổi chánh-sách bảo-hộ, thì những ông nối nhau đại-diện chánh-phủ Đại-Pháp ở Huế là các quan Khâm-sứ ở Kinh, không ông nào muốn phá quyền của Vua ta làm gì. Chẳng những các ông ấy không có ý phá quyền của Vua ta, mà lại có ý tôn lên, tức như sửa cung-diện của Vua cho tôn-nghiêm, sửa dinh-thự các quan cho tử-tế, thêm bổng các quan ta cho đủ ăn, khi đầu đều từ quan Khâm-sứ thủ-xướng. Tuy những sự ấy thuộc về vật-chất, mà có can-thiệp với quyền của Vua. Cung diện tôn-nghiêm, thì quyền của Vua nhân đó mà tôn-nghiêm; dinh-thự tử-tế, thì các quan ở trong dinh-thự ấy cũng

được thờ-diện, mà quyền của Vua cũng nhân đó mà không thất-thể; các quan có bổng đủ ăn, không phải quấy dân, thì dân không trách quan, mà quyền của Vua đối với dân không giảm-sắc.

Nói tóm lại, tôn quân-quyền tại dụng-nhân, hễ có nhiều người giỏi thì việc chi cũng xong, quốc-bộ càng ngày càng đi tới, mà quân-quyền tự-nhiên tôn. Dùng người ở đâu? Khoa-cử hán-học đã bỏ, thì phải dùng người tân-học, tân-học không phải là người biết năm ba tiếng Pháp mà thôi, mà là những người có chức khoa-mục tây nghĩa là có bằng tú-tài cử-nhân tiến-sĩ Pháp, và những người có bằng tốt-nghiệp cao-dẳng ở Hà-nội, những hạng người ấy hiện bây giờ Trung-kỳ chưa có bao nhiêu, tất phải dùng những người nguyên-quán ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ, là những người An-nam ở Bắc ở Nam chớ không phải người ngoại-quốc; nhưng mà những người ấy thiên học về phần chữ Pháp, phần nhiều không biết việc nước nhà, thì phải học-tập chánh-sự Trung-kỳ ít lâu rồi mới làm việc được. Và lại những hạng người ấy học với thầy người Đại-Pháp đã lâu, tính-nết và sự cần dùng riêng khác các ông khoa-mục ngày trước, các ông cựu-học không làm quan thì ít người làm được việc khác, các ông tân-học không làm việc quan thì có thể đi làm việc khác, cho nên các ông tân-học có linh-tự-do hơn các ông cựu-học; vì các lễ ấy mà quan-trưởng phải sửa lại mới dung-nạp được những người tân-học.

Những người tân-học quả giỏi hơn người cựu-học không? Câu hỏi ấy ngày sau mới biết được, nhưng mà trong phường tân-học cũng như trong phường cựu-học, người thực có tài vẫn ít, bởi vì người thực có tài từ đời thượng-cổ vẫn ít, khó kiếm, cho nên đức Khổng-tử than rằng: « Tài nan 才難! »

III. Khai dân-trí. — Khai-dân-trí là mở trí khôn cho dân, để cho biết sự phải sự chẳng, người lành, người dữ. Muốn khai-dân-trí thì trước phải biết dân-trí thế nào rồi mới tìm cách khai-hóa được.

Khi đi vào trong một làng, thấy một đàn trẻ con, mặt mày bần-thiếu, áo-xống rách-rưới, đứa lớn bông đùa nhỏ, đi theo người khách lạ. Tiền-đồ của nước ta đó ! Trong bọn trẻ con ấy ngày sau có đứa làm quan, có đứa làm lý-dịch các làng, có đứa đi buôn-bán hay là làm các kỹ-nghệ, phần nhiều đi làm thuê ; có đứa lớn đến 8, 9 tuổi mới đi học, phần nhiều đi ở dầy-tớ hay là giữ trâu. Sáng gà gáy dắt trâu ra đồng, tối đồ đèn đem trâu về chuồng, cả ngày ở ngoài đồng, chỉ có con trâu là bạn ! Tỉnh-thoảng gặp đứa chăn trâu khác, nói chuyện một đôi câu, nhưng không ra ngoài sự trâu bò, cây bừa, ruộng đất... Đến lúc 18, 19, 20 tuổi, tên giữ trâu ngày nọ thăng-chức làm trai cày, thì cây bừa với con trâu nó chăn nuôi lúc trước, cả ngày làm việc ngoài đồng, ít nói chuyện với ai, tối về làm việc chủ nhà, rồi đi nghỉ. Ngày lụn tháng qua, lẫn-lộn trong vườn cau ruộng lúa, ít thấy sự gì lạ, ít nghe sự gì lạ, cho nên tư-tưởng của chúng nó xây-vần trong một cái vòng rất hẹp ! Nước ta là một nước nông-quốc, hạng người ấy rất nhiều.

Cùng một hạng ấy, ở các thành-phố đô-hội có những người làm công trong các xưởng ; khi đến sở lúc về nhà, trong lúc hành - gian, tỉnh - thoảng nghe thấy những việc mà người ở nhà quê ít nghe thấy ; rồi lại nhân có anh em đồng-nghiep đóng, chuyện vãn cùng nhau, có người có chí học được chữ quốc-ngữ, xem được nhật-báo, thì trí-não có mở ra được một ít. Những người làm công trong các sở thương-mại hay là kỹ-nghệ, và những người ở chỗ thành-phố, khôn-ngaoan

hơn những người làm thuê cày ruộng và những người ở nhà quê. Nước nào cũng vậy.

Lên một bậc nữa là những người biết chữ hán một ít, dù xem văn-khế và những người tốt-nghiệp tiểu-học các trường Pháp-Việt, rồi về nhà làm ăn không học thêm nữa.

Bậc trên hết là những người học-trò thi và khoa - mục cũ, và những người có bằng thành-chung và mấy người ở trường cao-đẳng mà ra, với các quan đương-chức hay là hưu-trí.

Hiện bây giờ phải cụ-học còn đông mà mỗi ngày giảm bớt, phải tân-học đương ít mà mỗi ngày tăng thêm. Có người nói: Mấy người tân-học chưa đủ tư-cách mà làm mô-phạm cho dân, không có thanh-thể hay là không có quyền luân-lý trong xã-hội. Nói như vậy tựa-hở trách bọn tân-học không biết chi, nhưng mà bọn tân-học còn ít người và còn ít tuổi, con em những người cụ-học, bây giờ người cụ-học còn sống, thì bọn tân-học phải giữ phần con em, khi các ông cụ-học qua đời, thì bọn tân-học phải thế chân vào đó, chớ không ai nữa. Vả lại chánh-phủ bỏ khoa-cử cũ và sửa việc học, là có ý mở-mang trí-thức cho người nước ta, nếu cải-lương mà xấu hơn xưa, thì làm làm chi cho tổn công tổn của ?

Lúc trước người nước ta chỉ học văn-chương, triết-lý, không biết cách-trí, trọng lý-tưởng, ít trọng thực-hành, lấy ngũ-kinh tứ-truyện làm phạm-vi, hơn 2000 năm, tư-tưởng của người nước ta cũng như tư - tưởng của người nước Tàu, không ra khỏi cái phạm-vi kinh-truyện ; phạm-vi ấy tuy đẹp, nhưng mà của một dân-tộc Trung-hoa, có bề cao mà thiếu bề rộng ! Việc học bây giờ lấy tư-tưởng của các nước văn - minh đời xưa đời nay làm phạm - vi, gồm cả văn-chương triết-lý và cách-trí, gồm cả lý-tưởng và thực-hành ; cái phạm-vi của

học-giới bây giờ đã cao mà lại rộng ; người nước ta có sức muốn đi đến đâu cũng được, tưởng không ai cấm; tưởng không ai ngăn. Khi nào trong các hội người thông-thái trong thiên-hạ, có người nước ta dự vào, khi ấy là khi kết-quả hoàn-toàn của sự học mới. Đến khi trong nước đã có người thông-thái sánh vai được với người thông-thái của các nước văn-minh, thì cái ánh-sáng văn-minh đã thấu đến các xứ rừng lâm công, các nơi làng-mạc, mà những người làm thuê và trai cây biết đọc biết viết, không còn dốt-nát như bây giờ. Thời-kỳ ấy tưởng còn xa, nhưng không phải không đến được.

Sự biết là của chung cả loài người, không phải của riêng một dân-tộc ; người một nước phải học cho biết những sự-lý chung của người các nước đều biết, và phải biết riêng việc nước mình. Thử trước lấy sách Tàu làm sách phổ - thông, không dạy việc nước nhà, tuy nước ta có sử mà không đem ra dạy học, và lại sách sử cũ không phải là sách giáo-khoa, còn các nghề chuyên-môn không có trường học; bây giờ trong chương-trình phổ-thông đã có dạy sử và địa-dư nước ta, và đã có sử viết theo lối giáo-khoa-thư, nhưng mà mới làm một lần đầu có nơi khuyết, điểm, cần phải cải-lương. Ở trên các trường phổ-thông lại có trường cao-dẳng là trường chuyên-môn. Cách lập-học bây giờ sánh với cách lập-học trước thì cách lập-học bây giờ hoàn-bị hơn. Nhưng mà người nước ta, ở trong xã-hội nước ta, phải biết cái cơ-sở của xã-hội nước ta ở đâu, rồi mới lo mà bồi-bổ cái nền ấy được... Theo ý riêng tôi thì xã-hội nước ta lấy đạo Đức Khổng-tử làm cơ-sở, mà đạo Đức Khổng-tử lấy lễ-nhạc làm tôn-chỉ gốc, vậy thì lễ-

nhạc là tôn-chỉ gốc của xã-hội nước ta

Lễ-nhạc là hai tôn-chỉ chớ không phải hai chữ thường như chữ khác ; nhưng mà người đời ít kẻ hiểu 2 tôn-chỉ ấy, tưởng lễ là cúng-tế, nhạc là trống kèn; chẳng những người bây giờ ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, chính người đồng-thời với Đức Khổng-tử cũng ít hiểu hai tôn-chỉ ấy, cho nên Đức Khổng-tử tức giận mà than rằng : « Khi người ta nói rằng lễ, khi người ta nói rằng lễ, có phải nói ngọc với lụa vậy thay (1) ! Khi người ta nói rằng nhạc, khi người ta nói rằng nhạc, có phải nói chuông với trống vậy thay ! »

Lễ là trật-tự (*ordre*), nhạc là điều-hòa (*harmonie*), ở trong vũ-trụ chỗ nào cũng có lễ-nhạc, nơi nào cũng có lễ-nhạc, nghĩa là chỗ nào cũng có trật-tự điều-hòa, nơi nào cũng có trật-tự điều-hòa, nếu không như vậy, thì sự sinh-tồn không thể có được.

Hết xuân đến hạ, hết thu sang đông, là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong trời đất ; nhờ có thế mà muôn vật mới phát-sinh được. Nếu xuân hành hạ lệnh, thu hành đông lệnh, thì thiên - khí quai - hòa, mà muôn vật cũng vì đó mà đau mà chết.

« Vua làm nghĩa-vụ của vua, tôi làm nghĩa-vụ của tôi, » là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nước ; « cha làm nghĩa-vụ của cha, con làm nghĩa-vụ của con » là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nhà. Khi vua Cảnh-công nước Tề nghe Đức Khổng-tử nói mấy lời ấy bèn than rằng : « Nếu vua không làm nghĩa - vụ của vua, tôi không làm nghĩa - vụ của tôi, cha không làm nghĩa - vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, tuy có lúa chúng ta há được ăn ru ! » Bởi vì

(1) Cách nói trùng-phục : Lễ vân, lễ vân, nhạc vân, nhạc vân, là có ý giận ; ngọc với lụa là vật dùng mà tế thửu đời xưa, bây giờ không dùng ngọc với lụa mà dùng giấy vàng bạc và các thứ giấy khác.

vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, thì trong nước không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nước loạn; cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, thì trong nhà không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nhà loạn; nước loạn nhà loạn, thì tất phải tự-vong, cho nên nói rằng: « Tay có lửa, chúng ta há được ăn ru! »

Muốn giữ-gìn lễ-nhạc, hay là trật-tự điều-hòa ở trong nước, thì phải tu lòng trung; muốn giữ-gìn lễ-nhạc hay là trật-tự điều-hòa ở trong nhà, thì phải tu lòng hiếu. Trung hiếu là hai cái linh-phủ để giữ-gìn trật-tự điều-hòa trong nước trong nhà vậy.

« Trung ư quân, » không phải là làm cho vua vui lòng riêng, mà phải lo cho nước càng ngày càng thịnh-vượng; « hiếu ư thân, » không phải làm cho cha mẹ vui lòng một lúc, mà phải lo cho việc nhà càng ngày càng quang-xương; nhưng mà xưa nay nhiều người hiểu sai hai cái nghĩa ấy, có kẻ muốn vui lòng vua, tìm cách phụng-ngheh, có kẻ sợ phiền lòng vua, không dám can-ngăn, để cho việc nước phải đồi-bại; có kẻ chỉ biết ở gần cha mẹ, sớm khuya phụng-dưỡng là trọn phận làm con; những người hiểu hai chữ trung hiếu như vậy là hiểu một cách hẹp-hoải; hiện bây giờ cũng có người tưởng rằng đến cửa vua mà cúi đầu vòng tay là tận-trung, kỳ giỗ cha mẹ mà có mâm cao cỗ đầy là tận hiếu. Trung hiếu như vậy thì dễ làm lắm, trẻ con làm cũng được! Phải hiểu rằng vua vui lòng chỉ bằng thấy việc nước càng ngày càng thịnh-vượng; cha mẹ vui lòng chỉ bằng thấy việc nhà càng quang-xương. Ai muốn tu lòng trung thì phải tìm cách mà làm cho nước thịnh-vượng, và phải gây dựng nhân-tài để ngày sau giúp nước cho sự thịnh-vượng càng ngày càng thêm; ai

muốn tu lòng hiếu thì phải lo việc nhà cho quang-xương, và phải nuôi dạy con cháu để ngày sau việc nhà cứ quang-xương mãi. Trung hiếu là một là cớ để dẫn nước dẫn nhà lên đường tấn-bộ, nhưng mà sự đi tới ấy phải có lễ-nhạc, nghĩa là phải có trật-tự điều-hòa, cũng như một toán binh đi tới có thứ-tự và theo nhịp kèn.

Nói tóm lại, thì khai dân-trì là mở trí khôn của dân theo một cái phạm-vi mới đã cao và rộng, không lấy tư-tướng của một nước một dân-tộc làm phạm-vi, mà lấy tư-tướng của các nước, của các dân-tộc làm phạm-vi, và khiến cho dân trong nước biết tu lòng trung-hiếu để mà bồi-bổ cái cơ-sở của xã-hội nước nhà càng ngày càng bền-vững.

IV. *Quảng-dân-tài.* — Quảng-dân-tài là mở rộng của của dân, nghĩa là làm cho dân giàu. Mấy năm nay trong nước ta, chẳng luận theo tôn-giáo nào, nhiều người sùng-bái ông Tài-thần, nhiều người lo làm giàu, làm cho có tiền nhiều, để ăn ngon mặc tốt và nhà ở đẹp. Trừ ra một hai ông sơn-nhân xử-sĩ bên Tàu, và mấy ông thầy sãi (*fakirs*) bên Ấn-độ, không nghĩ đến thế-giới vật-chất, còn phần nhiều người trong thiên-hạ đều lo ba sự ấy, là ăn, mặc và nhà ở; ấy là ba điều cần nhất của loài người, ba điều ấy chiếm một phần to trong sự văn-minh của thế-giới.

Từ khi loài người ăn lông uống huyết đến khi ăn cao-lương mĩ-vị; từ khi mặc áo bần là cây vỏ cây đến khi mặc gấm-nhiều sô-sa; từ khi ở hang ổ lỗ đến khi ở nhà rộng cửa cao, nhân-loại tấn-bộ không biết là bao nhiêu!

Hiện bây giờ nước nào có nhiều người sung-sướng như vậy là nước văn-minh, được người kính trọng, nước nào không có hay là ít những người ấy, là nước dã-man, phải người khinh-bĩ, những người chưa hưởng được cái mùi đời sung-sướng ấy thì có

lâm cho được, những người đã chiếm được cái địa-vị sung-sướng ấy cốt làm cho sung-sướng hơn, tranh-cạnh nhau nhiều khi kịch-liệt đến nỗi tàn-hại nhau, tàn-hại nhau để cho được ăn ngon mặc tốt, và nhà ở đẹp, nghĩ cũng tức cười! Nhưng mà đạo đời như vậy, ta ở trong đời thì phải theo đời.

Hiện bây giờ trong nước ta nhiều người ăn cơm trộn với ngô với khoai mà ăn không được no, mặc áo vải mà không toàn thể, ở lều tranh mà không được kín, cái quang-cảnh cực khổ ấy, ra khỏi thành-phố đã thấy; nghĩa-vụ của Chánh-phủ phải làm cho những người ấy ăn cho no không cầu chi ngon, mặc cho ấm không cầu chi tốt, ở cho kín không cầu gì đẹp, cái vấn đề ấy rất khó giải.

Các nhà kinh-tế đã nghĩ rằng muốn làm cho một nước một dân được giàu có, phải làm ba điều, mở cái giá-trị của người xứ ấy, mở cái giá-trị của đất xứ ấy, và lập phương-pháp kinh-tế, nghĩa là lập những phương-pháp làm ăn cho tiện.

Người là một cái tư-bản quý nhất trong một nước, người không cần nhiều mà cần có giá-trị; 7 triệu người nước Bỉ-li-thi (*Belgique*) có giá hơn 400 triệu người Trung-hoa, 300 triệu người Ấn-độ.

Người nước ta phần nhiều yếu và dốt; người bần-thụ yếu tuy có nhiều cơ, mà sự táo-hôn cũng là một cơ. Luật lệ nước ta không định rõ tuổi hôn-thú, dân theo tục hay cưới gả sớm, còn trai con gái lên 10, 12 tuổi đã lấy nhau, 15, 16 tuổi đã có con; cha mẹ còn non tuổi, sinh con mạnh sao được? Muốn giúp cho người trong nước được mạnh-khỏe, đáng định tuổi hôn-nhân. Bắc-kỳ đã sửa dân-luật, đã sửa khoản ấy, Trung-kỳ chưa làm.

Người yếu là tại ăn không no. Mấy năm trước khi Nhà-nước mới linh sang Pháp, khi mới ứng-mộ thì nhiều người

gầy yếu, vào trại đôi ba tháng, ăn uống có chừng và ăn no, người nào cũng mạnh-khỏe. Làm thế nào cho dài đều no? Sự ấy tại mỗi người phải biết làm ăn siêng-năng và biết tích-trữ; mỗi con loài vật đều biết nuôi thân hưởng chi là người. Loài vật không biết tích-trữ, khi đau không kiếm ăn được thì phải đói chết, người phải biết tích-trữ, phòng khi đau ốm; nhưng vậy mà có người không biết tích-trữ, đến khi đau ốm không có thuốc thang, Chánh-phủ lập sở y-lê để giúp dân một đôi chút trong khi tật-bệnh, và nhất là phòng-bị các bệnh truyền-nhiễm không để hại dân. Chí như dân-gian có nhiều người dốt, Chánh-phủ cũng biết sự ấy, cho nên lập trường học ở các làng các tổng để mở trí khôn dần dần cho dân. Khi nào dân ta có sức khỏe, có trí khôn, và biết làm ăn, khi ấy dân ta mới có giá hơn.

« Phụ thiên mẫu địa », nghĩa là cha là trời, mẹ là đất, không ai nhớ người nào nói lời ấy, mà lời ấy cũng hay. Đất là mẹ thì đất nuôi người, nhưng mà để cho đất tự-nhiên sinh-sản thì không nuôi người nổi, phải bắt nó sinh-sản cho nhiều, ấy là phần nhà canh-nông; hóa các thứ thổ-sản làm đồ ăn đồ dùng, là phần nhà kỹ-nghệ; màu-dịch các thứ thổ-sản và các đồ chế-tạo là việc nhà thương-mại. Kỹ-nghệ thương-mại nước ta chưa phát-đạt là tại canh-nông của nước ta chưa mở-mang; nếu mình có sản-vật nhiều và tốt, mà người mình không thể làm, thì người ngoại-quốc đến mà làm, rồi người nước mình cũng nhân đó mà được lợi, không lợi bằng người mình làm lấy, mà cũng có lợi; như xứ Nam-kỳ nhiều lúa, người Nam-kỳ không thể dùng, người ngoại-quốc đến lập nhà máy xay lúa ra gạo, rồi bán gạo ra ngoại-quốc, nhân đó mà xứ Nam-kỳ giàu hơn hai xứ Trung Bắc.

Đất ở Trung-kỳ Bắc-kỳ nhiều chỗ xấu hơn, kiệt lực hơn đất ở Nam-kỳ, thì phải bồi-dưỡng nó, thêm đồ ăn cho nó, nghĩa là thêm phì-liệu cho nó để cho nó sinh-sản được nhiều, rồi lại lựa giống thóc gạo, để cho nó sinh được đồ tốt. Hiện bây giờ gạo ở Đông-Pháp bán ra ngoại-quốc rẻ hơn gạo ở Diên-diện Xiêm-la, vì là gạo Đông-Pháp xấu hơn.

Đất thỉnh-thoảng phải bệnh không sinh-sản được, như là đại-hạn, nước lụt, nước mặn, nước ứ, và các thứ loại vật vô-ích phá. Chánh-phủ phải lo chữa mấy thứ bệnh ấy, để cho đất khỏi phải vì những chứng-bệnh ấy mà đình sự sinh-sản.

Nước ta nhiều rừng mà dân thờ-trước hay đốt phá, đến nỗi bây-giờ rừng ở Bắc-kỳ không đủ cây mà dùng! Chẳng những là người Mèo ở Thượng-du Bắc-kỳ, người Mọi ở trên núi Trung-kỳ hay đốt rừng làm rẫy, người An-nam ta cũng hay đốt phá, bởi vì nhiều người nghĩ rằng của trên rừng là của tự-nhiên, ai muốn lấy cũng được, ít người hiểu rằng phạm của ở trong một nước, không thuộc về người tư, thì thuộc về của công của các làng, không thuộc về các làng, thì thuộc về nước; của của nước là của chung những người trong nước, Chánh-phủ phải giữ gìn của ấy để cho các người trong nước đều hưởng lợi chung, nếu có một đôi người có tư-cách được dùng của ấy, thì Chánh-phủ cho phép, nhưng mà người được phép lấy của ấy phải theo luật-lệ, không được phá hại làm mất lợi của kẻ hậu-sinh.

Còn những đất không trồng ngũ-cốc được, mà không phải là rừng, thì phải tùy theo thổ-nghi mà trồng các thứ cây khác có ích, hay là dùng mà nuôi súc-vật. Nếu đất trong một nước không có chỗ nào bỏ hoang, thì đất thêm giá-trị.

Tuy có người khỏe, tuy có đất tốt, mà không có phương-pháp kinh-tế (*moyens économiques*), thì nước ấy không thịnh-vượng được. Phương-pháp kinh-tế như là đường-sá, hỏa-xa, hỏa-thuyền, nhà giấy-thép, nhà ngân-hàng, v. v..., đều là những phương-pháp để làm ăn cho tiện. Một xứ có đất tốt mà không có đường vận-tải thì không ai đến khai-khăn đất ấy, như là nước Ai-lao (Laos). Nước nào có nhiều đường đi, nhiều đường hỏa-xa, nhiều con sông tàu chạy được, đều là những nước giàu-có. Vì thế cho nên từ có Bảo-hộ, Chánh-phủ lo sửa lại các con đường cũ cho rộng hơn, lại mở đường mới, và làm đường xe-hỏa, lập các sở giấy thép, là để cho nhân-dân lợi-dụng.

Chánh-phủ chỉ biết lập những phương-pháp kinh-tế, còn sự lợi-dụng những phép ấy là tại nhân-dân, muốn lợi-dụng phương-pháp ấy phải có tự-do. Mấy năm trước ai muốn đi xứ này sang xứ kia để làm ăn, phải có giấy thông-hành, mỗi lần xin giấy ấy phải chờ-đợi nhiều ngày; bây giờ chỉ lĩnh một cái thẻ căn-cước (*carte d'identité*) thì đi đâu cũng được, mà thẻ căn-cước ấy dùng được nhiều năm. Từ đó mà người nước ta đi lại trong xứ Đông-Pháp hay là ra ngoại-quốc được tiện hơn trước.

Mấy năm trước ở Trung-kỳ có người xướng sự hiệp vốn để mà làm ăn, bị các quan nghi-kị, phải bị giam-cử cực khổ, bây giờ nhiều người ở Trung-kỳ nghe nói sự hiệp vốn làm ăn đã sợ; lòng nghi-sợ ấy chưa biết lúc nào hết? Vả lại làm ăn là tranh lợi, có khi lợi-quyền người này xung-đột với lợi-quyền người kia mà sinh ra tranh-tụng; đến trước tụng-dinh, có người thua kiện vì là chỉ bằng lý trực! Lại có người không phạm phép nước, chỉ vì có tiền mà phải bị quan-nha đòi hỏi vất-vả tâu

thân ! Vì thế mà người có tiền không muốn ra khỏi làng làm ăn, cam-tâm ở nhà làm việc nho-nhỏ, không được bao nhiêu lợi, mà được an thân. Vậy thì sửa việc Tư-pháp, có đủ phương-phép để mà bảo-hộ lợi-quyền cho dân, là một cách giúp sự sinh-tái trong nước.

Nói tóm lại : quảng-dân-tài là khai-trương cái giá-trị của dân, khai-trương cái giá-trị của đất, và tổ-chức việc làm, mà nhất là sửa luật-lệ thế nào để cho dân được tự-do làm ăn.

Tổng-luận các lễ phò-tự trên này thì đức Kim-thượng ban rằng kinh Bảo-hộ là có ý muốn người mình trước phải biết tự-kinh, sửa mình sửa nết ; tôn quân-quyền là có ý muốn trong nước có nhiều người hiền ; khai-dã-trí là có ý muốn người nước ta gắng mà học để mở trí khôn cho cao và rộng và nhất là giữ-gìn cái cơ-sở của xã-hội nước ta ; quảng dân-tài là có ý muốn mở-mang cái giá-trị của người của đất trong nước mà nhất là phải sắp đặt việc làm thế nào để cho dân được tự-do làm ăn.

Trong các lễ ấy rút lại một lễ quan-trọng nhất là có nhiều người giỏi. Trong nước ta có người giỏi thì biết kinh Bảo-hộ, biết tự-kinh, rồi Bảo-hộ kinh lại mình, mà tình Pháp-Việt tương-thân ngày thêm mật-thiết ; có người giỏi thì các việc đều được thanh-thỏa mà quân-quyền tự-nhiên tôn ; có người giỏi thì biết mở rộng trí dân và biết

bảo-tồn xã-hội ; có người giỏi thì biết cách khai-lợi-nguyên mà làm cho dân giàu.

Nước ta xưa nay há không người giỏi, nhưng mà có người phải bị hoàng-kim ám-nhân, không thấy được xa-tham là một chứng bệnh cũ của quan-trưởng nước ta, nó đã làm cho quan ta phải xấu hổ, nước ta phải suy đồi, phải kiếm thuốc mà trị nó cho tuyệt, đừng để truyền đến đời sau. Nước Nhật-bản là một nước ở Đông-Á, trong 60 năm mà nổi lên một nước hùng-cường, là nhờ các quan Nhật đã bỏ lòng tham ; nước Trung-hoa là một nước rất to ở Đông-Á, trong nước loạn mãi, chưa biết lúc nào yên, là vì các quan Tàu còn nhiều ông tham lợi ; nước ta nhờ có Đại-Pháp bảo-hộ, nếu các quan ta đều là thanh-liêm, thì nước ta tấn-bộ chắc hơn bây giờ. Vậy thì người nào có biết cách gì mà trừ được bệnh tham của quan-trưởng ta, thì có công với nước ta lớn lắm, nước ta đáng dựng tượng đồng người ấy để truyền ngàn năm.

Tôi hiểu Thánh-ý như vậy, không biết phải không, ai hiểu cách khác xin cãi lại để phát-minh lẽ thật ; nếu đồng-ý với tôi, thì cùng nhau giúp đức Hoàng-thượng để thành những tư-tướng ấy. Tuy rằng giúp vua là phận sự của các quan Xu-phủ - đại-thần, nhưng mà các quan đại-thần có nghĩa-vụ của các quan đại-thần, chúng ta có nghĩa-vụ của chúng ta.

Tổng-dốc THÂN-TRỌNG-HUỆ



KHẢO VỀ CÁC LUÂN-LÝ-HỌC-THUYẾT CỦA THÁI-TÂY (1)

III

Còn một phái gọi là phái « luân-lý độc-lập » (*morale indépendante*) đã có một hồi thịnh-hành. Những người có tiếng trong phái này, là bọn ông PROUDHON, FREDÉRIC MORIN, MASSOL, BÀ COIGNET, v.v. Phái này dạy rằng luân-lý là độc-lập, không những đối với tôn-giáo mà lại đối với triết-lý nữa, và gốc luân-lý tức là cái lòng tự-tôn của người ta, người ta bởi biết tự-tôn nên mới sinh ra có nghĩa vụ, có quyền-lợi. Xét ra phái này cũng có chịu ảnh-hưởng của học-thuyết ông KANT. Duy có cái vấn-đề luân-lý đối với khoa-học thế nào, ông KANT giải-quyết nói rằng luân-lý đối với khoa-học không có quan-hệ gì cả, mà trong phái này lại tuyệt-nhiên không xét đến.

Nói tóm lại, về luân-lý-học, cận-dại có ba phái lớn: một là phái duy-lợi (*utilitarisme*), hai là phái biến-hóa (*évolutionnisme*), ba là phái ông KANT (*kantisme*). Ngoài ba phái ấy, những thuyết cũ cũng vẫn còn lưu-truyền.

Nhất-diện thời các nhà thần-học vẫn cho gốc luân-lý là ở trong ý-chí tuyệt-đối của một đấng Thiên-chúa, ý-chí ấy hoặc để cho cá-nhân được tự-do suy-xét (đó là thuyết của ông CHARLES Secrétan), hoặc do quyền một Giáo-hội giải-thích (đó là thuyết của phái nhà thần-học THOMAS D'AUQUIN).

Nhất-diện thời các nhà giữ những chủ-nghĩa về lý-tưởng, về linh-tinh (*idealistes, spiritualistes*), như bọn các ông RAVAIS-SON, PAUL JANET, BOUTROUX, DARLU, v.v. vẫn muốn theo cái cổ-học của các tiền

triết PLATON, ARISTOTE, DESCARTES, LEIBNIZ, mà lại muốn điều-hòa với học-thuyết ông KANT, mong nối lại cái giây quan-hệ triết-học với luân-lý; lấy rằng cái lẽ cứu-cánh của vũ-trụ chính là ở trong lòng đạo-đức vậy.

Sau hết thời là những nhà tư-tưởng không thuộc vào môn-phái nào, như ông FOUILLÉE và ông GUYAU. Ông FOUILLÉE soạn bộ « Phê-phán về các học-thuyết luân-lý cận-dại » (*Critique des systèmes de morale contemporains*); ông GUYAU soạn bộ « Dự-bàn về một lối luân-lý không cường-bách, không thưởng-phạt. » (*Esquisse d'une Morale sans obligation ni sanction*); hai ông đều muốn điều-hòa thuyết biến-hóa với thuyết ông KANT, chứng-giải rằng cái lý-tưởng về đạo-đức nguyên là do phép tiến-hóa mà ra, rồi sau lại làm chủ-động cho phép tiến-hóa.

Ấy đại-khái các thời-kỳ lớn trong luân-lý-học của Thái-Tây từ xưa đến nay như thế. Về cổ-dại luân-lý quan-hệ với triết-học thế nào, về trung-cổ luân-lý quan-hệ với thần-học thế nào, về cận-dại luân-lý quan-hệ với khoa-học thế nào, ấy cứ lấy đại-lược mà xét, các nhà luân-lý Âu-châu xưa nay quan-sát về vấn-đề luân-lý lần-lượt ra ba phương-diện như thế. Bởi thế nên ông BOUTROUX trong sách « Bàn về mấy vấn-đề luân-lý và giáo-dục » (*Questions de morale et d'éducation*) có chia luân-lý Âu-châu ra làm ba bậc: một là luân-lý cổ-dại hồi trước đạo Thiên-chúa (*morale païenne*); hai là luân-lý của Thiên-chúa giáo (*morale chrétienne*) về

(1) Xem Nam-phong số 47, trang 354-362; số 49, trang 6-12.

Trung-cổ thịnh-hành nhất; ba là luân-lý cận-đại, từ khi khoa-học mới dấy lên.

Cứ lược xét cả các học-thuyết luân lý kê trên đó thời biết muốn phân-loại cũng khó. Thường thường người ta chia ra làm hai loại: một là loại « luân-lý thực-nghiệm » (*morales empiriques*), lấy sự cảm-giác làm gốc, hoặc là cảm-giác duy-kỷ, hoặc là cảm-giác vị tha, loại này lại phân ra hai hạng luân-lý duy lợi và luân-lý duy-tình; một loại « luân-lý duy-lý » (*morales rationnelles*), lấy cái trí - tuệ thuần-túy làm gốc. Nhưng mà phân loại như thế thời những luân lý lấy gốc là ở ý-chí một đấng tuyệt - đối gọi là Thiên-chúa, không biết xếp vào hạng nào.

Muốn khảo về luân-lý Âu-châu cho thật đến nơi đến chốn, thời lại còn phải xét luân-lý quan-hệ với tôn-giáo, với khoa-học (vừa khoa-học chung, vừa các khoa-học riêng như sinh-lý, vệ-sinh, y-học, v.v.), với các môn triết-học (như tâm lý, luân lý, mĩ-học, v.v.), với các môn học về xã hội (như lịch-sử, kinh tế, pháp luật, chính-trị, v.v.) thế nào. Nhưng mà khảo cho khắp như thế thời mấy pho sách cũng không hết được. Trong các môn học có quan-hệ với luân-lý-học nhiều hơn nhất, duy có môn giáo-dục. Vậy sau đây chỉ xét luân-lý quan-hệ với giáo-dục thế nào.

Luân-lý quan-hệ với giáo-dục một cách rất mật-thiết. Luân-lý là cái thuật làm người, giáo-dục là cái thuật dạy - dỗ. Muốn dạy-dỗ phải biết làm người thế nào là nên là phải. Một nhà giáo-dục có tiếng là ông COMPAYRE đã nói rằng: « Giáo-dục-học muốn cho thành-lập phải cần đến tâm-lý-học, nhưng mà cũng cần đến một môn học khác nữa, là học về vận mệnh người ta, về mục-dịch ở đời, tức là luân-lý-học. Xét về tâm-lý người ta, biết được nhân-tâm hành động thế nào, mới có thể giải-quyết được cái vấn-đề: Phải

dạy dỗ ra làm sao? Phương-pháp của sự giáo-dục nên thế nào? Lại phải biết cái mục-dịch ở đời là thế nào, sự hạnh-phúc của người ta ra làm sao, mới giải-quyết được cái vấn-đề khác nữa, cũng quan-trọng bằng cái trên: Phải dạy gì? mục-dịch sự giáo-dục là gì? »

Nay cứ theo ý-kiến của phần nhiều các nhà giáo-dục thời mục-dịch của giáo-dục với mục-dịch của luân-lý cũng gần giống như nhau. Như ông KANT nói rằng: « Sự giáo-dục là phải phát-siễn nhân-cách của mỗi người cho được rất mực hoàn-toàn. » Theo ông J. P. RICHTER thời giáo-dục là phát-biễn cái lý-tưởng về nhân-cách người ta. Lại ông HERBERT SPENCER (tàu dịch là Ti-tân-tắc) nói rằng: « Vận-mệnh người ta ở đời là phải sống làm người thế nào cho trọn-ven, vậy thời mục-dịch sự giáo-dục tức là dạy cho ta biết sống làm người cho trọn-ven. »

Ông COMPAYRE lại nói rằng: « Nhưng mà khó là phải giải-thích cho rõ ràng thế nào gọi là nhân-cách hoàn-toàn, thế nào gọi là lý-tưởng ở đời. Về phần đó thời các nhà luân-lý, các nhà triết-học, mỗi người xướng ra một thuyết phản nhau, trái nhau, người thì lấy đạo-đức làm mục-dịch ở đời, người thì lấy hạnh-phúc làm tiêu-chuẩn sự hành-vi; thành ra phép giáo-dục phân-ván, không biết theo bên nào, bỏ bên nào. » Nói rút lại, thời cái vấn-đề tối-cao tối-thiết về giáo-dục-học, chính là một vấn-đề luân-lý vậy.

Xét về một phương-diện khác, bất-luân mục-dịch của giáo-dục là thế nào, luân-lý cũng là một môn thuộc về phạm-vi những tri-thức cùng thói-quen mà giáo-dục cần phải truyền-thụ cho người ta. Nhân đó lại phát ra một cái vấn đề như sau này: Luân-lý có thể đem ra mà dạy được không? Nếu dạy được thời phải dạy ra thế nào? Về khoản này ý-kiến

mỗi người một khác. Người thời nói rằng luân-lý phải làm gốc giáo-dục, dạy cái gì cũng phải khuyên-hướng về đường luân-lý, dạy cái gì cũng có thể gián-tiếp dạy luân-lý được, nhưng mà đem luân-lý làm một môn học riêng bằng-đang với các môn học khác không thể được và cũng không bổ-ích gì. Người khác thời tuy không phản-đối hẳn cái thuyết ấy, cũng cho rằng luân-lý là hàm-hồn cả trong khắp các môn học khác nhưng mà quyết rằng có thể đặt thành một môn mà dạy riêng được.

Về cổ-dại Hi-lạp, ông PLATON chia giáo-dục làm ba môn : đầu là thể thao để luyện-tập thân-thể, cuối là âm-nhạc để di-dưỡng tính-tình, giữa chính là luân-lý để dạy cách ăn-ở. Nhưng mà một chữ *nhạc* của ông PLATON cũng như chữ *lễ-nhạc* trong sách Tâu, nghĩa nó bao-hàm to rộng lắm : nhạc là kiêm cả tôn-giáo, cả luân-lý, cả mi-thuật.

Ông XENOPHON là học trò ông SOCRATE, trong bộ tiểu-thuyết *Cyropédie* luận về phép giáo-dục con trẻ, cũng lấy luân-lý làm một môn trọng-yếu. Ông nói rằng : « Con trẻ đi đến trường không phải là chỉ để học đọc học viết, lại cốt nhất là để học lấy điều nghĩa. »

Đến ông ARISTOTE thời tuy cũng lấy đạo-đức làm gốc giáo-dục, nhưng không đặt luân-lý làm một môn dạy riêng. Theo ông, giáo-dục chỉ có bốn khoản : thể-thao, văn-pháp (là học mẹo làm văn), âm-nhạc và hội-họa (là học vẽ).

Ở La-mã, hồi đầu cả luân-lý-học chỉ gồm trong bộ « Thập-nhi-bản luật-diễn » (*Loi des Douze Tables*) là bộ luật thứ nhất của dân La-mã, khắc vào mười-hai bản bằng đồng. Con trẻ bắt đầu vào học phải học thuộc lòng bộ luật ấy. Đến sau ông CICERON (106-43 trước Gia-tô) là một nhà hùng-biện kiêm triết-học La mã, soạn

bộ sách « Nghĩa-vụ-luận » (*De Officiis*) để dạy con là MARCUS, lấy luân-lý làm đề-mục sách, nói rằng trong các môn học duy có luân-lý là hợp với tuổi thanh-niên của kẻ học và quyền phụ-huynh của người dạy. Từ đây luân-lý-học thành một môn giáo-dục, nhưng cũng bằng-đang như các môn tu-từ-học (là học về văn-chương biện-thuyết), luận-lý-học (là học về phép bàn lẽ cái lẽ).

Về Trung-cổ thời ở các trường tôn-giáo và thần-học chiếm mất cả phần triết-học và luân-lý.

Mãi đến đời Văn-nghệ-phục-hưng, luân-lý và triết-học mới lại dấy lên, nổi lại cái học-thống cũ của các tiền-triết Hi-lạp La-mã. Ông RABELAIS (1500-1553), người Pháp về đời bấy giờ, soạn bộ tiểu-thuyết *Gargantua*, nói là muốn làm một cái « kho học-văn » (*un abisme de science* cho người đời, nhưng cũng công-nhận rằng học gì thì học, đều phải lấy luân-lý làm gốc. Ông có câu rằng : « Người xấu bụng không bao giờ trở nên người khôn-ngoa, và học-văn mà không có lương tâm chỉ là tai-hại linh-hồn » (*Sapience n'entre point en âme maléole et science sans conscience n'est que ruine de l'âme*). — Đến ông MONTAIGNE (1533-1592) cũng là bậc danh-sĩ nước Pháp về đời bấy giờ, lại công-nhiên lấy luân-lý-học làm trọng lắm. Ông nói rằng : « Đối với người học trò, chỉ thường hỏi có biết tiếng Hi-lạp không ? có biết tiếng La-mã không ? Hỏi thế không phải, phải hỏi rằng đi học có khôn-ngoa đức-hạnh thêm được chút nào không ? » Lại nói rằng : « Họ chỉ nhồi óc mình bằng sách-vở, còn dạy cho có đạo-đức, cho biết phán-đoán, tính không. » Theo ý ông, dạy triết-học, dạy luân-lý, càng sớm càng hay. Ông nói rằng : « Dạy triết-học không phải là nghị-luận những sự mầu-nhiệm phiến-toái gì, chẳng qua là giảng những lẽ

thường chánh đáng ở đời, biết dạy ra thời cũng vui như truyện ngụ-ngôn, con trẻ mới lọt lòng học cũng được, chẳng khó gì hơn học đọc học viết. »

Các nhà giáo-dục kế tiếp sau phần nhiều là người các giòng đạo, mỗi phái cho luân-lý một cái địa-vị to nhỏ khác nhau. Như giòng *Jésuites* thời dạy luân-lý ít lắm; còn giòng *Jansénistes* và giòng *Oratoriens* dạy cũng khá.

Người trước nhất xướng lên rằng luân-lý là một môn học cần cho cả mọi người, không thể khuyết được, là thầy giòng *FLEURY* (1648-1723) thầy muốn rằng cách dạy phải nên lấy việc mà tỉ-dụ, không nên lấy lý mà bàn luận. Ông *ROLLIN* (1661-1741), thời lại cho luân-lý là không thể dời với triết-học được, và triết-học thời đến cuối bậc trung-học mới nên bắt đầu học, làm kết-quả cho sự phổ-thông giáo-dục; như vậy thời chỉ con nhà thượng-lưu mới được học luân-lý, vì chỉ có con nhà thượng-lưu mới có thể học được đến hết trung-học.

Kịp đến ông *ROUSSEAU* cũng đồng một ý kiến ấy, cho rằng luân-lý phải dạy về sau cùng. Nhưng các nhà giáo-dục về đời Cách-mệnh nước Pháp thời lại trái ý ấy.

Ông *HELVETIUS* xin rằng các trường công phải dạy luân-lý hết. Ông nói : « Ở trường trung-học từ lớp ba cho đến lớp nhất học gì ? Học làm thơ La-mã ! Còn thì giờ học luân-lý thời được bao nhiêu ? Được không đầy một tháng ! » Theo ông, phép dạy luân-lý phải dạy như dạy tôn-giáo, tóm tắt những điều cốt yếu đặt thành câu vấn-đáp, để cho con trẻ học thuộc lòng. Ông nói rằng : « Những việc hàng ngày thực-nghiệm ra là hợp lẽ, là có ích, nay đem đặt làm phép-tắc, bắt con trẻ học cho ghi vào ký-ức, sao lại không được ?

Càng về gần đời Cách-mệnh thời lại càng thấy nhiều người bàn Nhà-nước nên chủ trương việc dạy luân-lý cho quốc-dân. Ông *LA CHALOTAIS* phản nài rằng ở các trường của dòng *Jésuites* dạy một thứ triết học siêu-viên quá, còn luân-lý-học thời không dạy kỹ. Ông bèn xướng lên rằng : « Từ nay phần dạy về các lễ tôn-giáo nên để riêng cho giáo-hội, còn dạy luân-lý phải để về quyền Nhân-nước », lời ấy sau này ở nước Pháp quả thực-hành như thế.

Quan Thượng-thư *TALLEYRAND* trong tờ trình cho Quốc-hội năm 1791 cũng nói như sau này : « Luân-lý là gốc hiến-pháp, ai cũng phải hiểu luân-lý mới được. Phàm người ta có trí khôn, có lẽ phải, ai cũng có thể học luân-lý được, tuổi nào cũng có thể dạy luân-lý được, vậy thời phải đem luân-lý ra mà dạy như một khoa-học vậy... Từ xưa đến nay biết bao nhiêu người phản-nài rằng ở nước nào cũng vậy, về đời nào cũng vậy, người đời cứ lấy ý-kiến riêng của mỗi người mà xét đoán về lẽ đạo-đức, thành ra đạo-đức không có nhất định... Nay phải đặt luân-lý cho có cơ sở vững-vàng, phải chứng-giải cho người đời biết rằng người ta đâu ý-kiến khác nhau thế nào, mà ai ai cũng có thể gặp nhau ở một nơi đồng-tâm đồng-ý được, nơi ấy là nơi luân-lý vậy. »

Lời bàn của ông *TALLEYRAND* ở nước Pháp mãi đến năm 1881 mới là công-nhiên thực-hành. Từ năm ấy, trong chương-trình các trường tiểu-học (vừa con trai, vừa con gái), có đặt riêng ra một khoa luân-lý. Về trung-học thời mãi đến lớp cuối cùng về ban văn-học mới chuyên dạy về luân lý cùng với các phần khác trong triết-học như tâm-lý-học, luận-lý-học, v.v. Về đại-học thời tuy không có một chuyên-khoa về luân-lý

nhưng mà các ông giáo triết-học có quyền tự-do muốn giảng về luân-lý cũng được.

Cứ theo ý-kiến các nhà giáo-dục đời nay thời việc dạy luân-lý ở nước Pháp hiện còn khuyết-diểm. Quyền giáo-dục của Giáo-hội mỗi ngày một kém đi mà quyền giáo-dục của Quốc-gia không thấy

bổ-cứu được, nhiều người lấy thể làm một sự nguy-hiểm cho thể đạo nhân-tâm. Hiện đã có người xướng lập những « Hội Đức-dục » như hội *Union pour l'action moral*, cũng giống các hội *Ethical Societies* ở Anh ở Mi để cải-chính phong-tục và văn-hồi đạo-đức trong quốc-dân.

THƯỢNG-CHI

聖賢格言

Thành-hiến cách-ngôn

(Lời nói phải của Thánh-hiến)

Bản-chỉ lấy làm vui mừng được quan NGUYỄN VĂN-BÀN, tiến-sĩ, luân-phủ Vĩnh-yên, gửi cho đăng tập Thành-hiến-cách-ngôn này. Quan Tuần Nguyễn là một nhà cựu-học có tiếng trong nước, nay ngài trước là vị công-ích quốc-dân, sau là có lòng yêu bản-chỉ, không quản việc quan bề-bộn, dụng công biên-tập sách này, thật là có công với học-giới vậy. Bản-chỉ xin có lời cảm ơn ngài lắm lắm.

Bài này in một bên chữ nho, một bên quốc-ngữ, dưới chữ nho lại thích âm rõ-ràng, bên quốc-ngữ thời dịch lấy đúng nghĩa : thật là tiện-lợi cho những người nhân đây muốn học thêm hán-tự.

N.-P.

序

我越當學界新舊
Ngũ Việt đương học giới tân cựu
之交。漢學日少。歐
chí giao, hán học nhật thiều, âu
學日多。有心者皆
học nhật đa, hữu tâm giả giai
以保存漢學爲應。
đĩ bảo tồn hán học vi lự,
發於言論。形於報
phát ư ngôn luận, hình ư báo
章。屢見不一見。何
chương, lữ kiến bất nhất kiến, hà
諄諄然也。或者謂
chuân chuân nhiên dã? Hoặc giả vị
居今之世、欲謀生
cư kim chí thế, dục mưu sinh

序

Nước Việt ta đương buổi học cũ đã
thối, học mới đương chuộng, học chữ
nho mỗi ngày ít đi, học chữ tây mỗi ngày
nhiều ra, người hữu-tâm đều lo nghĩ
giữ-gìn học chữ nho, phát ra lời bàn nói,
dăng vào các báo-chương, thường thấy
bàn đến sự ấy, sao phải siêng-sóc lắm
vậy? Có kẻ bảo rằng muốn sinh-lồn ở

存者。宜急請歐學。
 tồn giả, nghi cấp giảng âu học,
 乃猶以保存漢學
 nãi do dĩ bảo tồn hán học
 爲言。不亦迂乎。曰
 vi ngôn, bất diệc vu hồ? Viêt
 非也。歐學固宜擴
 phi dã, âu học cố nghi khuếch
 張。而漢學亦不可
 trương, nhi hán học diệc bất khả
 缺。蓋我越乃亞東
 khuuyết. Cái ngã Viêt nãi Á-đông
 古國。數千年來
 nhất cổ quốc, số thiên niên lai
 藉漢學以明倫理。
 ta hán-học dĩ minh luân lý.
 守秩序。自國都至
 thủ trật tự, tự quốc đô chí
 閭巷皆知敬尊長
 lư hạng, giai tri kính tôn trưởng,
 恤孤窮。好善良。惡
 tuất cô cùng, hiếu thiện lương, ố
 奸惡。此國粹也。垂
 gian ác, thử quốc túy dã. Thùy
 至今日。猶爲文明
 chí kim nhật, do vi văn minh
 富強之貴保護國
 phú cường chí qui bảo hộ quốc
 所見愛見重者亦
 sở kiến ái kiến trọng giả diệc
 惟籍此尊奉漢學
 duy ta thử tôn phụng hán học
 之一箇真心耳。今
 chi nhất cá chân tâm nhĩ. Kim
 國民見歐學能至
 quốc dân kiến Âu học năng chí
 富強。傾心慕之。慕
 phú cường, khuynh tâm mộ chí, mộ
 之誠宜矣。然僅得
 chí thành nghi hĩ, nhiên cận đắc
 歐學之皮相者其
 Âu học chí bì tướng giả kỳ
 數多。而求得其精
 số đa, nhi cầu đắc kỳ tinh
 神者其數尙少。乃
 thần giả kỳ số thượng thiều. Nãi
 一旦遽棄我數千
 nhất đán cự khí ngã số thiên

thời-buổi này, phải nên kíp học chữ
 tây, nay còn bản đến sự giữ gìn học
 chữ nho chẳng hóa ra vu-viên lắm ru?
 Thưa rằng: Không phải vu-viên, học
 chữ tây vẫn nên mở mang ra, nhưng
 học chữ nho cũng không nên khuyết,
 vì nước Nam ta là một nước vẫn có
 từ xưa ở bên Á-đông này, và nghìn năm
 nay, nhờ có học chữ nho để biết luân-
 lý, giữ trật-tự, từ kẻ chợ cho chí nhà
 quê, đều biết kính người tôn-trưởng,
 thương kẻ cô-cùng, yêu người thiện-
 lương, ghét đũa gian-ác, ấy là tục cũ
 tốt của nước nhà vậy. Đến ngày nay
 giàu mạnh văn-minh như nước Bảo-
 hộ, còn yếu và trọng cái sự tốt của
 nước mình, cũng là nhờ có cái bụng
 chân-tâm tôn-trọng đạo nho-học đó,
 mà thời nay quốc-dân ta thấy Âu-học
 giàu mạnh, dốc lòng mộ học chữ tây,
 thực là phải lắm, nhưng học chữ tây
 mới biết được dằng-dấp bề ngoài, ấy
 là phần nhiều, biết được các tinh
 thần cao-thượng còn là phần ít, thế
 mà vội bỏ cái sự tốt và nghìn năm

年 來 之 國 粹。 不 幾
 niền lai chi quốc túy, bất cơ
 忘 本 乎。 然 則 保 存
 vong bản hồ? Nhiên tắc bảo tồn
 漢 學 之 說 是 也。 非
 hàn học chi thuyết thị dã, phi
 迂 也。 然 保 存 豈 易
 vu dã. Nhiên bảo tồn khởi dĩ
 言 哉。 天 下 勞 而 已。
 ngôn tai? Thiên hạ lao nhi dĩ
 勢 重 必 趨 於 重。 今
 thế trọng tất su trọng, kim
 學 生 日 奔 走 於 六
 học sinh nhật bôn tẩu ư lục
 街 廛 中。 以 求 學 堂
 nhai trần trung, dĩ cầu học đường
 之 舉 業 證 紙。 皆 爲
 chi tất nghiệp chứng chỉ, giai vì
 衣食 謀 耳。 若 尋 舊
 y thực mưu nhĩ, nhữc tìm cựu
 學 師 以 講 漢 字。 則
 học sư dĩ giảng hán tự, tắc
 將 焉 用 乎。 此 歐 學
 tương yện dụng hồ? Thử âu học
 不 期 昌 而 口 昌。 漢
 bất kỳ xương nhi nhật xương, hàn
 學 不 期 廢 而 日 廢。
 học bất kỳ phế nhi nhật phế,
 則 勞 之 必 至 也。 保
 nhi tuế cui tai cui dã. Bảo
 存 之 說 尤 難 矣 哉。
 tồn chi thuyết tước nan ư tai.
 然 則 爲 計 當 如 何。
 Nhiên tắc, vi kế đương như hà?
 曰 保 存 之 方 不 一。
 Viết bảo tồn chi phương bất nhất
 而 足 所 爲 保 存 者。
 nhi túc sở vi bảo tồn giả
 保 存 義 理 之 學。 非
 bảo tồn nghĩa lý chi học, phi
 科 舉 之 學 也。 保 存
 khoa cử chi học dã. Bảo tồn
 是 用 之 學。 非 虛 文
 thế dụng chi học, phi hư văn
 之 學 也。 夫 以 爾 義
 chi học dã. Phu kỳ vị nghĩa
 理 之 學。 是 用 之 學。
 lý chi học, thế dụng chi học,

nay của nước mình, chẳng hóa ra
 vong - bản lằm ru? Thế thì cái
 lời nói giữ-gìn học chữ nho là lời phải
 dỏ, chẳng phải là vu-viên đầu, nhưng
 giữ-gìn được khó lắm, trong thiên-hạ
 chẳng qua theo thế mạnh mà thôi, thế
 dảng nào mạnh tất đổ xô theo dảng
 ấy, nay các học-sinh ban ngày đi rầm-
 rập ở trường chốn thành-thị, để cầu
 lấy cái bằng tốt-nghiệp, cũng vì lo về
 sự y-thực mà thôi, nếu tìm các
 thầy cựu-học để học chữ nho, thời
 có dùng được việc gì? Vì thế
 học chữ tay không kỳ nhiều mà mỗi
 ngày nhiều ra, học chữ nho không
 kỳ ít mà mỗi ngày ít đi, cũng là thế
 tất-chỉ như vậy. Sự giữ-gìn học chữ
 nho, thực khó lắm vậy, thời nên làm
 thế nào, để giữ-gìn cho được? Thưa
 rằng các bảo-tồn không phải một điều
 mà du được, và sự giữ-gìn ấy là giữ-
 gìn sự học nghĩa-lý, không phải giữ-gìn
 lối học thi-cử, giữ-gìn sự học thực-
 dụng không phải giữ-gìn lối học hư-
 văn. Đã gọi là học nghĩa-lý, học thực

則 五 經 四 書 備 矣。
tắc ngũ kinh tứ thư bị hi.
凡 我 舊 學 派 宜 取
Phàm ngã cựu học phái nghi thủ
經 傳 正 文 而 以 國
kinh truyện chính văn nhi dĩ quốc
文 譯 之。略 加 註 釋。
văn dịch chi, lược gia chú thích,
要 簡 約 明 白。足 曉
yếu giản ước minh bạch, túc hiểu
正 文 之 意 義 則 已。
chính văn chi ý nghĩa tắc dĩ,
稿 成 遂 由 南 風 中
cáo thành đệ do Nam - phong Trung-
北 諸 報 家 閱 合 登
bắc chư báo gia duyệt hợp đăng
載。俾 學 生 於 休 息
tải, tỉ học sinh ư hưu tức
日 讀 報 章。便 得 聞
nhật, độc báo chương, tiện đắc văn
古 聖 賢 之 所 垂 訓。
cổ thánh hiền chi sở thủy huấn,
興 我 祖 國 之 所 尊
dư ngã tổ quốc chi sở tôn
崇。而 平 日 我 國 民
sùng, nhi bình nhật ngã quốc dân
口 頭 語 所 謂 舊 學
khẩu đầu ngữ sở vị cựu học
者。如 此 如 此。果 腐
giả, như thử như thử, quả hủ
耶。非 腐 耶。迂 腐 耶
da, phi hủ da, vu khuất da
抑 切 寔 耶。熟 讀 之
ức thiết thực da, thực độc chi
再 思 之。學 生 可 悠
'ai tư chi, học sinh khả du
然 心 得 矣。此 南 風
nhiên tâm đắc hi. Thử Nam - phong
報 家 阮 君 伯 卓。中
báo gia Nguyễn quân Ba Trạc, Trung-
北 報 家 潘 君 繼 炳
bắc báo gia Phan quân Kế Bình
屢 以 譯 述 聖 賢 經
lũ dĩ dịch thuật thánh hiền kinh
典 為 言。皆 熟 心 保
diễn vi ngôn, đại nhiệt tâm bảo
存 漢 學 之 要 話 也。
lưu hán học chi yếu thoại dã

dụng, thời năm pho kinh, bốn pho
truyện đã đủ cả rồi. Những các ông cựu-
học nên đem các chính-văn trong kinh
truyện mà dịch ra chữ quốc-ngữ và
chưa nghĩa ra cho giản-dị mà rõ-ràng,
dù hiểu ý-nghĩa lời chính-văn thời
thôi, dịch xong gửi các nhà báo Nam-
phong và Trung-Bắc lần-vần xét lại
xem có được thì đăng báo, để cho
học-trò những khi hết giờ học, xem
báo, được nghe lời dạy-bảo của đứng
thành-hiện đời xưa và biết tổ-quốc
minh xưa nay tôn-sùng nho-học và
ngay thường những lời nói khẩu-dầu
của quốc-dân ta thường gọi là cựu-học
ấy là nưu thuế, có thực là hủ không?
hay không thực là hủ? có phải là dạy
sự xa-xôi, hay là dạy những sự thiệt-
thực? Đọc cho kỹ, nghĩ cho chín,
tương các học-sinh cũng vui lòng hiểu
được vậy, vì thế ông Nguyễn Bá-Trạc
ở báo Nam-phong, ông Phan Kế-Bình
ở báo Trung-Bắc thường nói nên dịch
sách nho của các thanh hiền, đều là
lời nói cốt-yếu, có lòng sốt-sắng về

夫經傳乃聖賢垂
Phù kinh truyện nãi thánh hiền thùy
世立教之書。字字
thế lập giáo chi thư. tự tự
句句皆格言也。將
cú cú giai cách ngôn dã. tuong
全書釋述。周宜矣。
toàn thư dịch thuật, cổ nghi hi,
第卷秩較繁。辭旨
đệ quyển trật hiệu phiến, từ chỉ
微奧。初學難於索
vi áo, sơ học nan ư sách
解。况新學門課甚
giải, huống tân học môn khóa thậm
多。其所留餘辰刻
đa, kỳ sở lưu dư thời khắc
以講漢字無幾。經
dĩ giảng hán tự vô kỷ, kinh
傳全書難期卒讀。
truyện toàn thư nan kỳ tốt độc,
亦勢使然也。且古
diệc thế sử nhiên dã. Thả cổ
人千言萬語。其要
nhân thiên ngôn vạn ngữ, kỳ yếu
不外人倫日用之
bất ngoại nhân luân nhật dụng chi
常。身家邦國之切。
thường, thân gia bang quốc chi thiết,
數大端而已。苟求
số đại đoan nbi dĩ, câu cầu
其要焉。則於漢學
kỳ yếu yên, tắc ư hán học
亦粗窺其大略也。
diệc thô khuy kỳ đại lược dã.
茲請姑就經傳中
Tư thỉnh cô tựu kinh truyện trung
擇其簡而明者約
trạch kỳ giản nhi minh giả ước
而述之。分爲幼儀
nhi thuật chi, phân vi ấu nghi,
勸戒, 君臣, 父子, 夫
khuyến giới, quân thần, phu tử, phu
婦, 兄弟, 朋友, 修身,
phu, huynh đệ, bằng hữu, tu thân,
齊家, 治國, 凡十目。
tề gia, trị quốc, phạm thập mục,
列爲十章。五十
liệt vi thập chương. ngũ thập nhất

sự giữ-gìn hán-học. Kinh-truyện là sách của đứng thánh-hiền dạy đời, câu nào chữ nào cũng là lời nói cách-nghôn cả. Nay đem cả bộ dịch ra quốc-ngữ rất là nên lãm. Nhưng ngặt vì sách vở nhiều lắm, mà lời-lẽ ý-tư nhiều chỗ sâu-xa, kẻ mới học khó hiểu được; huống-chi chương-trình học chữ Pháp rất nhiều, có lẽ lưu một ít thời giờ để học chữ nho, nhưng không được mấy, năm pho kinh, bốn pho truyện khó lòng mà đọc hết được, cũng là thế không sao xiết được. Vả chẳng, cớ-nhân nói nghìn muôn lời chẳng qua nói những sự thường về đường luân-lý và ngày thường làm ăn cùng là những sự thiết-thực, về những sự thân-gia mình, tổ-quốc mình, mấy điều lớn đó mà thôi. Nếu biết được những sự cốt-yếu ấy thời học chữ nho cũng biết đại-lược được. Nay xin hãy chọn những câu giản-dị và rõ-ràng ở trong kinh truyện, mà ước-lược ra đây, chia làm mục dạy trẻ, mục khuyên-răn, mục vua-tôi, mục cha-con, mục vợ-chồng, mục anh-em, mục bè-bạn, mục tu-thân, mục tề-gia, mục trị-quốc, mười mục chia làm mười chương, năm mươi một tiết, gọi là sách *Thánh-hiền cách-nghôn*, đều lấy những lời thiết-dụng để hiển

節。顏 曰 聖 賢 格 言。
 tiết, nhan viết thánh hiền cách ngôn.
 蓋 取 其 切 近 易 曉。
 cái thủ kỳ thiết cận dị hiểu,
 俾 便 初 學。亦 保 存
 tỉ tiện sơ học, diệc bảo tồn
 漢 學 之 一 端 也。若
 hán học chi nhất đoan dã, nhược
 求 其 詳 備。已 有 全
 cầu kỳ tường bị, dĩ hữu toàn
 書 在 矣。
 thư tại.

啓 定 六 年 六 月 十
 Khải định lục niên lục nguyệt thập
 六 日。永 安 備 撫 同
 lục nhật. Vĩnh yên bị phủ đồng
 進 士 阮 文 彬 謹 序
 tiến sĩ Nguyễn Văn Bân cẩn tự

凡 例。- Phàm-lệ

一 書 中 凡 十 目 分
 Nhất thư trung phàm thập mục phân
 爲 十 章。五 十 一 節。
 vi thập chương, ngũ thập nhất tiết,
 以 便 日 課。
 dĩ tiện nhật khóa.

一 漢 字 均 譯 出 國 語。
 Nhất hán tự quân dịch xuất quốc ngữ.

一 書 中 皆 取 經 傳
 Nhất thư trung dai thủ kinh truyện
 正 文。或 取 全 章。或
 chính văn, hoặc thủ toàn chương, hoặc
 一 節。或 一 二 句。各
 nhất tiết, hoặc nhất nhị cú, các
 隨 其 日。編 次 成 之。
 tùy kỳ mục, biên thứ thành chi.

一 書 中 音 義 皆 從
 Nhất thư trung âm nghĩa dai tông
 經 傳 原 本。其 註 釋
 kinh truyện nguyên bản, kỳ chú thích
 略 取 集 傳 一 二 字
 lược thủ tập truyện nhất nhị tự
 解 之。取 達 意 義 而 已。
 giải chi, thủ đạt ý nghĩa nhi dĩ.

cho tiện kẻ sơ-học xem, cũng là một
 sự giữ gìn hán-học; nhược bằng muốn
 cho biết rõ và đủ, thời đã có các pho
 kinh truyện toàn-bộ.

Ngày mười sáu tháng sáu năm Khải-
 định thứ sáu.

Vĩnh-yên Tuần-phủ đồng-tiến-sĩ

NGUYỄN VĂN-BÂN tự

Những lệ trong sách

Sách này gồm 10 mục, chia làm 10
 chương, 51 tiết, cho tiện dạy từng buổi.

Chữ nho đều dịch ra chữ quốc-ngữ.

Sách lấy lấy những câu chính-văn
 trong kinh truyện, hoặc lấy cả chương,
 hoặc lấy một tiết, hoặc lấy một hai câu
 tùy từng mục biên-chép lại, thành
 quyển này.

Âm nghĩa sách này đều theo bản
 sách kinh truyện cũ, còn những chữ
 chưa là tóm lấy một hai chữ trong tập
 truyện để giải nghĩa, cốt tiện được ý
 nghĩa thời thời.

一 何 句 義 明 白
 Nhất hà cù nghĩa minh bạch
 易 曉。 則 併 數 節 合
 dị hiểu, tắc tình số tiết hợp
 解 以 歸 省 約。
 giải dĩ qui tỉnh ước.

目 錄

第 一 章

幼 儀. — Ấu nghi

自 一 節 至 三 節
 Từ nhất tiết chí tam tiết

第 二 章

勸 戒. — Khuyến giới

自 四 節 至 七 節
 Từ tứ tiết chí thất tiết

第 三 章

君 臣. — Quân thần

自 八 節 至 十 三 節
 Từ bát tiết chí thập tam tiết

第 四 章

父 子. — Phụ tử

自 十 四 至 十 九 節
 Từ thập tứ chí thập cửu tiết

第 五 章

夫 婦. — Phu phụ

自 二 十 至 二 十 三 節
 Từ nhị thập chí nhị thập tam tiết

第 六 章

兄 弟. — Huynh đệ

自 二 十 四 至 二 十 七 節
 Từ nhị thập tứ chí nhị thập thất tiết

Hễ câu nào nghĩa rõ-ràng thời đề
 gồm cả vài tiết giải nghĩa làm một cho
 tỉnh-ước.

MỤC-LỤC

Chương thứ I

Phép dạy trẻ.

Từ tiết thứ 1 đến tiết thứ 3.

Chương thứ II

Khuyến-răn

Từ tiết thứ 4 đến tiết thứ 7.

Chương thứ III

Vua tôi

Từ tiết thứ 8 đến tiết thứ 13.

Chương thứ IV

Cha con

Từ tiết thứ 14 đến tiết thứ 19.

Chương thứ V

Vợ chồng

Từ tiết thứ 20 đến tiết thứ 23.

Chương thứ VI

Anh em

Từ tiết thứ 24 đến tiết thứ 27.

第七章

朋友. — *Bằng hữu*

自二十八至三十二節
Tự nhị thập bát chí tam thập nhị tiết

第八章

修身. — *Tu thân*

自三十三至三十七節
Tự tam thập tam chí tam thập thất tiết

第九章

齊家. — *Tề gia*

自三十八至四十節
Tự tam thập bát chí tứ thập tiết

第十章

治國. — *Trị quốc*

自四十一至五十一節
Tự tứ thập nhất chí ngũ thập nhất tiết

第一章

幼儀. — *Ấu nghi*

第一節

禮曰。幼子常示毋
Lễ viết: Ấu tử thường thị vô

詐。〔言教以正道。不
cuống, (ngôn giáo dĩ chính đạo, bất
習欺詐)。
lập khi trá).

禮曰。子生三月。父
Lễ viết: Tử sinh tam nguyệt, phụ

執子之右手而名
chấp tử chi hữu thủ nhi danh
之。子能食教以右
chí; tử năng thực giáo dĩ hữu
手。六年教以數。十
thủ; lục niên giáo dĩ số (thập
百千萬) 與方名 (東
bách thiên vạn) dĩ phương danh (đông
西南北)。八年出入
tây nam bắc; bát niên xuất nhập

Chương thứ VII

Bè bạn

Từ tiết thứ 28 đến tiết thứ 32.

Chương thứ VIII

Sửa mình

Từ tiết thứ 33 đến tiết thứ 37.

Chương thứ IX

Tề gia

Từ tiết thứ 38 đến tiết thứ 40

Chương thứ X

Trị nước

Từ tiết thứ 41 đến tiết thứ 51.

CHƯƠNG THỨ I

Phép dạy trẻ

TIẾT THỨ 1

Kinh Lễ nói rằng: « Trẻ con thường phải dạy bảo nó chớ nói dối. » (Đây là nói dạy lấy sự ngay-thẳng, không tập dối-trá.)

Kinh Lễ nói rằng: « Con sinh được ba tháng, cha cầm tay phải con mà đặt tên cho con; con biết ăn cơm, dạy lấy tay phải cầm dũa; lên sáu tuổi dạy đếm số mục (như mười, trăm, nghìn, vạn), cùng tên bốn phương (như đông, tây, nam, bắc); lên tám tuổi, đi ra đi vào các cửa

門戶。及卽席飲食。
môn hộ, cập tức lịch ẩm thực.
必後長者。始教之。
tất hậu trường giả, thủy giáo chi
讓。九年教之數日。
nhượng; cửu niên giáo chi số nhật
(朔望六甲)。十年出
(sóc vọng lục giáp); thập niên xuất
就外傳學書(六書)
tựu ngoại phó học thư (lục thư)
計(數計)學幼儀。十
kế (số kế), học ấu nghi; thập
三年學樂誦詩。學
tam niên học nhạc tụng thi, học
射御。二十而冠。始
xa ngự; nhị thập nhi quán, thủy
學禮。惇行。孝悌。女
học lễ, đôn hạnh, hiếu đễ. nữ
子十年不出姆教
tử thập niên bất xuất mẫu giáo
(女師)。婉婉(柔順)。聽
(nữ sư), uyển miển (nhu thuận), thính
從。治絲繭。學女事
tòng, trị tì kiển, học nữ sự
以供衣服。十五年
dĩ cung y phục; thập ngũ niên
而笄。二十而嫁。
nhi kê; nhị thập nhi giá,
(言男女生。父母盡
(ngôn nam nữ sinh, phụ mẫu tận
心教育使之成立也。)
tâm giáo dục sử chi thành lập dã.)

第二節

禮曰。凡爲人子之
Lễ viết: Phàm vi nhân tử chi
禮。冬溫而夏凊。昏
lễ, đông ôn nhi hạ sảng, hôn
定而晨省。
định nhi thần tỉnh.

禮曰。爲人子。出必
Lễ viết: Vi nhân tử, xuất tất
告。反必面。(省顏色)。
cáo, phản tất diện, (tỉnh nhan sắc).
所遊必有常。所習
sở du tất hữu thường, sở tập
必有業。
tất hữu nghiệp.

ngõ, hay là ngồi vào chiếu cùng ăn
uống, tất phải sau người đàn anh, mới
dạy cho biết điều nhường; lên chín
tuổi, dạy đếm ngày (như ngày sóc,
ngày vọng, cùng sáu ngày giáp (1); lên
mười tuổi, cho ra học quan ngoại-
phó, để học viết (sáu phép viết
học tính, học ấu-nghi; mười ba tuổi,
học nhạc, học thơ, học bắn nỏ, cuối
ngựa; hai mươi tuổi dôi mủ, mới học
lễ, sửa tính nết, hiếu-thảo với cha mẹ,
thuận-hòa với anh em. Con gái lên
mười tuổi, còn theo học bà giáo dạy
lời dụ-dàng, nghe theo, học ươm tơ
kén, học việc canh-cửi, để làm áo mặc;
mười lăm tuổi, lấy cái trâm cài tóc;
hai mươi tuổi thì gả chồng. »

(Đây là nói con trai con gái sinh ra,
cha mẹ hết lòng dạy bảo khiến cho
được thành-lập).

Tiết thứ 2

Kinh Lễ nói rằng: « Hễ làm người
con phải lo sửa soạn cho cha mẹ, mùa
đông được ấm, mùa hè được mát, tối
dọn chỗ cho cha mẹ nghỉ, sáng lại
thăm cha mẹ có được yên không. »

Kinh Lễ rằng: « Đạo làm con khi đi
rangoài phải trình cho cha mẹ biết, khi
trở về vào thăm xem nhan-sắc cha mẹ
có được như thường không. Đi chơi
dâu phải có chốn thường chơi, tập làm
nghề nghiệp gì phải có nghề nghiệp
ấy cho cha mẹ biết. »

(1) Sáu ngày giáp là giáp-ti, giáp-dần, giáp-thìn, giáp-ngọ, giáp-thân, giáp-tuất.

禮曰。爲人子者。聽
 Lễ viết: Vì nhân tử giả, tính
 於無聲。視於無形。
 ư vô thanh, thị ư vô hình,
 不苟訾。(近於讒)。不
 bất câu suy, (cận ư sàm), bất
 苟笑。(近於諂)。懼辱
 câu tiếu, (cận ư siểm), cụ nhục
 親也。
 thân dã.

禮曰。足容重。手容
 Lễ viết: Túc dung trọng, thủ dung
 恭。目容端。口容止。
 cung, mục dung đoan, khẩu dung chỉ,
 聲容淨。頭容直。氣
 thanh dung tịnh, đầu dung trực, khí
 容肅。立容德。色容
 dung túc, lập dung đức, sắc dung
 莊。(言不可使一毫
 trang, (Ngôn bất khả sử nhất hào
 怠惰之氣加於身)。
 đãi nọa chí khí gia ư thân).

禮曰。凡三王教世
 Lễ viết: Phạm tam vương giáo thế
 子。必以禮樂。立太
 tử, tất dĩ lễ nhạc, lập thái
 傅少傅。欲其知父
 phó thiếu phó, giục kỳ tri phụ
 子君臣之道也。
 tử quân thần chi đạo dã.

第三節

孔子曰。弟子入則
 Khổng tử viết: Đề tử nhập tắc
 孝。出則悌。謹而信。
 hiếu, xuất tắc đệ, cẩn nhi tín,
 汎愛衆而親仁。(仁
 phiếm ái chúng nhi thân nhân, (nhân
 者)。行有餘力。則以
 giả), hành hữu dư lực, tắc dĩ
 學文。(詩書六藝之文)。
 học văn, (thi thư lục nghệ chi văn).

第二章

勸戒。— Khuyến-giới

第四節

書曰。天道福善禍
 Thư viết: Thiếu đạo phúc thiện họa
 淫。
 pâm.

Kinh Lễ rằng: «Đạo làm con phải
 nghe từ lúc chưa có tiếng, phải trông
 từ lúc chưa có hình, chẳng cầu-thả
 chê gièm ai, chẳng cầu-thả cười nịnh ai,
 vì rằng sợ nhục đến cha mẹ.»

Kinh Lễ rằng: «Chân đi lại phải
 chắc-chắn, tay cất-nhấc phải cung-
 kính, mắt trông phải ngay thẳng,
 miệng nói phải giữ-gìn, tiếng nói phải
 khoan-thai, đầu phải cho thẳng, khí
 phải cho nghiêm, dáng đứng phải ngay-
 ngắn, nét mặt phải nghiêm-trang.» (Đây
 nói đừng nên để một chút lười biếng
 nào hình ra ở thân mình.)

Kinh Lễ rằng: «Suốt cả ba đời Vương
 dạy con vua tất dạy lấy lễ-nhạc, đặt
 ra quan Thái-phó Thiếu-phó là muốn
 cho biết đạo cha-con vua-tôi vậy.»

TIẾT THỨ 3

Đức-thánh Khổng rằng: «Kẻ học trò,
 khi vào trong nhà thời hiếu-thảo với
 cha-mẹ, khi ra ngoài thời thuận-hòa
 với kẻ dân anh, cần-thận và tin-thực,
 rộng yêu kẻ chúng và gần với người
 nhân-tử, tập làm những điều ở trên,
 hễ khi nào rồi thời học sách-vở và lễ-
 nhạc cùng bắn súng, cưỡi ngựa, viết,
 tính.»

CHƯƠNG THỨ II

Khuyến-răn

TIẾT THỨ 4

Kinh Thư rằng: «Đạo trời giáng phúc
 cho người thiện, gieo vạ cho kẻ dâm».

書曰。惟上帝不常。
 Thư viết: Duy thượng đế bất thường,
 作善降之百祥。作
 tác thiện giáng chi bách tường, tác
 不善降之百殃。(災
 bất thiện giáng chi bách ương, (tai
 殃)。
 ương).

易曰。積善之家。必
 Dịch viết: Tích thiện chi gia, tất
 有餘慶。積不善之
 hữu dư khương, tích bất thiện chi
 家。必有餘殃。
 gia, tất hữu dư ương.

易繫辭曰。善不積
 Dịch Hệ từ viết: Thiện bất tích
 不足以成名。惡不
 bất túc dĩ thành danh, ác bất
 積不足以滅身。小
 tích bất túc dĩ diệt thân, tiểu
 人以小善爲無益
 nhân dĩ tiểu thiện vi vô ích
 而弗爲也。以小惡
 nhi bất vi dã, dĩ tiểu ác
 爲無傷而弗去也。
 vi vô thương, nhi bất khứ dã,
 故惡積而不可掩。
 cố ác tích nhi bất khả yểm,
 罪大而不可解。
 tội đại nhi bất khả giải.

第五節

易曰。君子居其室。
 Dịch viết: Quân tử cư kỳ thất,
 出其言善。則千里
 xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý
 之外應之。况其邇
 chi ngoại ứng chi, huống kỳ nhĩ
 者乎。居其室。出其
 giả hồ, cư kỳ thất, xuất kỳ
 言不善。則千里
 ngôn bất thiện, tắc thiên lý chi
 外違之。况其邇者
 ngoại vi chi, huống kỳ nhĩ giả
 乎。言出乎身。加乎
 hồ, ngôn xuất hồ thân gia hồ
 民。行發乎邇。見乎
 dân, hành phát hồ nhĩ, hiện hồ
 遠。言行君子之樞
 viễn, ngôn hành quân tử chi khu

Kinh-thư rằng : « Duy có ông trời
 chẳng thường, ai làm sự lành hiền, thì
 trời ban xuống cho trăm phúc, ai làm
 sự chẳng lành thì trời giáng xuống
 cho trăm điều tai-hại. »

Kinh - Dịch rằng : « Nhà nào làm
 nhiều sự lành hẳn có phúc thừa ; nhà
 nào làm nhiều sự chẳng lành, hẳn có
 tai-hại thừa. »

Lời Hệ-từ kinh Dịch rằng : « Làm
 sự lành chẳng tích - lũy nhiều,
 chẳng đủ nên danh-tiếng ; làm sự ác
 chẳng tích-lũy nhiều, chẳng đủ hại
 thân mình ; kẻ tiểu-nhân lấy điều thiện
 nhỏ cho là vô-ích mà chẳng chịu làm,
 lấy điều ác nhỏ cho là không hại gì
 mà chẳng cải bỏ, vì vậy điều ác chưa
 chắc chẳng giấu được, tội lớn chẳng
 giải thoát được. »

TIẾT THỨ 5

Kinh Dịch rằng : « Người quân-tử ở
 trong nhà, nói một lời phải lẽ, thì dẫu
 xa ngoài nghìn dặm, người ta cũng
 theo, huống chi ở chỗ gần ; ở trong
 nhà, nói một lời trái lẽ, thời dẫu xa
 ngoài nghìn dặm, người ta cũng trái
 lại, huống chi chỗ gần. Lời nói phát
 do ở miệng mình, mà nó truyền ra
 dân ; việc làm phát ra chỗ gần, mà nó
 hiện ra ngoài xa, lời nói và công việc
 làm là cái then máy của người quân-tử

機。樞。機。之。發。榮。辱
cơ, khu, cơ, chí, phát, vinh, nhục
之。主。也。言。行。君。子
chí, chủ, dã, ngôn, hành, quân, tử
之。所。以。動。天。地。也。
chí, sở, dĩ, động, thiên, địa, dã,
可。不。慎。乎。(君。子。慎
khả, bất, thận, hồ, (quân, tử, thận
言。行)。
ngôn, hành).

第 六 節

書曰。先王制官刑
Thư viết: Tiên vương chế quan hình
敝。于。有。位。曰。敢。有
cánh, vu, hữu, vị, viết: Cánh, hữu
恆。舞。于。宮。酣。歌。于
hằng, vũ, vu, cung, hân, ca, vu
室。時。謂。巫。風。(巫。覡)。
thất, thời, vị, vu, phong, (vu, nghiê),
敢。有。殛。于。貨。色。恆
cánh, hữu, tuất, vu, hóa, sắc, hằng
于。遊。畋。時。謂。淫。風。
vu, du, điền, thời, vị, dâm, phong,
敢。有。侮。聖。言。逆。忠
cánh, hữu, vũ, thánh, ngôn, nghịch, trung
直。遠。著。德。比。頑。童。
trực, viễn, kỳ, đức, tỷ, ngoan, đồng,
時。謂。亂。風。惟。茲。三
thời, vị, loạn, phong, duy, tư, tam
風。十。愆。卿。士。有
phong, thập, khiên, khanh, sĩ, hữu, nhất
于。身。家。必。喪。邦。君
vu, thân, gia, tất, tang, bang, quân
有。一。于。身。國。必。亡。
hữu, nhất, vu, thân, quốc, tất, vong.

第 七 節

易曰。天道虧盈而
Dịch viết: Thiên đạo khuỵu doanh nhi
益謙。地道變盈而
ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi
流謙。鬼神害盈而
lưu khiêm, quỷ thần hại doanh nhi
福謙。人道惡盈而
phúc khiêm, nhân đạo ố doanh nhi
好謙。謙。尊。而。光。卑
hiếu khiêm, khiêm tôn nhi quang, ti

dó, cái then máy phát ra, là cái cốt làm
ra vinh ra nhục dó vậy. Lời nói và
công việc làm, người quân - tử lấy
hai cái ấy để cảm - động trời đất
vậy, khá chẳng cần-thận rư!» (Đây là
nói người quân-lữ cần-thận lời nói và
việc làm).

TIẾT THỨ 6

Kinh Thư rằng: «Tiên-vương chế ra
phép-lắc ở chốn quan-phủ, để răn
bảo những người có chức-vị rằng: «Hễ
ai dám thường múa trong cung, say
rượu hát ở trong nhà, ấy gọi là thói
vu-cổ (dòng-cổ); ai dám tham của-
cải và sắc đẹp, thường thường đi chơi
di sản, ấy gọi là thói dâm-dật; ai dám
khinh rẽ lời nói của thánh-nhân, trái
lời nói trung-trực, xa người già-cả có
đức hiền, gần kẻ trẻ tuổi ngoan ngược,
ấy gọi là thói loạn, duy có ba thói ấy
thành ra 10 điều trái lỗi. Hễ các quan
Khanh quan Sĩ ai có một điều nào
trong mình, thì nhà ông ấy tất phải
hổng mất; các vua chư-hầu ai có một
điều nào trong mình, thì nước tất
phải mất.»

TIẾT THỨ 7

Kinh Dịch rằng: «Đạo trời hay tồn
chở đầy phụ thêm chỗ thấp; đạo đất
hay biến dời chỗ đầy mà chảy
xuống chỗ chững; quỷ-thần hay hại
kẻ kiêu-doanh mà giáng phúc cho kẻ
khiêm-tốn; đạo người ghét kẻ kiêu-
doanh mà yêu người khiêm-tốn, hễ
đã khiêm thời ở ngôi cao, đức mình

而不可踰。君子之
nhì bất khả du, quân tử chi
終也。
chung dã.

(言人能謙則居尊
(Ngôn nhàn năng khiêm tắc cư tôn
者德愈光。居卑者
giả đức dữ quang, cư tì giả
人莫能過。君子所
nhân mạc năng quá, quân tử sở
以有終也。
dĩ hữu chung dã).

孔子曰。君子有三
Khổng tử viết: Quân tử hữu tam
戒。少之辰。血氣未
giới, thiểu chi thời, huyết khí vi
定。戒之在色。及其
định, giới chi tại sắc, cập kỳ
壯也。血氣方剛。戒
tráng dã, huyết khí phương cường, giới
之在剛。及其老也。
chi tại cương, cập kỳ lão dã,
血氣既衰。戒之在得。
huyết khí kỳ suy giới chi tại đắc.

càng thêm sáng, nếu ở ngôi thấp, người ta cũng chẳng ai khinh vượt được. Người quân-tử vì có đức khiêm ầy nên được trọn vẹn tốt-lành. »

(Là nói rằng người ta giữ được khiêm, thời ở ngôi cao đức lại càng sáng, ở ngôi thấp cũng không ai vượt qua được; cho nên người quân-tử được trọn vẹn).

Đức thánh Khổng rằng: «Người quân-tử có ba điều răn: Lúc hãy còn ít tuổi, huyết-khí chưa định, thì phải răn về sự sắc đẹp; đến khi lớn mạnh, huyết-khí d rong hăng, thì phải răn sự bay đánh nhau; đến lúc già, huyết-khí đã suy, thì phải răn ở sự tham được của người ta. »

(Còn nữa)

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÀN
Tuần-phủ Vĩnh-yên.

KHÔNG - GIÁO - LUẬN

Đời này là đời thế-giới đại-dồng. Tuy người trong bốn bề chưa được hẳn như lời thánh-nhân dạy, biết coi nhau như anh em, nhưng mà những bậc trí-thức trong thiên-hạ, dầu khác đời, khác nước, khác giống, khác nòi, cũng đã biết hiểu nhau, cảm nhau, và những lẽ phải giữa đời, dù ở Đông-phương mà ra hay Tây-phương mà lại, không còn ai có bụng thiên mà không chịu công-nhận. Ngày nay các hiền-triết của Thái-Tây, người phương Đông ta đã biết trọng; bậc Thánh-nhân của Đông-Á ta, người Tây cũng biết kính. Cứ theo công-lệ tiến-hóa, sự tiến-hóa bao giờ cũng bắt đầu tự người trên, rồi dần-dần xuống người dưới, thời ngày nay những người thượng-lưu trong thiên-hạ đã có cái tư-tưởng đại-dồng như thế, chắc mai sau cũng sẽ có ngày các dân-tộc không đến nỗi hiềm-thù ghen-ghét nhau như bây giờ nữa. Đó là một sự mong-mỏi chung của những người có bụng với đời vậy.

Ngày ấy xa gần thế nào, bây giờ chưa thể biết được. Nhưng nhờ sự học-vấn mỗi ngày một rộng một thâm, người Đông-phương với người Tây-phương mỗi ngày một an-hiền nhau hơn, chắc cũng có lợi cho sự tiến-hóa chung được nhiều vậy.

Gần đây các học-giả Âu-châu dụng công nghiên-cứu về văn-minh học-thuật của Á-đông nhiều lắm. Thường đọc sách-vở của các nhà ấy, thấy nhiều người thật là có lòng cảm-phục những bậc hiền-triết của Đông-phương ta. Trong Nam-phong này trước đã có dịch một bài luận về Không-phu-tử của ông Bác-sĩ CHAVANNES (ông học chữ nho thâm lắm, mới mất được vài năm nay) ⁽¹⁾. Mới đây lại được đọc một quyển sách của ông giáo HOVELAQUE nói về nước Tàu, mới xuất-bản cuối năm ngoái, trong sách có một bài luận về Không-giáo-hay lắm, xin lược-dịch ra đây để cống-hiến các ngài trong học-giới. Đọc bài này thời biết người Âu-châu đã hiểu rõ, đã cảm-phục cái linh-thần cũ của phương ta biết bao nhiêu. Người phương Tây còn biết thế, huống người nước mình sống bởi cái tinh-thần ấy, há lại không nên chuông sao? Nhất là các hàng tân-học trong nước, vì khinh-bỏ chữ nho, không biết đâu mà dò xét các cổ-diễn trong nước nữa, thật cũng đáng tiếc lắm vậy?

T.-C.

Nước Tàu sở dĩ là nước Tàu là nhờ có một cái cổ-diễn rất là tường-tận, rất là kỹ-càng, làm luật-phép cho cả mọi người trong nước phải theo, và phạm chế-độ, chính-thể, lễ-giáo, phong-tục trong nước, đều do đây mà ra cả. Cái cổ-diễn ấy không phải nhờ đến thần-quyền làm thưởng-phạt, và từ thượng - cổ đến giờ không hề thay đổi gì cả. Hiện nay vẫn còn là cái nền cái gốc rất vững-vàng bền-chặt, không chuyển - động di - dịch, cho sự sinh-hoạt cả dân Tàu. Đời nọ qua đời kia, cái nghĩa lớn vẫn y-nhiên, duy cách giải-thích, cách ứng-dụng có khác nhau một đôi tí mà thôi: chính Không-phu-tử là người đại-biêu rất rạch-rỡ của cái cổ-diễn ấy, tự mình cũng không từng đổi mới gì cả. Chính gốc đạo của ngài là ở lòng tôn-cổ, ngài tin rằng phạm những lễ-phép của cổ-nhân đã đặt ra là rất mực khôn-ngoan, rất mực tốt-đẹp, người đời sau chỉ nên theo đúng như thế mà ăn-ở. Cả đạo-học ngài, cả thân-thể ngài, chẳng qua là một bài chú-thích, một bài chứng-minh cho những phép-tắc luân - lý của người trước đã đặt ra tự bao-giờ đến giờ.

Thời-dại ngài sống (tự năm 551 đến năm 479 trước Gia-tô) có thể cho là cái

trình-độ thứ nhì trên đường tiến-hóa của dân Tàu. Trình-độ thứ nhất là buổi mới đặt ra phép-tắc; trình-độ thứ nhì này là buổi những phép - tắc ấy mới thật là thành - hình. Không - phu - tử chẳng qua là chất-lọc những tư-tưởng của tiền-nhân mà giải-thích cho người đời hiểu rõ. Ngài tự đem mình làm gương, ngài tự tóm-tắt cái đạo khôn-ngoan của người trước thành những câu cách-ngôn rất giản-dị và rất rõ-ràng, dễ dạy cho kẻ đồng-bào biết cách ăn-ở trên đời thế nào là hay là tốt, khác nào như soạn cho cả quốc-dân một bộ giáo-khoa luân-lý vừa vắn-tắt, vừa tiện-dùng vậy. Ngài là cái tiếng nói, ngài là cái lương-tâm của nước Tàu tự mấy mươi đời về trước đến bây giờ mới cất tiếng lên, mới rõ-rệt ra vậy. Đến đời sau vua nhà Tần đốt sách, muốn tiệt hết những dấu-vết đời trước, mà không thể làm tắt được cái tiếng của ngài, tiếng ấy thành như cái tiếng của thiên-cổ về trước truyền cho thiên-cổ về sau, thành một ông thần cả nước Tàu muốn đời thờ phụng, vì trong các sách bị đốt, duy có sách ngài là giữ được. Nhân đó ngài thành một ông thầy học tuyệt-luân, ông Thánh-sư của cả một dân-tộc vậy. Một người

(1) Xem Nam-phong, số 13 (Juillet 1918), trang 4-15.

oai-dức không kém gì một ông thần ông thánh, khiến cho cả một dân một nước phải nghe theo, chắc hẳn là một bậc thiên-tài. Nhưng mà ngài sở dĩ trở nên thế, chỉ là bởi ngài ưa lẽ phải chăng, miễn điều trung-chính, có bụng về luân-thường, về thể-dạo. Đạo ngài không có gì là huyền-bí, không có gì là mờ-đục như các tôn-giáo khác. Đạo ngài là nhân-dạo, không phải là thần-dạo, lấy tri-tuệ làm tiêu-chuẩn, lấy xã-hội làm mục-dịch; theo đạo ngài thời cái đức lớn ở đời không phải là lòng sùng-bái một vị thần xa-xôi tịch-mịch ở đâu đâu, chính là lòng yêu-mến kẻ đồng-loại ở ngay quanh mình. Không có gì là siêu-việt, không có gì là thần-bí cả. Ngài lấy rằng ở đời chỉ có người ta mà thôi; làm người phải tận-tụy với kẻ đồng-loại mình, chớ không phải phụng-sự một vị thần-linh nào: ngoài cái đạo làm người, không còn có tôn-giáo nào nữa; cái cứu-cánh của đời người chỉ là sống làm người thể nào cho được điều-hòa êm-ái. — Ngài bảo học-trò rằng: « Chưa biết sự sống là gì, nói đến sự chết làm chi? » — Lại dạy rằng: « Không nên tin những đạo dị-doan » — Lại dạy rằng: « Người ta không cần phải bận lòng về việc lai-sinh: không phải thờ phụng, không phải cầu-khẩn ông thần nào. » — Lại nói rằng: « Cứ sống làm người cho phải đạo, ấy là cầu-nguyện thần-minh đó. » « Cứ ăn-ở cho phải đạo, không cần phải cầu-nguyện gì. Người quân-tử chỉ nguyện ăn-ở cho phải đạo mà thôi. Người nào ăn-ở tốt thời không phải sợ trời, không phải sợ người, không phải sợ mình. Họa phúc là ở việc làm xấu hay tốt mà thôi. »

Muốn hiểu cho rõ tôn-chỉ của đạo Không mà chỉ trích ra những lời cách-ngôn của Không-phu-tử như trên, chắc là không đủ mà hiểu được, vì làm thế tựa-hở như coi Không-giáo là một bài luận-lý thực-nghiệm

mà thôi. Đạo Không không phải thế mà thôi, đạo Không còn hay hơn nữa. Đạo Không là đem cái chính-lý của người ta mà ứng-dụng ra việc đời, là quyết-doán rằng dầu thuộc về tinh-tinh cũng duy chỉ có một chữ « lý » (*la raison*) là đủ làm hướng-dạo cho người, không đến nỗi sai-lầm cho lắm. Cứ đó thời Không-phu-tử cũng là thuộc vào một giống các bậc hiền-triết cổ của Hi-lạp, như SOCRATE, ARISTOTE, EPICURE, SÈNÈQUE; lại về cận-dại thời có giống như lũ các ông MONTAIGNE, DESCARTES, LOCKE, MONTESQUIEU, VOLTAIRE, GOETHE, AUGUSTE COMTE, là những tay cự-phách trong phái triết-học duy-lý của Âu-châu. Nhưng mà Phu-tử tuy trọng lý, mà cũng biết trọng tình, ngài có cái cảm-tình rất là tinh-nhuệ, cảm-tình ấy chính là lòng bác-ái. Chính ngài xướng lên trước nhất câu: « Việc gì tự mình không muốn, chớ làm cho người; việc gì tự mình mình muốn, nên làm cho người. » — Lại câu: « Người ta trong bốn bề, đều là anh em cả. »

Những lời nói của Thánh-nhân, không thể kể cho hết được. Lời nào cũng có cái ý-nghĩa ngay-thẳng và đầy-dủ như thế cả. Lời nào cũng là những lời cao-thượng khôn-ngaoan, và lời nào cũng là những lời nhân-từ dung-thứ cả. Học-trò ngài nói tóm đạo ngài bằng một câu này: « Đạo Phu-tử ta chỉ gồm ở hai chữ *trung*, *thứ* mà thôi, đối với mình *trung*, đối với người *thứ* », thật là đúng lắm. Lại giọng ngài nói ôn-hòa và khiêm-tốn biết bao nhiêu! Ngài thường nói: « Người quân-tử không vì thiên-hạ không biết đến mình mà buồn. Chỉ buồn vì mình không biết người ta mà thôi. » Lại nói: « Người quân-tử không vì người nói ác mà bỏ lời nói phải. » Lại có câu: « Tôi đã biết gì chưa? Tôi thật chưa biết gì. Nhưng mà gặp người hỏi tôi điều gì, người ấy dầu rất ngu hèn, tôi

cũng cùng người bán lẻ, không dám sót gì». Ngài không những là một nhà luân lý sành-sỏi, có bụng bác-ái nhân-tử, ngài lại là một nhà tâm-lý rất tinh nữa. Như có câu nói rằng : « Lúc nghèo khó giữ được khỏi cảm-hôn lại khó hơn lúc phú-quí giữ được khỏi kiêu-căng. » Ngài rất mực khôn-ngoa mà cũng rất mực thông-tuệ. Chính ngài đã nói trước nhất câu này : « Cái gì biết, biết rằng mình biết ; cái gì không biết, biết mình không biết ; thế mới thật là biết. » Tưởng lời ông SOCRATE nói cũng không mấy câu được thâm-trầm như thế. Ngay ngày nay được mấy người là hiểu rõ câu ấy? Còn bao nhiêu năm, bao nhiêu đời nữa, nhân-loại mới thực-hành được cái câu cách-ngôn của người Tàu ấy đã xướng lên từ hai-mươi-lăm thế-kỷ đến giờ?

✓ Theo ý ngài, sự học chân-chính là học để sửa mình. Người quân-tử học sửa mình, không phải là mong ở trời giúp, nhưng là học trong khi giao-tiếp với người đời ; cũng không phải là trầm - tư mặc-tưởng một mình, chính là xem-xét những kẻ đồng-loại ; vì cái chỉ-dạo là đạo ở đời, người ta có thành đạo ấy mới thật là người. Ngài nói : « Có ba cái đức ở đời : một là cần - thận mà sáng - suốt, hai là thương yêu đủ mọi người, ba là bền lòng mà vững chí ; ba đức ấy khác nào như cái cửa ngõ cho người ta vào đường chính-đạo vậy. Người ta phải sửa mình cho hoàn-toàn mới mong làm được trọn đạo. » Ông EPICÉTÈ nước Hi-lạp, ông MARC-AURÈLE nước La-mã, dễ không cảm cái giá-trị làm người, quyền tự-do người ta, bằng ngài ; như ngài có câu rằng : « Có thể bắt ông tướng bỏ quân được, nhưng không thể bắt người ta bỏ lòng theo đạo ».

Mà trong khi rốc lòng theo đạo ấy, không có một chút tư-kỷ gì, không có kiêu-căng, không có cứng-cỏi, không

có khắc-khở, không có lạnh-nhạt, bao giờ cũng vui-vẻ ôn-hòa, ung-dung êm-ái ; bao giờ cũng tiêm-tắt mà vẫn cao-thượng. Tức là sự hành-động tự-nhiên của một người chính-nhân quân-tử, lại là một người nho-nhã phong-lưu. Đạo này không có biết người ầu-sĩ cô-dộc, khinh-dời mà cổ-lãnh cho xa đời. Không-phu-tử cho ghét đời là hèn, khinh-dời là đại. Người ta đã sinh ra đời phải cùng sống với người đời, coi như anh em, giúp cho thành đạo. Dẫu người đời có khờ-dại, cũng không nên quá trách-bị. Chính người quân-tử sinh ra cũng chưa được hoàn - toàn, và suốt đời thường cũng còn chỗ khuyết điểm. Không nên cậy mình là đã biết cả, cũng không nên tự-cao là đạo mình mới. Không có đạo gì là đạo mới cả, duy chỉ có cái gương xử-thế của các bậc hiền-nhân quân-tử đời xưa đời nay bày ra cho mình bắt-chước mà noi theo mà thôi. Ngài nói rằng : « Ta không phải là người sinh ra đã biết. Ta là người yêu-mến cò-nhân, muốn noi học cho bằng cò-nhân. » Học trò ngài nói rằng : « Phu-tử ta có bốn điều không mắc : không có tư-ý, không có quyết-bất, không có cố-chấp, không có tư-kỷ. » Có thể nói thêm rằng Phu-tử ở đời cũng không có mong-mỏi hảo, không có thương-tiếc hoải, không lo mà cũng không sợ, không có bị hoặc những sự mơ-màng. Lão-lử có câu nói rằng : « Người làm ác cho mình, mình phải làm lành cho người. » Phu-tử đối lại : « Thế người làm lành cho mình thì mình trả lại làm sao ? » « Người ta làm lành, phải làm lành lại ; người ở ác phải nên ở lại cho công-bình. » Công-bình, trung-chính, không một lời nói nào, không một việc làm nào của ngài là không có cái ý-vị ấy. Ngài không tự-cao rằng không có nét xấu gì của loài người. Lòng cảm-động tự-nhiên, ngài không hề ngăn-cản. Ngài cũng biết ưa rượu ngon, ưa sắc

đẹp, duy không thái-quá mà thôi, vì cái gì thái-quá ngài cũng ghét. Ngài lại ưa những đồ cổ đẹp, và thứ nhất là ưa âm-nhạc; duy có cái bụng hiếu-nhạc ấy là hơi có một chút thần bí mà thôi. Ngài cũng thích thơ. Nói tóm lại, phạm những sự tình-hoa về tinh-thần hình-sắc, không gì là ngài không biết mẩn-chuộng. Ngài thật là một người tuyệt-phẩm « văn-minh », mà văn-minh một cách ung-dung êm-ái, không có gì là khắc-khổ miên-cưỡng. Nói về tình hữu-ái, không ai có những lời cảm-dộng như ngài. Học trò yêu của ngài là thầy Nhan-tử; ngài nói về thầy Nhan-tử có câu rằng: « Y không giục ta nói, ta nói gì y cũng ra dáng bằng lòng. » Một hôm Phu-tử bảo thầy Nhan rằng ngài tưởng thầy bị giặc giết, thầy Nhan đáp lại rằng: « Phu-tử còn sống, con đâu dám mạo chết? » Còn nhiều những lời khác nữa, có ý-vị vô-cùng, khác nào như những bông hoa thơm, mùi thơm còn phảng-phất đến muôn đời vậy.

Ngài thật là một người trọn-vẹn, một bậc quân-tử tuyệt-luân, không còn ngờ được nữa. Ngài là người, nên ngài không muốn tránh một việc gì trong phận-sự làm người. Ngài còn muốn tự mình thực-hành, hơn là muốn làm thầy dạy người, vì ngài biết rằng làm người phải dấn thân vào việc đời, biết rằng sự thực còn hiệu-lực hơn là lời nói, và làm dân trong nước phải hết bổn-phận với quốc-gia. Ngài không thể dung được kẻ lười-biếng; ngài nói: « Những kẻ cả ngày chỉ biết một việc ăn uống, không biết dùng trí khôn vào việc gì xứng-dáng hơn, rõ nghĩ mà thương thay! Dầu không có việc gì làm, cũng còn nghề lái dò kia! Sao không làm ngay nghề ấy, còn hơn là ngồi không vô-ích ». Trong sách *Trung-dụng* có tả bậc thánh-nhân như sau này: « Bậc chí-thánh trong thiên-hạ có đủ thông-minh duệ-tri để cai-trị muôn dân; có đủ khoan-dũ ôn-hòa

để dung-nạp mọi người; có đủ phát-cường-cương-ngộ để làm trọn bổn-phận; có đủ lễ-trang-trung-chính để giữ được tự kính; có đủ văn-lý mật-sát, để phân-biệt phải trái. » — Lại có câu nói rằng: « Nhân, nghĩa, lễ, trí, là bốn đức lớn trong trời đất. » — Không-phu-tử thật là đủ bốn đức đó, chính mình thực-hành được bốn đức, lại lấy lời dạy mà truyền cho cả nước Tàu.

Không-phu-tử vẫn thường nói đi nói lại: đạo ngài không có gì là mới-lạ, không có gì là huyền-bí cả. Ngài nói: « Ta chỉ thuật sách cũ, ta có làm sách mới đâu » — Ngài lại bảo học trò: « Các anh tưởng thầy có đạo gì màu-nhiệm, muốn giấu các anh. Không, thầy không giấu gì các anh cả, Thầy không làm gì là không nói cho các anh biết hết. » Mà thật thế, Không-phu-tử chẳng qua là một người gồm được hết cái cội-diễn của một nước và biết diễn-giải ra rõ-ràng cho đời sau vậy. Ngài chỉ biên-tập những sách cũ, sửa-sang tóm-tắt lấy cái tinh-tủy những kinh *Thư*, kinh *Thi*, kinh *Lễ*, kinh *Nhạc*. Ngài tin rằng phạm sự sáng-láng, sự khôn-ngaoan là ở tiền-nhân mà ra cả; nhân-loại nhiều người chết hơn người sống, và nhất cử nhất động của ta là có tiền-nhân chỉ-dịnh cả. Quá-khứ đã làm thầy hiện-tại, thời ta phải lắng-lắng mà nghe tiếng đời trước, cần-trọng mà theo để làm gương. Không-phu-tử chính là cái tiếng của đời trước nước Tàu truyền lại cho muôn đời về sau, tiếng rõ-ràng giống-giả, như tiếng hiệu-lệnh cho cả một dân-tộc phải theo vậy. Ngài cố giữ cho dân khỏi quên những cổ-lễ trong nước, cho dân biết nhớ đến linh-hồn tổ-tiên. Ngài nói: « Phải cúng-tế tổ-tiên như tổ-tiên còn ngồi đó; phải phụng-sự quí-thần như quí-thần ở trên đầu ». Ngài hiểu rằng lễ không phải là cái hình-thức hư-không, thực là có tinh-thần ý-nghĩa. Như lễ tang chẳng qua là biểu-hiệu lòng thương-xót; cổ-nhân đặt ra lễ

tang để nhắc cho người ta biết thương-xót, ngày nay ta để tang cũng phải theo một ý ấy. Lễ có thể ví như những cái bình đẹp, trong đựng một thứ dầu thơm rất quý giá : là cái tình-cảm của con người ta. Lễ là cái hình-thức sản-lan rực-rỡ của hai chữ *nghĩa-vụ* vậy.

Đối với cái gia-đình-tôn-giáo là một chế-độ rất cổ, ngài cũng công-nhiên nhận cả. Tôn-giáo ấy gốc ở chữ hiếu, ngài cũng lấy hiếu làm gốc cho xã-hội. Ngài cho rằng người sống với người chết, vẫn có liên-lạc nhau ; người ta ở đời vừa có *nghĩa-vụ* đối với người sống, vừa có *nghĩa-vụ* đối với người chết ; đối với người chết phải kính phải thờ, đối với người sống phải dung phải thứ. Sự lễ-nhượng cũng không phải chỉ là cái hình-thức bề ngoài, tức là một cái *nghĩa-vụ* tôn-nhân-loại, mà lại vừa là cái lòng tự-tôn của người ta nữa. Hình-dung chỉnh-tề, nét mặt tươi-tĩnh, giảng-bộ khiêm-tốn, lời nói dịu-dàng, xuất ra bề ngoài như thế là bởi trong lòng cũng được bình-tĩnh diên-hóa. Giữ cho bề ngoài có lễ-nhượng, không những đối với người giao-tế được êm vui, mà đối với mình giữ-gìn phải cẩn-thận lắm mới được ; người không biết tự-chủ, không có can-dảm, cũng khó mà giữ được.

Nói tóm lại, *Không-phu-tử* là một bậc người sắc-sảo mà cao-thượng, vừa có cái chủ-nghĩa kiên-nhẫn (*stoicien*), mà lại vừa kiêm cái chủ-nghĩa lạc-thiên (*épicurien*). Ngài là một người tri-tuệ siêu-quần, biết yêu người, biết mến đức, lại biết làm cho người ta cũng yêu người, cũng mến đức như mình. Nhưng một người mà khiến được cho cả một dân-tộc vâng theo, khiến được một phần tư nhân-loại coi làm một ông thánh-sur tự hai-mươi-lăm thế-kỷ đến giờ, thời đó thật là một sự kỳ-la, cổ kim mới có là một. Loại người từ xưa đến nay không có một người nào có cái ảnh-hưởng vừa sâu-xa, vừa lâu-

dài như vậy. Thế-lực ngài trong xã-hội nước Tàu có thể cho là một cái hiện-tượng rất li-kỳ trong lịch-sử thế-giới, cũng không phải là quá vậy. Vì phải biết rằng nội trong các tôn-giáo, duy có đạo ngài là không thiệp đến thần-quyền. Đạo ngài là một nền triết-học, ở trong không có một phần nào là thuộc về thần-bí cả. Đạo ngài chỉ đối với cái lý-tinh người ta, *nghĩa-cư-xử* ở đời. Các đạo khác thời đặt ra những sự huyền-hoặc vô-ly, hay là những sự dữ-dội ghê-gớm, để mờ-hoặc, để nạt-dọa người đời, mà mong thu-phục lấy lòng người. Đạo *Không* tuyệt-nhiên không có gì như thế. Đạo *Không* không có nạt người, mà cũng không hề đối người, không biết sự thưởng-phạt họa-phúc là gì. Đạo *Không* là đạo công-nhiên chính-trực, ngay-thẳng thực-thà, là đạo thuần-túy của người ta róc lòng thờ nhân-loại vậy (*le culte tout humain de l'humanité*). Kể tin-đồ qui-y về đạo là tự mình lý-phục tình-ưng, không gì cưỡng-ép. Đạo này cũng như đạo khác, muốn thật cho có sinh-hoạt, cốt ở trong lòng trong óc người ta. Nhưng cũng như đạo khác, lâu ngày thành ngưng-trệ, chỉ còn có hư-văn, không còn tinh-thần nữa ; những kẻ chuyên nghề giảng đạo, thường lại là những kẻ chỉ mong lợi-dụng. Tuy vậy, cái tôn-chỉ đạo từ xưa đến nay vẫn có người theo, vẫn có người hiểu, vẫn còn ích-lợi cho người đời nhiều lắm.

Song cứ bình-tĩnh mà luận, *Không-giáo* đối với nước Tàu không phải là hoàn-toàn lợi-ích. Đây tôi chỉ nói về tôn-chỉ đạo, không xét đến phái nhà Nho làm sai *nghĩa* đạo, làm hại nước Tàu những thế nào. Đạo *Không* tuy đã làm cho văn-minh nước Tàu được bền-chặt về-vang thật, nhưng cũng làm cho tính-cách người Tàu thành nhỏ-hẹp thấp-hèn đi nhiều ; người Tàu sinh-trưởng trong đạo *Không*, không hề có cái lòng hoài-vọng cao-xa, không hề có

cái tri cảm-giác huyền-diệu ; phạm những sự gì ra ngoài lý-tính, siêu-vượt lẽ thường, không biết mà cảm-trưởng đến. Ở Nhật-bản thời đạo Khổng chỉ hay mà không hại, vì ngoài đạo Khổng đã có đạo Phật và đạo Thần (*shintois-me*), lấy những lẽ huyền-diệu thần-bí để cảm những phần cao-thâm u-viên trong lòng người, đối với đạo Khổng chỉ là một đạo thực-hành thực-tiến, chỉ biết phần lý-tính mà không biết đến cái cảm-tính của người ta. Ở nước Tàu thời không thế : ở Tàu đạo Khổng thịnh quá, làm cho những đạo cao-thâm siêu-việt như đạo Lão đạo Phật không thể nào sinh-tồn được, hoặc thành ra những thuyết bí-mật của số ít người cao-thượng, hoặc thành ra một mô-mê - tia của kẻ hạ - dên ngu - xuẩn. Khổng-phu-tử là sản-nhi của Bắc-

phương nước Tàu; đạo ngài còn khuyết là không kiếm được cái tinh-thần của ông Lão-tử ở Nam-phương, của đạo Thích-giả ở Ấn-độ, tinh-thần ấy là sự cảm-giác những cái gì ở ngoài hình-sắc, ở trong linh-tính, những cái gì không thuộc về cõi nhân-gian mà thuộc về cõi thần-giới, những cái gì mắt không thấy, tai không nghe, trí không giải, mà tâm-hồn mơ-màng tưởng-vọng. Nếu Khổng-giáo vừa có cái tinh-thần ấy, lại vừa có cái quan-niệm về nhân-sinh, về thế-giới như trên kia đã giải, thời thật là một đạo hoàn-toàn. Nhưng nếu thế thời nước Tàu không phải là nước Tàu nữa, mà Khổng-phu-tử cũng không phải là ông thánh-nhân nước Tàu vậy.

T.-C. dịch-thuật

KHẢO VỀ NGHỀ LÀM ẢNH ⁽¹⁾

III

ẢNH MÙI

(*Photographie des couleurs*)

Muốn chụp ảnh tất cần phải có ánh sáng mặt trời, cái đó ai cũng đã biết, nhưng ánh sáng cứ dùng nguyên thể thời chỉ được những bức ảnh đen thối, chứ còn những vẻ rực rỡ thiên-nhiên

của các sắc thời không tài nào chụp được. Vậy sau khi nghề ảnh ra đời, đã biết bao nhiêu nhà tìm-tòi nghiên-cứu, trong những nhà ấy có nhà bác-vật nước Pháp LIPPMANN tiên-sinh

(1) Xem Nam-phong số 42 trang 467-472 và số 45 trang 207-214.

Nhân ông H.K. có viết cho tôi một bức thư mà tôi đã nói trong số báo 45 thời đến hôm 21 Avril 1921 tôi lại tiếp được thư của Hương-ký Đại-bảo-hiệu nói rằng : Hương-ký chủ-nhân thấy thế lấy làm lạ, vì ngài không viết cho tôi cái thư ấy. Ngài nói : không phải ngài có ý chỉ-trích gì tôi, chẳng qua là muốn giúp tôi để truyền-bá những bài học lý-luận cho người mới tập làm ảnh. Vậy nếu tôi được rồi thời giờ thời xướng Ngài sẽ sẵn lòng hoan-ngheh vào mà khảo-cứu. Tôi nhận được bức thư rất lấy làm cảm cái thịnh tình ấy lắm. Vậy xin các ngài đọc báo biết cho rằng ông H. K. không phải là ông Hương-ký là một nhà chụp-ảnh có tiếng ở Hanoi. — N.U.

năm 1891 tìm được cách chụp ảnh mù, nhưng cái phương-pháp còn chưa được hoàn-toàn lắm.

Gần đây lại có LUMIÈRE và LYON nhì tiên-sinh đã chẳng quần công khó-nhọc, cùng nhau nghiên-nghi mà phát-minh ra cách chụp ảnh mù. Năm hai tiên-sinh phát-minh ra ấy là năm 1907, kể đến nay đã được hơn mười năm rồi.

Trước khi nói đến nghề chụp ảnh của hai tiên-sinh, hãy nên xét xem hai tiên-sinh suy-tầm nghiên-cứu từ đâu.

Nói về ánh sáng

Ánh sáng ta thường trông thời thấy trắng-trắng tưởng hình như chỉ có một mùi, nhưng theo lối vật-lý-học mà phân ra thời sẽ biết rằng ánh sáng không phải chỉ có một mùi mà là có bảy mùi vậy.

Bảy mùi là: tím, lam, lơ, xanh, vàng, điều, đỏ.

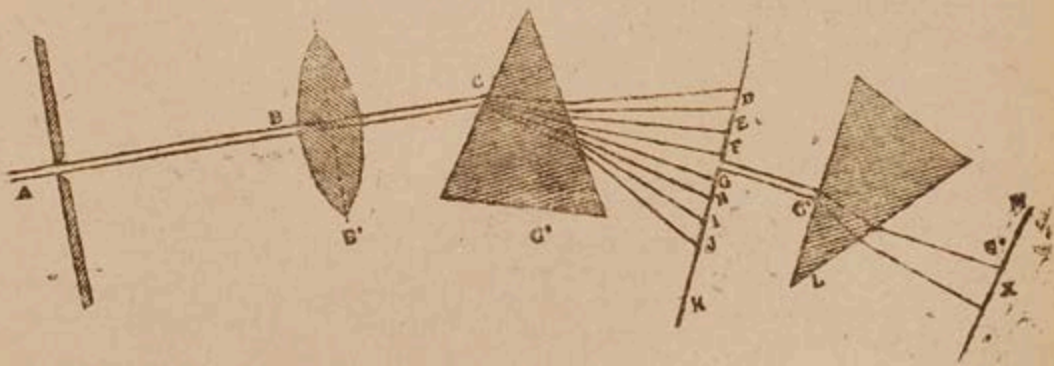
Này như những hôm về buổi chiều, trời sắp mưa, thường thấy có cầu-vồng, mống-cụt, cũng có bảy mùi như thế: nguyên do là mặt trời khi sắp lặn chiếu ánh sáng vào một đám mây sắp mưa. Ánh sáng khi đã qua đám mây ấy thời bị nó phóng-dại ra và phân ra làm bảy mùi mà chiếu ra, ta gọi là cầu-vồng vậy.

Nay muốn nói cho kỹ thời hãy làm thí-nghiệm như sau này sẽ biết.

Trong phòng tối, đục một lỗ nhỏ cho quang-tuyến mặt trời chiếu vào. Lấy tờ giấy đón lấy đường quang-tuyến ấy thời thấy nó chỉ có một mùi trắng-trắng. Giữa đường quang-tuyến và trước tờ giấy ta để một thỏi kính tam-lăng (*prisme*) (vì kính cũng như đám mây sắp mưa cũng có cái đặc-tính là phóng-dại và phân ánh sáng) thời ta cũng thấy trên tờ giấy có bảy sắc như bảy sắc cầu-vồng; song trông không được gọn-ghẽ, thường sắc nọ lẫn vào sắc kia, khó xét.

Vậy có cách sau này làm cho rõ-ràng hơn, là trong phòng tối đục một lỗ hình chữ nhật, cho ánh sáng mặt trời chiếu vào. Trước khi để thỏi kính tam-lăng vào đường quang-tuyến, hãy lựa để một miếng song-dột-kính (*lenticles biconvexes*) ngang dẫy cho bình lỗ buồng được gọn-ghẽ và thật sáng. Lấy tờ giấy lựa đón lấy đường quang-tuyến sẽ biết. Thỏi kính tam-lăng ấy sẽ phóng-dại và phân đường quang-tuyến ra làm 7 mùi. Mỗi mùi trong 7 mùi ấy dù sau ta có lấy kính tam-lăng mà phóng-dại ra nữa thời chỉ phóng-dại ra được mà không phân ra được nữa vì nó chỉ là một mùi (*monochromatique*) mà thôi.

Muốn hiểu rõ thời vẽ một đường quang-tuyến A X. Đường ấy đến B, bị song-dột-kính B' làm sáng hơn lên đến C, bị tam-lăng-kính C' phóng-



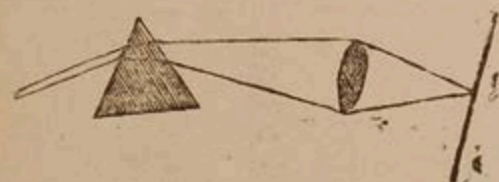
đại và phân ra làm 7 mùi là Đ E F G H I J — Bấy mùi ấy in vào tờ giấy K. Giữa tờ giấy K có một lỗ thủng để cho đường quang-tuyến G đi lọt. Đường quang-tuyến G đến G' kính tam-lăng L phóng-đại và in vào tờ giấy M.

Trên tờ giấy M thấy sắc G' rõ hơn và to hơn sắc G nhưng vẫn là sắc G. Như vậy đủ biết rằng : kính tam-lăng L có phóng-đại đường quang-tuyến G mà không phân đường quang-tuyến G ra nữa.

Nay tổng-kết lại : trong ánh sáng có 7 mùi. Bấy mùi khi đã bị tam-lăng-kính phân thời đi riêng ra bảy đường : mỗi đường là một mùi vậy.

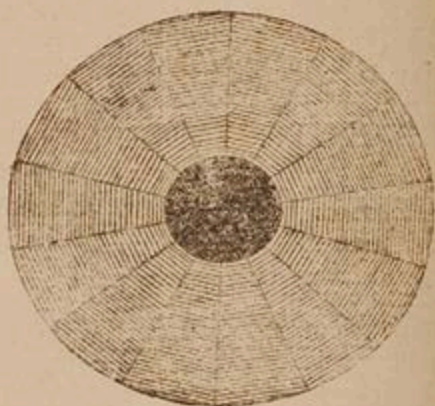
Cách phân quang-tuyến như thế, do Newton tiên-sinh là một nhà triết-học, số-học, lý-học nước Anh thí-nghiệm trước nhất, sau tiên-sinh lại muốn hợp cả bảy mùi lại xem có thành đường quang-tuyến trắng như trước không, thời được thập-phần-mẫu-nguyên. Từ đấy ai cũng yên-trí rằng trong ánh sáng có 7 sắc. Bấy sắc hợp lại lại thành ánh sáng trắng. Phát-mình ra điều ấy bổ-ích cho khoa lý-học sau này biết bao.

Nay nói cách tiên-sinh làm thế nào mà hợp 7 sắc lại được. Tiên-sinh lấy một miếng tiêu-sắc-dẹt-kính 消色凸鏡 (*lentille convexe achromatique*) để vào



chỗ 7 sắc đã phân ra ấy, thời 7 sắc ấy tiêu ngay đi. Vì sao ? Vì các dẹt-kính có cái đặc-tính là tụ ánh sáng vào một chỗ : khi tụ bảy sắc trên này thời làm hỗn-hợp lại thành một sắc trắng.

NEWTON tiên-sinh lại còn một cách làm thí-nghiệm như sau này nữa : Lấy một miếng giấy dầy tròn, chia đều ra làm 7 phần (hay là bai ba lần bảy phần



cũng được), rồi vẽ những đường kính-tuyến 徑線 (*diamètre*). Vẽ xong theo thứ-tự những mùi « tím, lam, lơ, xanh, vàng, điều, đỏ » mà tô vào. Trung-tâm (*centre*) miếng giấy ấy, dùi một lỗ con, cầm cái siên vào mà quay tít đi. Xoay như thế bảy mùi đi rất nhanh, khiến mắt ta chưa cảm hết mùi nọ, những mùi kia đã kế tiếp nhau, in đè lên nhau, hỗn hợp với nhau, thành ra một sắc trắng. Thế là ta đã hợp bảy mùi lại mà làm thành sắc trắng vậy.

Đã biết thế, giờ ta bỏ bớt đi một vài mùi rồi ta lại xoay tít đi như trước, xem miếng giấy tròn ấy có trắng nữa không ? Quyết là không ! Vì không đủ mùi vậy.

Nay làm thí-nghiệm như sau này thời biết.

Bật chỗ tó đỏ, rồi quay đi : sắc không trắng nữa mà thành mùi xanh-lơ (*vert bleuâtre*), nếu bỏ chỗ bật đi, sắc lại thành trắng. — Tổng kết rằng : mùi xanh-lơ là mùi bổ-sắc cho mùi đỏ, nói ngược lại, mùi đỏ là mùi bổ-sắc cho mùi xanh-lơ » (*le vert bleuâtre est la couleur complémentaire du rouge* ;

inversement le rouge est la couleur complémentaire du vert bleuâtre) vì có cả hai mùi ấy hỗn-hợp mới thành trắng.

Lại làm thí-nghiệm nữa, như bịt chỗ tờ điều thời lúc xoay thấy mùi lơ; bịt chỗ tờ và g, thấy mùi biếc; bịt chỗ tờ tím thấy mùi xanh-vàng. Vậy mùi đỏ và mùi xanh-lơ, mùi điều và mùi lơ, mùi vàng và mùi biếc, mùi tím và mùi xanh-vàng, là những mùi bổ sắc lẫn cho nhau.

Nói về sắc các vật

Vật trong.—Ta trông qua miếng kính thủy-tinh đỏ thời thấy những vật bên ngoài dù trắng dù đỏ cũng hóa đỏ cả, còn các vật khác mùi thời đen.

Ta lấy miếng giấy tròn trên này mà xoay tit đi cho nó hóa trắng rồi ta để miếng thủy-tinh đỏ thời thấy các sắc biến hết, chỉ trừ sắc đỏ là còn. Cái đỏ là tại làm sao?

Nguyên-do là thủy-tinh đỏ đã hút hết những ánh sáng không cùng sắc với nó, rồi để ánh sáng sắc đỏ qua tới mắt ta, nên ta thấy đỏ vậy.

Ta lấy miếng kính sắc xanh hay sắc gì mà thí-nghiệm cũng thấy thế cả. Vậy ta kết rằng: Thủy-tinh đỏ chỉ để cho ánh sáng cùng sắc với nó đi lọt, và ngăn hút những ánh sáng khác.

Vật đục.—Trông qua miếng thủy-tinh đỏ thời tấm lụa đỏ không đổi mùi, mà tấm lụa xanh đổi mùi thành đen. Tấm lụa đỏ không đổi mùi là vì ánh sáng sắc đỏ có thể qua thủy-tinh đỏ được. Tấm lụa xanh đổi mùi thành đen là vì ánh sáng sắc xanh bị thủy-tinh đỏ hút đi hết. Hút đi hết thời không còn ánh sáng tới mắt ta nữa; không còn ánh sáng tới mắt ta nữa là không có ánh sáng, tức là tối, tức là đen vậy. Vì vậy tấm lụa xanh hóa đen. (Mùi khác cũng thế).

Nói về ảnh

Tadã biết trong ánh sáng có bảy sắc, sắc đỏ và sắc xanh-lơ, sắc điều và sắc lơ, sắc vàng và sắc biếc, sắc tím và sắc vàng-xanh là những sắc bổ sắc lẫn cho nhau. Ánh sáng các sắc ấy chỉ có thể chiếu qua vật gì trong mà cùng sắc với nó. Qua vật khác sắc thời bị hút mà thành đen. Những điều phát-mình ra ấy làm cái nguyên-nhân tối-thiết cho nghề ảnh mùi. Nay ta xét đến ảnh mùi.

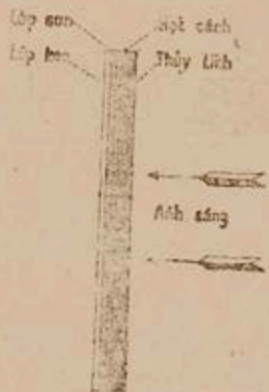
Chụp ảnh mùi cũng phải có kính ảnh và giấy ảnh, nhưng kính và giấy ấy không phải kính và giấy chụp ảnh thường, tuy cũng giống nhưng có sửa đổi lại.

Cách làm theo hai cái lý-thuyết sau này:

1^o Dùng những «miếng-chắn mùi» (*écranscolorés*) chỉ để cho ánh sáng cùng sắc với nó chiếu qua.

2^o Ba sắc: điều, xanh, tím, khéo điều-hòa thời lấy được đủ cả các mùi.

Miếng chắn mùi làm bằng những hạt «cánh» 糞 (*amidon*) thật nhỏ chừng 10 hay 15 «mì-công» (mỗi mì-công là một phần nghìn ly = *un millième*



de millimètre) đường kính-tuyến. Những hột « cánh » (*amidon*) ấy có hột nhuộm điều, có hột nhuộm xanh, có hột nhuộm tím. Chọn lẫn những hột ấy rồi rắc lên trên mặt kính — (mặt kính trước khi rắc đã có phết hồ cho dính). — Rắc mỗi ly-vuông (*millimètre carré*) chừng sáu bảy nghìn hột. Rắc xong để vào máy ép, ép cho thật đều thật khít rồi phủ lên một lớp « sơn » (*verniss*), trên lớp « sơn » (*verniss*) lại phủ một lớp « keo » cốt bô-lô-ngân (*gélatine à base de bromure d'argent*) (1); thế là thành kính ảnh mùi vậy. Kính ấy trông bong-bóng trắng-trắng như miếng kính giáp trắng.

Kính khi đem chụp thời để phía thủy-tinh ra ánh sáng.

Ánh sáng qua lớp sơn rồi mới tới lớp keo mà biến cái chất ấy.

Thí-dụ như ta chụp hai người thiếu-niên cầm cành hoa hồng : một người mặc áo thanh-thiên, một người mặc áo đen nhoáng. Nếu chụp ảnh thường thời thành bức ảnh hai người cầm hoa trắng, một người mặc áo trắng, một người mặc áo thâm : mất cả vẻ đẹp.

Chụp bằng kính ảnh mùi thời không thế, chụp được cả hoa đỏ áo xanh, lại màu da nhuận, sắc hồng-hồng nữa : trông thêm vẻ hữu-tinh.

Nay giải vì có gì thành được các sắc thể.

Như sắc đỏ của bông hoa hồng : ánh sáng đỏ qua những hột « cánh » điều và tím (vì điều và tím lẫn hợp lại thành đỏ, cùng sắc với hoa hồng) mà biến chất « bô-lô-ngân », chất bô-lô (*brome*) bốc hơi, còn chất ngân (*argent*)

đọng lại. Ánh sáng sắc đỏ (sắc hoa hồng) là sắc bổ sắc (*couleur complémentaire*) cho sắc xanh thời bị hột cánh sắc xanh hút đi, không tới lớp keo « bô-lô-ngân » mà biến chất ấy được : chất ấy còn nguyên chất vậy.

Chụp rồi đem hình phỏ-diễn ra thời những chỗ có bạc đọng lại (tức là chỗ đối diện với chỗ có hột điều và tím) đen đi ; những chỗ còn nguyên chất bô-lô-ngân (tức là chỗ đối-diện với chỗ có hột cánh xanh) trong ra.

Vì sao ? Vì như trước đã nói thuốc « phỏ-diễn » (*développement*) là thuốc hóa-học có thể làm tan chất bô-lô-ngân nguyên-chất, và làm đen chất ngân đọng lại.

Chỗ bô-lô-ngân đã tan thời kính trong-trong, trông suốt thấu hột cánh xanh : chỗ ấy là xanh.

Chỗ bạc đã sạm thời bị kính, không thể trong qua được : chỗ ấy là đen.

Tuy vậy, phỏ-diễn xong vẫn còn ít nhiều ngân-chất bám vào kính, như ảnh thường, bèn đem « định hình » (*fixer l'image*) cho rõ ra : sẽ được bông hoa-hồng sắc xanh, hồ-sắc cho sắc đỏ.

Nhưng đây không thể, đây đem kính ngâm vào trong một thứ thuốc hóa-học khác là thuốc « *permanganate de potas.e acidulé* ». Thuốc ấy làm tan chất bạc đọng chỗ có hột cánh điều-tím, đã bị ánh sáng cảm trước, còn chất bạc bám chỗ có hột cánh xanh chưa bị ánh sáng cảm thời để nguyên.

(1) Chất keo « bô-lô-ngân » (*gélatine de bromure d'argent*) là chất làm kính ảnh thường, trong số 42 tôi đã nói qua. Gần đây ông Bùi-dinh-Tiên có đăng trong báo *Thực-Nghiệp* một bài nói rõ cách chế chất ấy. Làm, không lấy gì làm khó, giá người mình dựng xưởng làm kính, làm giấy lấy, thời một năm cũng thu được một món lợi to. Mong thay ! — N. U.

Giờ đem kính ngâm vào thuốc « lộ-hình » (*révélateur*), rồi dơ ra ánh-sáng mặt trời thời chỗ bạc chưa bị ánh-sáng cảm bấy giờ đen thẫm đi mà che kín chỗ có hột cánh xanh, còn chỗ có hột điều và hột tím sẽ trông rõ ; hai thứ hột ấy hỗn-hợp với nhau thành sắc đỏ ; thế là được bóng hoa hồng sắc đỏ vậy.

Trên ta nói chụp bức ảnh hai người thiếu-niên cầm hoa hồng mặc áo xanh và đen. Ta đã hiểu cách chụp được mùi hoa hồng đỏ, còn mùi áo xanh và đen và các mùi khác thời sao ? Cách giải bất ngoại lối trên này : chỉ xin biết rằng : « Những sắc hợp lại thành sắc bổ-sắc cho sắc mình chụp mất đi thời lộ sắc mình chụp ra » (*La couleur que l'on photographie s'obtient par l'élimination des couleurs dont l'ensemble forme la couleur complémentaire de celle qu'il s'agit d'obtenir*).

Kính ảnh đã vậy, giấy ảnh, cách làm và diễn cũng thế, tưởng không cần phải nói nữa thêm mất thì-giờ của độc-giá.

Rút lại, kính và giấy ảnh thường lúc làm sắc trắng đen khác hẳn nhau ; kính và giấy ảnh mùi, lúc làm xanh, đỏ, lơ, điều, vàng tím vẫn thế.

Nghĩa là : trong ảnh thường, chụp vật đen, kính ảnh hóa trắng ; trong ảnh mùi, chụp vật trắng, kính ảnh vẫn trắng, chụp vật đỏ, kính ảnh vẫn đỏ, vẫn vẫn.

A. — Thuốc rửa kính

I. — Thuốc « phổ-diễn » (*développement*).

1. — Métoquinone

Eau 100 gr
Métoquinone 5 gr
Sulfite de soude anhydre. 30 gr

2. — Kính chụp mau (*clichés instantanés*).

Rửa kính chụp mau thời thêm :

Eau 20 cm³
Acétone 3 —
Bromure de potassium . . 2 —

3. — Lúc chụp mau quá thời thêm :

Eau 100 gr
Lithine caustique 0,5 —
Carbonate de soude . . . 0,5 —

4. — Lúc chụp dễ lâu quá, thêm :

Eau 200 cm³
Bromure de potassium . . 10 —

II. — Thuốc « lộ-hình » (*révélateur*).

Eau 700 cm³
Sulfite de soude anhydre. 120 gr
Acétone 160 —
Métoquinone 32 —

III. — Thuốc phổ-diễn và lộ-hình dùng ngay một lúc.

Eau filtrée 100 cc
Sulfite de soude anhydre 3 gr
Diamidophénol 1 —
Hyposulfite de soude . . . 2 —

B. — Thuốc rửa giấy.

Trước hết ngâm vào trong :

Eau 1000 gr
Hyposulfite 250 —

Rồi rửa bằng :

Acétate de sodium 30 gr
Chlorure d'or 1 —

Cách rửa kính và in giấy cũng như làm ảnh thường.

In ảnh

Người xưa muốn in một bức vẽ, chỉ biết lấy giáo-dục, khắc vào gỗ và kim-loại mà làm bản in, sau dần biết dùng nước cường-thủy (*acidés*), kim-loại và sáp, nay lại thêm một cách tối-xảo nữa là không cần giấy ảnh, giấy thường cũng in được ảnh, như vậy rất tiện cho các sách và tạp-chí.

Vì sao ? Vì dùng cường-thủy và kim-toại, chỉ in được những bức vẽ bằng tay, không giống được ảnh. Muốn chụp ảnh lại phải có giấy ảnh, dùng giấy ảnh mà làm sách và tạp-chí thời sao tiêu, và mỗi lúc in hàng vạn tờ thời lâu và tốn biết bao ?

Vì thế có người nghiên-cứu mà phát-mình ra cách in ảnh cũng như in chữ, rất tiện.

Cách ấy không lấy gì làm khó, chỉ dùng một ít hắc-in (*bitume*) là xong.

Hắc-in là cái gì ?

Hắc-in là một chất thiên-nhiên, nguyên-chất giống với dầu hỏa, sặc đen đen, nhẹ hơn nước, chất đặc, cũng có khi nái, đốt cháy rất sáng, dễ vào nước không tan, nhưng tan vào trong rượu và dầu sặc.

Hắc-in có ba thứ là :

Hắc-in Judée

Hắc-in Trinité

Hắc-in Malte

Trong ba thứ ấy ta dùng thứ Judée để in ảnh. Hắc-in Judée đóng từng khối đen, thường lấy ở bờ Tử-hải (Mer-Morte/ Caspienne).

Làm thế này : đồ đều hắc-in lên trên một miếng kẽm phẳng, rồi bơm dầu sặc vào, để kính-ảnh lên, phơi ra ánh-sáng. Những chỗ trong kính để ánh sáng vào mạnh thời nhờ có ánh sáng ấy hắc-in không tan

ra. Những chỗ đen trong kính không để ánh sáng chiếu vào thời theo luật thường hắc-in chỗ ấy thường bị dầu sặc làm tan ra : chỗ ấy lõm xuống. Thành chỗ cao chỗ lõm khác nhau. Lúc quét mực vào, chỗ cao bắt lấy rồi in hình ra, thế là thành ảnh.

Tạo-hóa đãi người ta rất hậu, nhưng hậu hay không là tùy ở cái trí của người. Người mà thông thái một vật-chất cỏn con, một vật - liệu nhỏ mọn của tạo - hóa cũng nhân đấy dùng lấy mà nghiên - cứu cho thành việc hữu-ích.

Bề học mông-mênh, nói chi nhiều, cứ một việc ảnh này : thật chỉ một tia ánh-sáng, một vị thuốc biến mùi, mà thành các kết-quả rực-rỡ biết bao. Vừa có ích cho việc học-vấn, việc kỷ-niệm, việc giải-trí, lại có ích cả cho chính-trị, cho chiến-tranh nữa.

Này du-lịch một nơi thắng-cảnh, qua rồi về cầm bút tả, dù khéo đến đâu, người không tới đấy, cũng chỉ được cái thú tưởng-tượng; thế mà có máy chụp, chụp rồi về in ra thời ngàn vạn con người ngồi nhà cũng được cộng-hưởng cái thú du-lịch ấy. Tiện-lợi biết bao ! Phong-cảnh đẹp đã thế, những bậc vĩ-nhân trong thế-giới cũng vậy, nhờ có ảnh, không những người bây giờ biết hình-giong, người trăm ngàn năm về sau cũng còn biết.

Ảnh dùng để tặng nhau trong khi cách-biệt, để bài-trí ở trong nhà. Nhà-nước dùng để gián giặc-cần-cước, nhà binh dùng để chụp thế-trận quân-thu. Ảnh đặc-diễn (1), phim chớp bóng (2), cũng mỗi ngày mỗi phát-dạt.

Người mình được hưởng cái gia-tài chung rất là quý-báu ấy, thật cũng là một cái may.

(1) Máy ảnh đặc-diễn phát-mình ra từ quan Trung-tả Laussedat, có buồng tối, thêm cái viên-kính và cái thấu-kính.

(2) Xem bài «Chớp ảnh» của ông Trúc-dinh đã đăng trong Nam-Phong số 18, trang 457-463.

Ngày nay chơi ảnh cũng thích, chụp ảnh cũng biết, xem chớp ảnh cũng ham, nhưng tiếc thay, sẵn máy, sẵn kính, sẵn giấy, sẵn phim của người gửi đến, ta cứ thế ta dùng, chứ ta chưa có ai làm lấy được những vật-liệu ấy.

Người viết bài này, viết xong trong bụng rất lấy làm hi-vọng rằng có nhà lưu-tâm mở xưởng mà làm giấy, kính,

máy lấy, tuy mới đầu hẳn có điều khó-khăn, không được bằng người, nhưng kiên-tâm, bền chí, nghiên-cứu, sửa-sang,ắt có ngày thành kết-quả tốt.

Mong thay !

NGUYỄN ỨNG

Sinh-viên trường Cao-dẳng.

SÚ'-HOA NHÂN-VỊNH⁽¹⁾

(Dịch thơ triều Lê)

III

31. Thành Sương-ngô tám cảnh đẹp

Khi thuyền đến thành Sương-ngô, đây có tám cảnh đẹp lắm : 1^o cảnh sông Quế-giang; 2^o cảnh bãi Long-châu; 3^o cảnh núi Vân-linh; 4^o cảnh bến Kim-ngư; 5^o cảnh giếng Bồng-lĩnh; 6^o cảnh núi Hỏa-sơn; 7^o cảnh gò Hạc-cương; 8^o cảnh ao Ngạc-tri.

Thành ở trên chỗ ngã - ba sông, giáp-giới hai tỉnh Quảng, núi sông thấu-hiệp, danh - thắng rất nhiều, mở xem địa-dư tường-tận mới đi du-ng ngoạn xem qua, rồi cảnh nào cũng có thơ đề vịnh, đề làm một vở thực-lục trong khi đi đường.

1

Quế-giang xuân-phẩm

(Mùa xuân thả thuyền chơi sông Quế-giang)

Trước mặt có sông Ngạc-giang,
Phủ-thành mé bắc thông đường Quảng-
[tây.

Mấy rẫy núi như quây bức tường,
Một dải sông về sáng gương thanh.

Hai bên thông trúc tốt xanh,
Nhác trông như vẽ bức tranh họa-đồ.

Xưa nay những khách giang-hồ,
Thuyền lan chèo quẽ tư mùa thanh-
[thời.

Khi vừa lại dong chơi cảnh ấy,
Nỗi tình-thần vịnh mấy câu thơ.

Nhè-nhệ thuyền lan một lá xanh,
Tiêu-diêu chẳng quản lúc lênh-đênh.
Gió bay chèo quẽ hơi xuân lạnh,
Sóng nổi hoa đào về nước thanh.
Đỉnh núi bóng thông che tản-tản,
Bên bờ tơ liễu rủ mảnh-mảnh.
Nhìn xem phong-cảnh tình không hạn,
Muốn vẽ xuân-du một bức tranh.

2

Long-châu chỉ-trụ

(Cột đá bãi Long-châu)

Sương-ngô một dải Phong-giang,
Cách thành mười dặm thông đường
[Quảng-tây.

Núi bãi cát ai xây một quả,
Nhác trông như cốt đá giữa dòng.

Tốt xanh bãi trúc ngàn thông,
Dài cao trót vót mây lồng bốn bên.
Tục-truyền chỗ Trương-Tiên cưu-ân,
Tiến-sĩ Minh Giải-Tấn chơi xưa.

(1) Xem Nam Phong, số 48, trang 482-485; số 49, trang 62-67.

Cột đá treo-leo dưới bích-lưu,
 Nhả mây nuốt sóng cuối trường-châu.
 Rẽ đôi dòng nước sa nghìn mỏ,
 Áp mấy tầng non đá một đầu.
 Trương-lão (1) gối mây nơi cựu-ân,
 Giải-lang (2) guốc dựa đầu tiên-du.
 Chiều hôm dạo bước lên dài đứng,
 Bốn mặt giang-san cõi mắt thu.

3

Vân-linh tinh-lam

(Mây núi quang-dãng)

Sương-ngô có núi Đại-vân,
 Bắc-thành một mặt tới gần bến sông.
 Nghìn tầng cao nhất chùng-phong,
 Sắc phơi gấm vóc bóng lồng pha-ly.
 Sông một dải tăn-nhi sáng quắc,
 Cây nghìn hàng một sắc mây xanh.
 Du-nhân khéo khéo da-tinh,
 Nghênh-ngang bầu rượu tung-hoành
 [là thơ.

Đầu áp nghìn non một hướng sông,
 Tron-von như dựng tấm binh-phong.
 Sắc phơi cầm-tú hà trăm vẻ,
 Bóng lộn pha-ly nước một dòng.
 Bốn góc thoảng không hơi khói tỏa,
 Nghìn tầng quẩn sạch khi mây phong.
 Quan-san có khách dừng chân lại,
 Muốn bước lên cao rộng đất trông.

4

Kim-ngưu tiên-độ

(Bến Kim-ngưu tiên sang đó)

Bến tiên này ở phía đông,
 Cách thành mười dặm xa trông cũng kỳ.
 Sa Long-châu đường đi lối lại,
 Núi Kim-sơn một dải con con.
 Vẻ non soi lộn sóng đào,
 Đường đi còn mắng lối vào Thiên-thai.

Hỏi khi trước có ai chơi tá?
 Chủ lái đồ vội vã thừa lên,
 Rằng xưa có đạo-sĩ-tiên,
 Dắt trâu qua đó xuống thuyền sang sông.
 Rỏ nước mắt giả công nghìn hạt,
 Lái trông ra thấy rất những vàng.
 Nghe xong chỉ nể bằng ngàn,
 Thuyền vừa qua bến tay liền tả thơ.

Chân-lâm một bước bấy lâu nay,
 Dấu cũ Khiên-ngư nhận chốn này.
 Sông vỗ làn sóng khi cưỡi gió,
 Khói tan mặt nước lúc xua mây.
 Đón người hoa bến cười như mĩa,
 Gọi khách chim ngàn giọng vẫn say.
 Vẫy lại ngư-ông thăm hỏi truyện,
 Một vầng trăng sáng chiếc thuyền đây.

5

Băng-tĩnh tuyến-hương

(Giếng có mạch nước thơm)

Bến dò Tiên-độ vừa qua,
 Hay đầu trước mắt lại là giếng băng.
 Một bên núi lửa tàng-băng,
 Dưới chân có suối trên lưng có đình.
 Hỏi khi trước tự-tĩnh ai biết,
 Chủ tiêu thừa khước-chiết đủ lời.
 Rằng đây giếng ngọt dòi-dòi,
 Nghìn ngày không đổi một ngày thanh-
 hương.
 Nhớ khi trước người Đường chơi
 đạo,
 Quan sứ-thần Nguyễn Hạo đặt tên.
 Còn rực-rỡ ở trên một miền,
 Về đời Minh quốc-lão làm ra.

Bảo-thoa (3) làm cột ngọc làm giương,
 Giếng ngọt trong đình chẳng hết hương.
 Suốt đây trong veo vầng quế-phách (4),
 Ngâm trong thơm ngọt vị lan-tương (5).
 Bình chè chứa hợp cung nhà Lục (6),
 Trăm liêu nên chung tiến bộ Đường (7).

(1) Trương-lão : ông Trương-Thạch-Tiên.

(2) Giải-lang : ông nghề nhà Minh.

(1) Bảo-thoa = cảnh thoa vàng.

(2) Quế-phách = mặt trăng.

(3) Lan-tương = rượu hoa lan.

(4) Ông Lục Hồng-tiên uống chè biết được vị nước.

(5) Ông Lý Đức-Dụ tìm được suối ngọt ở Nam-sơn chạy trạm đem về dâng vua Đường.

Kèo rót muốn đem ngòi bút rắp,
Họa theo quốc-lão (1) bức thi chương.

6

Hỏa-sơn tịch-diệu

(Núi lửa hồng ngọn cháy)

Mé bên nam sau đền Bạch-đế,
Ngọn hỏa-sơn hình-thể thêm yêu.
Khói mây nghi-ngút một chiều,
Nửa đêm lửa bốc như thiêu ngang trời.
Hỏi cảnh sắc là nơi chi đó?

Chú tiều-phu tay trở miệng thưa.
Đời vua Hán-đế khi xưa,
Đặt tên Hỏa-diệm bây giờ là đây.
Lung-linh dấu ngọc còn đây,
Minh-châu đã hóa những ngày thành

tiên.

Dưới đáy nước có thuyền đồng-đúc.
Quan Phục-ba khi trước làm ra.

Trong khi nước lạnh trăng tà,
Bóng thuyền còn thấy lững-lờ dòng.
Đủ lời vừa mới nghe xong, sông.

Ngâm câu tuyết-diệu ngu trong tĩnh-
[tĩnh.

Thần-duốc (2) trên không ngâm hỏa-
[cầu (3),

Đêm-đêm phun khắp ngọn sơn khâu.
Chiều thông chín lối cùng nga-thỏ (4),
Soi suốt hai chiều vị Đầu Ngưu (5).
Phẳng-phất song mây tĩnh bảo-kiếm (6),
Rõ-ràng ánh đất khi linh-châu (7).
Hỏi xem tiên-mộng người cung Hán (8),
Kiếp mấy lần gió dưới cỡi phù (9).

7

Hạc-cương tịch-chiều

(Gò Hạc chiều ánh sáng buổi chiều)

Buồm tà theo bóng tịch-dương,
Tây-nam lại có Hạc-cương tới gần.

Nền bích-thủy tinh-thần như vẽ,
Ngọn cỏ hoa một vẻ khoe tươi.
Non xanh xanh cả bầu trời.

Hình như tiếng hạc bóng người đầu xa.
Tiều nghe thấy kể ra trăm thú,
Nam-Hán xưa truyện cũ còn truyền,
Thanh-cao một ngọn thiên-nhiên,
Có ông Lư-Diệu dạo bên núi này.
Gò vừa dứt có ngay đôi hạc,
Vỗ cánh liền ngo-ngác tìm bay.
Nghe lời như tỉnh như say.
Miếng ngâm tay thảo nên ngay thơ này.

Điểm thủy tô son bức cầm-chương.
Chiều hôm thêm vẽ mặt sơn-cương.
Văng chiêng chiếu ngược màu hoa
thắm,

Bóng ác soi ngang sắc cỏ vàng.
Tăng lại chùa tây mau đạo bước,
Chim về rừng bắc vội tìm đường.
Lên cao chớ tiếc không còn bạc,
Một khúc cầm-dao mấy tịch-dương

8

Ngạc-tri dạng-nguyệt

(Ao Ngạc-tri lộn bóng trăng)

Cánh bướm quay mũi về đông,
Bên thành đầu đã xa trông có hồ.
Ngọn phong-ba nhấp-nhó cao thấp,
Dòng bích-lưu quanh-quất vòng cung.
Giang-hồ quen thú vẫy-vùng,
Quay thuyền mới hỏi nào phong-cảnh gì?
Lái bên kê từ khi trung-cổ,
Vua Phù-nam Phạm-tổ lên ngôi.
Ao này cả ngạc thường nuôi,
Mượn làm phép nước uy người tội-nhân,
Người có tội nó liền ăn thịt,
Kẻ vô-can cả lượn lảng đi.

(1) Quốc-lão-công nhà Đường có thơ đề đình trên giếng ấy.

(2) Thần Chúc-dong giữ việc lửa.

(3) Quả mặt trời.

(4) Nga-thỏ = Trên cung trăng.

(5) Đầu Ngưu = Hai ngôi sao to sáng.

(6) Bảo-kiếm = gương báu.

(7) Linh-châu = hạt châu sáng.

(8) Đời vua Hán năm mơ thấy hạt minh-châu hóa làm tám vị tiên ở trên núi này.

(9) Cỡi phù = kiếp phù-sinh.

Gia-ngư tên đổi Ngạc-tri,
 Từ quan tổng-dốc về thì nhà Minh.
 Trên ao có lầu đình rực rỡ,
 Ấy Sĩ-Cao đem thợ lên làm.
 Một tòa học-viện thư-am,
 Từ đời Hoảng-trị trăm năm đến giờ.
 Vưa nghe nói túi thơ như giục,
 Ngọn bút hoa lập tức ngậm đề :

Nuôi ngạc năm nào ngạc đã bay,
 Nước trong còn lại một ao đầy.
 Vẽ lồng phách thổ khi êm sóng,
 Bóng lộn gương nga lúc vắng mây.
 Dưới đây lâu-dài trai nhả sắc,
 Trên ngàn bờ-tảo cá nường vảy.
 Rắp toan cất bút trong huỳnh-vũ (1),
 Cầm-trục (2) đề thêm một bức này.

32. — Cảnh sông Quế-giang.

Nước xuôi thuyền ngược, lần lần đến
 khúc sông Quế-giang, la-lùng thay
 kênh nổi dưới dòng, nước trong suốt
 đáy, hai bên bờ thì núi non san-sát,
 ngọn nọ đối ngọn kia; thông trúc xanh-
 rì, cây này chea cây khác. Nực cười
 cho dân-sự ở đây, xay lúa bằng đá,
 dùng trâu kéo đề thay nhân-công, âm-
 âm như sấm ran, như pháo nổ, khôn
 khéo biết bao!

Đến chiều đứng tựa mũi thuyền,
 trông ra tứ phía, lũ thuyền-chài xua
 ngan đuổi cá, chài lưới tung-hoành,
 vắn-vắn như khói tỏa như mây tuôn,
 cá tôm đua nhảy, tiếng ngan lẫn tiếng
 người rộn-rịp, kể thật là vui.

Sông Quế xuân sang đầy nước trong,
 Đồi bên núi hợp chằm bình-phong.
 Đầy trên mặt nước kênh cùng thác,
 Khấp dưới chân dèo trúc với thông.
 Mò cá chim ngan dòng lặn lội,

Xaylương trâu mộng đá quanh vòng.
 Đường xa mới biết kiên-khôn rộng,
 Phong-cảnh nơi nơi lạ mắt trông.

33. — Viếng miếu Tam-liệt

Thuyền vừa qua huyện Chiêu-bình,
 thì bỗng thấy bên sông một miếu, tờ-
 mờ khói tỏa hương bay, chung quanh
 miếu thì cỏ hoa u-uất, hình như bóng
 thiêng-liêng hầy còn lẫn-khuất chưa
 tan, trước cửa đền sóng vỗ tung-hoành,
 khác nào cơn giận phong ba nổi lên
 cuộn-cuộn, bên ghé thuyền bước
 lên. Mả ai còn đó tro-tro, trông bia chữ
 đá rêu lờ-mờ xanh, xem xong mới
 biết là miếu thờ tam-liệt. Nguyên từ
 năm Tuyên-thánh nhà Minh, có ông
 Lưu-Nhận, lĩnh chức thông-phán châu
 Ngô, đến huyện Bình-lạc thì thác mất,
 vợ thứ là Trương Lục-Đật mới 20 tuổi,
 nàng hầu là Cúc-hoa, 16 tuổi, con gái
 là Thời-Tử cũng 16 tuổi, giữa đường
 phải cướp bắt, không chịu nhục,
 đều đâm đầu xuống sông mà tự-tử.
 Vua Minh trọng là tiết-ngiữ, mới tạc
 bia tinh-biểu gọi là bia « Tam-liệt ».

Xem rồi động mối thương-tâm, ngụ
 theo Đường luật viếng ngậm một bài.

Mây trắng muông xanh (3) ngăn thối
 đời,

Ruột gan nhi-nữ mấy lăm người.
 Giữa đường gin ngọc không tìm đất,
 Dưới nước gieo châu phó mặc trời.
 Thôn-thức dòng thu sâu sóng nổi,
 Thê-mê bến cỏ lệ hoa rơi.
 Tiết-trinh soi suốt gương thiên-cổ,
 Khách lại trông bia viếng mấy lời.

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bích dịch

(1) Nhà học.

(2) Bài thơ cổ hay lắm.

(3) Là đám mây trắng biển hình như con chó xanh tan hợp không thường.

BÌNH-LUẬN VỀ THI-VĂN NƯỚC TA

CUNG - OÁN NGÂM - KHÚC

*Chống tay ngồi ngẩn sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho giải kẻo cầm !*

Cung-oán

— L'homme de génie n'est pas le maître de la force qui est en lui ; c'est par le besoin ardent, irrésistible, d'exprimer ce qu'il éprouve qu'il est homme de génie. Il souffre de contenir les sentiments ou les images ou les pensées qui s'agitent dans son sein.

V. COUSIN

— Ce n'était pas un art, c'était un soulagement de mon propre cœur qui se berçait de ses propres sanglots.

LAMARTINE

— Người tài tử không phải là người tự-chủ cái năng-lực của mình ; ấy bởi sự bất-đắc-dĩ phải phát-lộ cái tình-cảm của mình ra mà mình là người tài-tử. Người tài-tử khó mà chịu được được những mối cảm-tình, những cái hình-ảnh hay những cái tư-tưởng nó ngồn-ngang trong lòng.

— Thơ không phải là một môn mĩ-thuật, thơ là cách giải phiến một đôi chút cho tấm lòng ta để có thồn-thức thổ-than thì mới được an-ủi.

Cung-Oán là một khúc ngâm hay có tiếng ở nước Nam ta. Cái giá-trị của *Cung-Oán* thật là tương-dương với cái giá-trị của truyện *Kim-Vân-Kiều*. *Cung-Oán* số-dĩ mà không phổ-cập được như truyện *Kiều* cho khắp hạng người trong xã-hội, đó là bởi cái lý-tưởng siêu-việt thâm-trầm nó ẩn-ngủ ở trong vậy. *Cung-Oán* là một áng văn-chương tuyệt-tác trong nền quốc-âm, một cái bảo-tàng vô-giá của cổ-nhân di-truyền lại cho bọn ta. Quý-hóa thay ! Những khi đêm khuya thanh-vắng, đối ngọn

đèn xanh, băng-khuảng tắc dạ, một mình một bóng trong chốn văn-phòng, giờ quyền *Cung-Oán* ra ngâm thì tưởng bình-sinh không có sự chi thú bằng ! Nhưng cái thú ấy là cái thú buồn-rầu mà lạnh-ngắt như khi mùa thu vậy, nó chỉ riêng cho kẻ đa-cảm đa-sầu, trầm-tư mặc-tưởng.

Tên tác-giả là gì cùng sự-tích ngài ra làm sao thì kẻ thư-sinh cũng chưa được biết rõ - rằng, chỉ thấy tương-truyền rằng ngài là quan Ôn-như-hầu, đầu sinh về cuối đời nhà Lê. Ngài

nguyên là người có tri thông-minh, tài cao học rộng, có thể trên giúp vua nên đứng thánh-chúa minh-quân, dưới khéo kinh-luân mọi việc khiến cho nhân-dân được hưởng cuộc thái-bình thịnh-trị.

Nhưng, than ôi ! cái cân thăng-bình của loài người có mấy khi được đúng mực đâu, tự cổ-lai những bậc có tài-tri sinh vào buổi hỗn-độn, gặp thời-thế suy-dồi, thường thường vẫn bị ngược-đãi một cách rất bạc. Vua trước đã tin dùng ngài, sau lại nghe những lời siểm-nịnh gièm-pha mà bãi ngài về. Buồn vậy thay ! Còn có sự chi khổ-não cho người hiền-nhân quân-tử bằng gặp phải bước đường long-dong ấy, cảnh-ngộ trắc-trở này. Giã-sử vua không biết đến ngài thì thôi, không kể làm gì nữa ; huống - chi đã biết mà sau lại không dùng nữa, như thế thì trách nào ngài chẳng đeo nỗi ưu - phiền, mang lòng bực-tức.

Ngài soạn ra khúc *Cung-Oán* ấy cũng vì cái khổ-cảnh, cái khổ-tâm của ngài nó cưỡng-bách ngài, bất-đắc-dĩ mà ngài phải hạ bút làm, làm đề tả cái tình - tiết u-ẩn nung - nấu trong lòng. Thế cho nên những lời mà ngài thổ-lộ ra toàn là những lời oán-hàn thiết-tha, gay-gắt chua-chát như giọng cảm-hờn, bi-ai rền-rĩ như tiếng khóc-thau, làm cho người ta mỗi lần đọc đến phải thấm-thía cảm-động vô-cùng, chau mày mà rơi lệ, ngậm-ngùi thương thay cho cái nóng-nổi oan-uổng đau-dớn của kẻ đoạn-trường, cái thân-thể tiêu-tao sâu-khổ của người bạc-mệnh.

Nhân thấy đời xưa bên nước Tàu có một nàng cung-phấn nhan-sắc huỳnh-thành, tài-hoa tuyệt-phẩm, trước được thừa ơn vua yêu mến, sau bị vua bỏ không nhìn nhận đôi-hoài chi tới, đề đến nỗi thân-phận liễu-bỏ phải mặt ủ mày ê, son phai phấn nhạt, đứng tui ngồi sầu, hết than lại khóc, cái tình-

cảnh lỡ - làng ấy cũng đáng thâm-thương ! Vì cùng hợp với cái cảnh-ngộ của ngài, nên ngài bèn mượn lời người thừa xưa ấy để bày tỏ tấm lòng sót-sa bí-đất của ngài.

Khúc *Cung-Oán* này là lời một nàng cung-phấn than thân trách phận trong chốn tiêu-phòng lạnh-lẽo tịch-mịch, Cảnh tiêu-sắt, giá thế-lương, đó là hai cái nguyên-tố nó bao-hàm cả nghĩa truyện từ đầu đến cuối. Trời thu thăm-dạm, gió vàng hắt-hiu, trăng tà hoa rụng, để dục quyền kêu, còn cái cảnh nào cảm-động người ta mạnh bằng cảnh mùa thu nữa ? Trông cái sắc mùa thu, nghe cái tiếng mùa thu, thế cũng đủ khiến cho người ta trong gia bổi-hồi tề-tái, tinh-thần phảng-phất mơ-màng, như tỉnh như mê, bàng-khuàng rầu-rĩ, nghĩ-ngợi vẩn-vơ. Cảnh đã tiêu-diêu mà người lại là người thuyền-quyển ngồi lơ-lơ-trội một mình một bóng trong chốn thâm-khuê lặng như tờ, tình đã buồn mà cảnh lại vô-duyên, như vậy thì thật dễ khiến cho khách quần-thoa phải lai-lãng mạch sầu mà hồi-tưởng lại buổi xuân-xanh tơ-liễu yêu-đào, hoa cười ngọc thuyết.

Nhớ ngày nào nàng còn sắc tươi như hoa, đẹp như gấm, má đào hây-hây, mắt trong suốt tựa làn sóng mùa thu, cá lặn nhận sa, hoa say nguyệt dắm, nhất đời còn si đẹp bằng ! Tài thì thơ đàn anh họ Lý, vẽ bậc chị chàng Vương, cờ ngang Đế-Thích, rượu tình Lưu - Linh, đàn gảy khéo như Tư-Mã, phú làm hay tựa Tiêu-Lang. Một bậc khuê-môn đài-các sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành mà lại có cái tài-hoa phi-thường như thế thì kẻ trên đời cũng hiếm có vậy ! Say vì sắc, trọng vì tài, những khách vương-hầu khanh-tướng ai ai cũng phải ngập-nghé ước-mong. Cái số-phận của nàng mai-hậu chẳng là sung-sướng vui-vẻ lắm dư ? Nhưng ngẫm-ngĩ cho kỹ thì cuộc đời chẳng qua như giấc chiêm-

bao, tản-mát như bọt trời, bênh-bồng như bèo nổi. Người ta sống ở đời chẳng qua như kẻ lữ-hành, chớ chiếc thuyền lênh-dềnh trong bến mé man-mác, bề khổ mệnh-mông. Cơ trời đa-đoan, tang-thương biến-cải, thành-bại thịnh-suy chỉ trong giây phút là xong, phú-quí vinh-hoa cũng thấm-thoắt mây bay vùn-vụt chớp nhoáng. Hai chữ danh-lợi thật là cái bả giữ làng xa-mã, lừa gã công-khanh, cái con phong-ba giữ-giới trong bể hoạn mịt-mù bát-ngát. Đau-dớn thay là kiếp người! muốn được cơm ăn áo mặc, hưởng cuộc giàu sang thì phải cùng-tám kiệt-tứ, bốn - tầu phong - trần, mưu lọc chước lừa, ra luồn vào cúi, thế mà đến lúc chết thì cũng chẳng qua một nắm cồ-khâu gì gì! Nghĩ đến thế-sự nhân-tình thì lấy làm ngao-ngán trăm chiều, buồn-rầu mọi nỗi, mà chỉ muốn đem mình nương nhờ cửa Phật, ngày tháng tiêu-dao cảnh thuyền. Kịp đến khi đã thoát-li cõi đời, bụi trần rũ sạch, thì tấm thân được mát-mẽ nhẹ-nhàng, vong-hồn thanh-thoi bay trên mây từng mây, siêu-thăng về cõi Cực-lạc, chân bước lên chốn tòa-sen. Nhưng người tài-sắc trời nào có dễ yên cho; biết đâu tay Nguyệt-Lão vô-tình kia lại se ngay nằng vào nơi cung-điện lâu-đài dễ cùng với vua chúa sánh đôi. Gối phượng chần loan, đệm hồng-thúy, bóng bội-hoàn, tiếng đàn thanh-thốt, giọng địch nỉ-non, lửa duyên vừa bén, giấc xuân đương đậm đương nồng, bề ái nguồn ân kẻ sao cho xiết, còn có cái đêm nào vui-sướng cho bằng? Con nhà khuê-các mà được tiến lên bệ rồng thì kẻ ra cũng được phỉ lòng mong ước, cam công mang tiếng thuyền-quyển với đời. Cuộc nhân-duyên đã thành và được thỏa-mãn xứng-dáng muôn phần tốt-tươi, thế thì chắc sau này cũng không đến nỗi phụ công tô-diêm má-hồng mây xanh. Nhưng cơ trời lên

xuống đổi thay, ai ngờ đâu cá nước duyên may, tốt đời đẹp lứa mà hóa ra hương sầu phấn tui, gối độc chầu đơn, buồn không bóng chiếc, cửa mốc sản rêu. Lạnh-lùng thay! cảnh-huống vui-vầy đậm-thắm bỗng chốc hóa ra nóng-nổi thê-thảm dờ-dang! Càng ngẫm-nghĩ đến cái cơ-duyên ấy, cái thân-thế này thì càng thêm bối-rối bàng-khuàng, giọt lụy khôn cầm, đôi hàng chan-chứa. Đêm năm canh một mình trông ngóng, hết đứng lại ngồi, khắc-khoải ngằn-ngờ. Gió thổi cây rung, chuông rền để khóc, càng thấy cảnh càng thêm ngao-ngán lòng. Nơi lầu son gác tía coi tựa-hồ như chỗ ngục-thất tối-tăm lạnh-lẽo. Nếu có biết trước thế này thì thả trọn đời kết tóc se tơ kẻ quê mùa, rau cháo cho qua ngày tháng, khi đi khi về đàn con riu-rít, trăm năm riêng một cảnh điền-viên, như vậy chẳng vui-sướng gấp mấy mươi thế này ư? Nhưng tiếc thay bây giờ tay đã rung trăm rồi, phỏng còn hối-hận oán-thán gì được nữa! Dầu có ăn-năn than-khóc ra nữa thì sự cũng đã lỡ rồi, phỏng có được ích chi. Thôi cũng đành chịu duyên bề-bàng, phận hẩm-hiu vậy.

*Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Cái hoa đã trót gieo cảnh biết sao?*

Đuốc vương-giã sao nữ bất-công như thế? Lượng thành hải-hà hẳn quyết mực đa-doan? Ngán thay! thân liễu-bồ mà phải chịu cảnh nước chảy hoa trôi, nuốt cay ngậm đắng. Biết bao giờ trên chín-bện mới thấu rõ cái khổ-cảnh, cái thảm-tình này cho? Phỏng đến lúc bấy giờ liệu còn giữ trọn được má hồng như xưa không?

Như thuyết-giã vừa nói trên kia, *Cung-Oán* là một nền kiệt-tác trong văn-giới nước ta, lời lẽ thật nặng-nề khắc-khổ, tinh-ý rất ai-oán não-nùng;

Mỗi một câu nói đau-đớn như giọt máu mới sa, róc-róc như giấy đàn sắp đứt, ra-rả như quỳên kêu, rền-rĩ như rế gọi, lạnh-lùng như trận gió bắc cơn mưa rầm, chua xót như giọng than sầu tiếng khóc thảm trong buổi đêm trường. Nói tóm lại văn *Cung-Oán* là một thứ văn bi-thu cảm-hận vô-cùng, mỗi lượt đọc đến tình-thần phải thấm-thía, tắc gia phải thể-lương và dễ sinh ra chán-nản cuộc đời, thiết-tha sự thế. Cũng có chỗ nói đến cái khoái-lạc thú-vị ở đời, nhưng trong cái khoái-lạc thú-vị nhất-thời ấy vẫn có cái khổ-não đắng-cay vô-hạn. Mỗi một dòng chữ trong *Cung-Oán* tức là một khúc sầu-tràng vấn-vít, khó mà đoạn-tuyệt. Lời văn đã rền-đục gọt-rũa cực-xảo như thế, ý-từ lại uyên-áo, tưng-tướng thật thâm-trầm. Tác-giả không những chỉ thiên-tả cái thân-thế, cái số-phận của nàng cung-phi ấy mà thôi, ngòi lại còn suy-diễn rộng ra mà tả cả cái thân-thế cái số-phận của hết mọi người sống trên đời, cái vận-mệnh của khắp muôn vật trong vũ-trụ, giam-hãm trong vòng sinh-hóa luân-chuyển, dầm-đuối trong bể khổ-hải trầm-luân. Lý-tưởng sâu-xa rộng - rãi thay ! cái lý-tưởng ấy là cái lý-tưởng siêu-việt của đạo Phật vậy. Vừa có cái câu văn lão-luyện điêu-khắc kia, lại vừa có cái tưng-tướng mệnh-mông, cái khuynh-hướng cao-thượng này, cảnh hợp với tình, lời xứng với ý, văn-chương thể mới thật là văn-chương, mới thật là có giá-trị vậy.

Nay xin trích-lục những câu sau này mà thuyết-giả lấy làm hay nhất khéo nhất.

*Nhị hoa chưa mĩ miệng cười,
Gấm nang Tô đã nhạt mùi thu-dung.
Áng đào-kiểm dầm bóng nảo-chàng,
Khoe thu-ba rợn sóng khuynh-thành.
Bóng gương lấp-ló trong mảnh,
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.
Chim đầy nước cá lừ-dừ lặn,*

Lừng da trời nhận ngàn-ngơ sa.

*Hương trời, dầm nguyệt, say hoa,
Tây-Thi mất vía, Hằng-Nga giết mình...*

*Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tề-Tuyền đã nổi lên đùng-đùng.*

Tả cái nhan-sắc của người con gái đến thế là thật khéo. Đọc gần ấy câu ta cũng đủ hình-dung mô-tả được người mĩ-nữ trong tri-tướng-trọng vậy. Cái đẹp ấy là cái đẹp cực-diêm-tuyệt-vời, cái đẹp có tài-tình thi-vị, cái đẹp cảm-dộng muôn loài, ngửa-nghiêng thiên-hạ.

Kia ! thế-cực như in giấc mộng,

Mây huyền-vi mờ dồng khôn lường !...

*Thảo nào khi mới chôn rau,
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra !
Khóc vì nỗi thiết-tha sự thế,
Ai bày trò bãi bể nương dâu ?...*

*Sóng còn cửa bể nhấp nhô,
Chiếc thuyền bão-ảnh thấp tho mặt ghềnh...*

*Phong-trần đến cả sơn-khê,
Tang-thương đến cả hoa kia cỏ này !...*

*Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một năm cô-khâu gì gì !...*

Triết-lý mới sâu-xa rộng-rãi thay ! Lấy cái thân-thế một nàng cung-phi mà quan-niệm về khắp muôn vật trong trời đất, gồm cả từ loài vô-tri vô-giác cho đến con người ta là chủ giống động-vật. Tổng-chi vật nào cũng đều có một cái định-mệnh tuyệt-dịch, là đã sinh ra ở trong vũ-trụ thì tất-nhiên phải xoay-vần biến-hóa, phải tiêu-diệt vào cõi hư-vô ; cây vàng là ổ, chim sa cá lặn, sóng lở núi tan, hoa tàn cỏ héo ! Thế thì cuộc đời đáng là một giấc mộng, người sống ở đời rõ người nằm trong mộng vậy. Sách tàu có chữ : Nhân sinh như bạch-câu quá-khích, cùng cái câu của nhà triết-học Pháp J. DE MAISTRE : Người ta chẳng qua là một con ma-troi, một cái bóng, một cái

hơi bốc lên trên không rồi tan »
(L'homme n'est rien qu'un fantôme, une ombre, une vapeur qui se dissipe dans les airs), cũng đều chỉ một ý như ở đây vậy. Ngẫm nghĩ suy xét như thế thì nhiều người cho là lạc hẳn đầu-đề, nhưng không phải, vì cái cảnh đoạn-trường, cái nỗi thống-khổ của nàng cung-phi ấy, tức là cái biểu-hiệu cho cả cái vận-mệnh của vạn-vật phải sinh sinh hóa hóa dầm-đuối trong bể trầm-luân.

*Đóa lê ngon mắt cửa-trùng,
 Tuy mây dầm nhạt nhưng lòng cũng xiêu...*

*Đuốc vương-giã chi-công là thế,
 Chẳng soi cho đến khóe âm-nhai !...*

*Vốn đã biết cái thân cầu-trở,
 Cả no mỗi cũng khó dữ lên !...*

*Nào hay con tạo trên người,
 Hang sâu chút hé mặt trời lại dầm...*

Lời lẽ mới thấm-thía chua cay sao !
 Đọc tám câu này thì đủ biết rằng cái lòng oán-hận ấy đã lời cực-diềm vậy. Vì oán-hận bức-rứt quá đến nỗi phải cầm gan tim ruột lại, thế cho nên mới phát-lộ ra giọng mỉa-mai gay-gắt này.

*Giết nhau chẳng phải lưu-câu,
 Giết nhau bằng cái u-sầu, độc chưa ?*

Ôi ! Cái đau đớn ở trong tâm-hồn thật là mạnh-mẽ gấp mấy mươi cái đau-dớn bên ngoài vật-chất, vì cái đau càng u-âm ngấm-ngấm bao nhiêu thì lại càng kịch-liệt bấy nhiêu.

*Mà hồng không thuốc mà say,
 Nước kia muốn đồ thành này muốn long...*

Tự thừa xưa đến giờ dù ở nước nào cũng vậy, người dân-bà có một cái thế-lực rất mạnh.

Tuy ít khi làm nên những thủ-doan phi-thường, tát cạn sông Hoàng-hà, lay đổ núi Thai-sơn, xông pha mũi tên hòn đạn, ngọn giáo đầu gươm, hò hét ba quân ở đám chiến-trường, nhưng người dân-bà là một cái động-cơ rất

mạnh trong xã-hội, đã từng bao phen gây nên lắm mối phân-tranh, chuyển-dịch thời-thế, biến-lóa nhân-tâm, làm cho quốc-gia phải khuynh-đảo, xã-tắc phải nguy-vong, muôn việc ở đời phải thất-bại. Vua Kiệt vua Trụ cùng lắm vì dễ-vương khác ngày xưa mất thiên-hạ cũng chỉ tại ham-mê say đắm cái sắc đẹp. Nguy vậy thay !

*Muốn đem ca tiểu giải phiền,
 Cười nên tiếng khóc nạt nên giọng sầu.
 Ngọn tâm-hỏa đốt rầu là liễu,
 Giọt hồng-băng thấm rạo làn son.*

Đọc bốn câu này thì thấu-rõ được hết cái tình-tiết cùng cái tâm-lý của người trong truyện vậy. Cái buồn này là cái buồn vô-hạn, cái thâm không cùng.

*Đêm phong-vũ lạnh lùng có một,
 Giọt ba-tiên thành-thốt cầm canh.
 Bèo tương thấp thoáng bóng huỳnh-huỳnh,
 Vành sương nghi ngút đèn xanh lơ mờ.*

Tả cái cảnh tiêu-sắt tịch-mịch trong lúc đêm thu thì đến bốn câu này là tuyệt-bút, nghe nó phảng-phất như những câu cực-tả trong Đường-thi.

Đại-đề câu nào ở trong *Cung-oán* cũng tuyệt-bút, cũng cực-tả, câu nào cũng hay cũng khéo, cũng réo-rắc não-nùng, cũng bi - thương oán-hận, câu nào cũng tiết-tha khắc-khổ như câu nào vậy. Văn-chương *Cung-oán* gồm được cả ba lối : tả-cảnh, tả-tình, triết-lý, mà lối nào cũng hoàn-toàn, cũng tận-mĩ cả. Cứ xem như khúc *Cung-oán* này thì đủ biết rằng văn nôm ta sung-túc biết bao ! Nếu ta biết khéo vun - trồng tập - luyện quốc - văn thì ắt có một ngày kia — cái ngày ấy chắc cũng không xa và ta cũng đừng nên mong rằng nó xa — chữ quốc-ngữ không những là chỉ đề dùng học phổ-thông mà thôi đâu, lại còn có thể

dùng để học chuyên-môn được như những khoa-học và triết-học ở bên Thái-Tây bây giờ. Vậy kẻ thư-sinh dám xin khuyên các bậc học-giả trí-thức trong nước (kẻ Nam hay người Bắc) nên bảo-tồn lấy quốc-tử, hằng ngày lưu-tâm chú-ý đến văn-nôm, bồi-dưỡng chăm nom lấy nó, dùng để nó đến nỗi phải dần dần hao-mòn tiêu-diệt đi và bị một thứ tiếng khác mạnh thế vào; vì tiếng nói mà đã mất thì tất-nhiên nói-giống cũng không còn. Thế thì những người đã có lòng nhiệt-thành ái-quốc lại chẳng nên lấy quốc-văn làm quan-trọng lắm ư? Muốn cho chủng-lộc được sinh-tồn, quốc-dân được cường-phủ thì ta phải học tập, nhưng muốn cho sự học được chóng mở-mang tiến-

hóa thì ta cần phải có một nền quốc-văn rất phát-dạt, rất vững-bền mới được. Cái tiền-đồ của sự học nước ta sau này sẽ được rực-rỡ sáng-sủa hay không, đó là một điều mà khắp quốc-dân đều trông mong cả vào cái kết-quả của văn quốc-ngữ. Nếu quốc-văn mà tiến thì cái trình-độ dân-trí sẽ được cao lên một bậc, nếu quốc-văn mà thoái thì cái trình-độ dân-trí sẽ phải thấp xuống mấy tầng. Thuyết-giả dám xin cùng với các ngài đem lòng chí-thành mà thấp hương đốt lửa cầu-khẩn cho quốc-văn chóng được hưng-thịnh kết-quả, để cùng với dải giang-sơn của tổ-quốc này sinh-tồn trường-cửu mãi mãi.

Học-sinh NGUYỄN VĂN-LUẬN

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN ANH CHÀNG ĐI KHÁPH THIÊN-HẠ ĐỀ HỌC... RUN

(Truyện-kỳ tiểu-thuyết)

Một ông kia có hai con trai. Anh con cả thời tài-giỏi khôn-ngoa, làm việc gì cũng được. Nhưng anh thứ hai thời ngu-dộn, chẳng hiểu tí gì, chẳng học được gì. Ai trông thấy anh ta cũng phải nói: « Anh này chỉ làm cái nợ cho cha. » Trong nhà có việc gì làm, chỉ một mình anh cả làm hết. Nhưng gặp khi buổi chiều hay buổi tối, ông cha sai đi đâu, phải đi qua bãi tha-ma hay nơi vắng vẻ nào, anh ấy tất nói: « Con xin cha đừng bắt con đi bây giờ, con sợ lắm », vì anh ấy vốn tính dốt thật.

Hoặc có khi đương đêm, ngồi quanh lò sưởi, kể những truyện yêu-tình ma-quỉ, người ngồi nghe thỉnh-thoảng lại nói: « Nghe mà rùng cả mình ». Anh thứ hai cũng ngồi một số nghe, không hiểu nói thế là nghĩa thế nào, nghĩ trong bụng rằng: « Họ nói luôn: Tôi

rùng cả mình ! Tôi run cả người ! Mà mình chẳng thấy rùng mình, run người bao giờ cả. Cái này chắc là một nghề riêng của họ mình không hiểu. »

Một ngày, ông cha bảo anh ta rằng:

— Này, ta bảo: Bây giờ mày đã khôn lớn rồi, cũng phải học lấy nghề gì dễ mà kiếm ăn. Trông thằng anh mày nó làm ăn khó nhọc thế nào, mày chẳng được công-chuyện gì cả.

Anh ta nói:

— Thưa cha, con cũng muốn học cho biết một nghề gì. Cha có bằng lòng, để con đi học run; con thật không biết run là thế nào.

Người anh cả nghe em nói câu ấy, bật buồn cười, nghĩ bụng rằng:

— Trời ơi ! Thằng em mình nó ngu-ngốc quá thật, chắc không bao giờ làm nên nghề-ngỗng gì.

Ông cha cũng thở dài mà nói rằng:

—Mày muốn học run, rồi mày cũng biết run. Nhưng không phải biết run mà kiếm được miếng ăn.

Một hôm, thầy-cả ở nhà thờ đến chơi nhà. Ông cha nói chuyện nổi phiền về người con thứ hai nó chẳng làm được việc gì, nó chẳng biết một tí gì, nó chẳng học được tí gì. Ông nói rằng:

— Ông thử nghĩ nó nói với tôi thế này có buồn ruột không: Tôi hỏi nó định làm nghề gì để kiếm ăn, nó nói nó muốn đi học run!

Thầy-cả nói:

— Học gì chứ học thế, để tôi dạy cho. Ông cứ cho nó lại tôi, tôi sẽ sửa nết được ngay.

Ông cha cũng bằng lòng ngay, vì muốn có người sửa cho nó bớt dại.

Vậy thầy-cả đem anh chàng về nhà. sai một việc đánh chuông. Đến được mấy hôm, đương nửa đêm, thầy đánh thức dậy, sai phải lên gác chuông đánh chuông. Thầy nghĩ bụng: «Mày muốn học run, ông cho mày run.» Thầy lên lên gác chuông trước; đến khi anh chàng lên tới nơi, sắp nắm lấy thừng kéo chuông, thì trông thấy một cái hình trắng-trắng ở bên thang, gần nơi ỏ chuông. Anh ta liền quát hỏi:

—Mày làm gì đây?

Nhưng con ma giả không đáp mà cũng không động.

Anh ta nói:

—Mày có trả lời không? Mày có trả lời không? Không thì mày cắt thừng, mày không có việc gì ở đây.

Nhưng thầy-cả vẫn cứ đứng im để cho anh chàng ngỡ là ma thật.

Anh ta lại hét lên:

—Mày đến đây làm gì? Mày là người lương-thiện thì mày phải nói, không tào đả xuống chân thang bây giờ.

Thầy-cả nghĩ bụng: «Nó dọa thế, nó chả dám làm đâu», thầy cứ đứng yên như cái tượng. Anh chàng lại hét hỏi một lần thứ ba nữa, cũng không thấy trả lời gì. Bấy giờ mới nóng tiết lên, ra sức đẩy cho một cái ngã xuống dưới gác. Ma giả ta lăn xuống mấy bậc, may có chỗ rẽ mới ngã sòng-sượt ra. Anh chàng đánh chuông xong, xuống đi ngủ, không nói không rằng, ngủ yên như không. Vợ thầy-cả đợi mãi chông không thấy về, có ý sợ, chạy lại hỏi anh chàng:

—Anh có biết nhà tôi ở đâu không? Nhà tôi treo lên gác chuông trước anh mà.

Anh chàng nói:

—Không, tôi không biết. Nhưng tôi có trông thấy một người đứng ở cạnh ỏ chuông, tôi hỏi không nói không rằng, tôi đuổi không đi không chạy, tức mình tôi đẩy xuống dưới thang. Bà thử lên xem có phải ông không; nếu phải thật thì tôi quá tay có lỗi.

Bà mẹ vội-vàng chạy lên, thấy chồng nằm ở góc thang, gãy mất một cẳng. Bà đem vào giường, rồi học-tốc chạy lại nhà ông bố anh chàng, kêu-la rầm-rĩ;

—Con ông làm hại tôi. Con ông đẩy ngã chồng tôi xuống dưới thang gãy mất một chân. Đồ vô-loại, ông đem nó về ngay!

Ông cha kinh-hoảng chạy lại, đánh cho con một chập, rồi bảo rằng:

—Mày làm cái trò ấy là nghĩa làm sao? Thằng này, để quỷ nó ám mày chắc!

Anh chàng nói:

—Thưa cha, cha nghe con, có phải tội con đâu: Ông ấy đứng trong số tôi, như là một kẻ gian. Con có biết là ai đâu. Đã ba lần con báo đi, không chịu đi.

Ông cha nói:

— Thôi, mày chỉ làm khổ tao thôi. Mày sáo ngay, tao không muốn nhìn mặt mày nữa.

Anh chàng nói :

— Cha dạy con xin vâng, nhưng cha để cho đến sáng mai, con sẽ đi học run. Con học được nghề ấy, có lẽ đủ nuôi thân.

Ông cha nói :

— Mày muốn học gì thời học, tao không cần. Đây, cho mày năm-mươi đồng bạc, mày đi Đông đi Tây mặc mày, nhưng đừng có nói cho ai biết quê-quán mày ở đâu, tên cha mày là gì, vì tao để ra mày tao xấu-hổ lắm.

— Cha dạy thế, con xin vâng; nếu cha chỉ bắt có thế, thời con cũng để theo.

Anh ta cầm lấy năm-mươi đồng-bạc, rồi đến tang-tăng sáng đi ra ngoài đường cái, vừa đi vừa lầm-bầm : « mình học run được thời sướng biết bao nhiêu ! »

Đi đường gặp một người nghe thấy anh ta nói thế. Hai người cùng đi, đến gần cái đu thất cổ người có tội, người kia nói :

— Anh trông cái đu này, có bảy thăng vó-lại vừa mới lấy con lão hàng thùng (1). Anh thử ngủ dấy một đêm, rồi biết run là thế nào.

Anh chàng nói :

— Nếu học run dễ như thế, thì được. Hễ tôi học được, tôi cho anh năm-mươi đồng. Sáng mai anh lại đây.

Anh ta bèn ngồi xuống chân cái đu, đợi cho đến tối. Thấy lạnh, bèn đốt lửa. Nhưng đến nửa đêm thời gió lạnh càng buốt, đốt lửa cũng không đủ ấm. Gió thổi, mấy cái xác người chết treo đập cái nọ vào cái kia, dao-động luôn. Anh ta nghĩ bụng rằng : « Mình ngồi cạnh lửa còn lạnh buốt thế này, mấy

chàng đứng lũng-lơ trên kia, dễ rét công cả người ! »

Anh ta vốn có bụng tốt, hay biết thương người. Bèn bắc thang vào cái đu, trèo lên tháo từng người ra, đem cả bảy cái xác xuống. Rồi đốt thêm củi, đặt bảy người chung quanh đồng lửa để cho mà sưởi. Nhưng mà bảy người cứ nằm yên, lửa cháy cả quần áo. Anh ta hét to lên :

— Phải cẩn-thận chớ ! Không thời tôi lại mắc cả lên trên kia bảy giờ.

Nhưng mà lũ chết treo không nghe, cứ nín lặng, để cho cháy cả quần áo. Anh ta đỏ mặt tía tai, bảo rằng :

— Tôi bảo sưởi cho cẩn-thận, không cẩn-thận, mặc kệ các anh. Tôi đây không muốn cháy lây với các anh rồi.

Nói thế rồi, lại vác từng người treo lên đu. Đoạn, nằm ruỗi thẳng ra bên cạnh đồng lửa, ngủ cho đến sáng.

Sáng sớm, người khách trở lại, đòi năm chục bạc, nói rằng :

— Chắc bây giờ anh đã biết run là thế nào rồi.

Anh chàng nói :

— Không, tôi chẳng biết run là thế nào cả. Mà ai dạy cho mà biết ? Mấy bác lơ-lửng trên kia, hỏi không thêm mở miệng, xuống đến nỗi nằm sưởi cháy cả quần áo.

Người khách biết rằng không thể lấy được năm chục bạc, đảo cẳng bước, mà nói :

— Trần đời không thấy thăng nào ngốc như thăng này

Anh chàng cũng đi, vừa đi lại vừa lầm-bầm :

— Ừ, làm thế nào mà học cho biết run ? Giá học được run thời mình sướng biết thế nào !

Một anh đánh xe vừa đi qua, nghe thấy thế, bèn hỏi :

(1) Ngựa là vừa mới bị thương thất cổ chết.

— Tên anh là gì ?

— Tôi không biết.

— Cha anh làm nghề gì ?

— Tôi cũng chẳng hay.

— Anh lăm-bằm giluồn trong miệng thế ?

— Tôi muốn học run, mà chẳng ai dạy được tôi cả.

— Anh này nói nhảm. Thôi, đi về với tôi, tôi cho ngủ trọ.

Anh chàng theo người đánh xe, đến một cái quán, định ngủ đêm. Bước vào trong quán, lại cứ lăm-bằm như thế, rồi nói to lên rằng :

— Ủ, làm thế nào mà học cho biết run ? Giả học được run thì mình sướng biết thế nào !

Người chủ quán nghe thấy thế bật cười, nói :

— Anh có muốn run, anh sẽ có dịp mà run ngay đây.

Người vợ vội gạt phắt đi, nói :

— Thôi đi ! Biết mấy đứa táo gan đã chết vào đây rồi. Xem chàng này có con mắt cũng xinh-xắn, mắt này mà không được trông thấy ánh mặt trời nữa thì hoài của quá !

Anh ta vội nói :

— Tôi đi Đông đi Tây, có một nghề học mãi không được. Nếu nay có cách học được, dù khó-khăn nguy-hiểm thế nào, tôi cũng không ngại.

Anh ta cứ thúc mãi người chủ quán, sau người ấy phải kể cho anh ta nghe rằng gần đây có một cái lầu-thành có ma ám, ngủ ở đây ba đêm thì đủ biết run là thế nào. Ông vua bản-xứ có hứa rằng người nào ở đây luôn được ba đêm mà không việc gì, thì vua sẽ gả công-chúa là con gái cho, mà công-chúa này thì là một người đẹp nhất trần-đời, dưới bóng mặt trời không có người con gái nào đẹp hơn. Trong thành lại có thần thiêng giữ cửa, của ấy ai đoạt được thì người ấy

được. Đã nhiều người liều mạo-hiểm mà không ai được sống về.

Sáng hôm sau, anh chàng đến ra mắt vua, tình-nguyện xin ở ba đêm trong lầu ma ám. Vua nhìn anh ta giờ lâu, coi người cũng khá, bèn phán rằng :

— Mi được phép đem theo ba vật, nhưng không được đem một giống gì là sinh-vật.

— Xin cho tôi củi để đốt lửa, một cái bàn thợ tiện, một cái ghế để rửa, với một cái búa.

Ngay hôm ấy vua cho đem theo cả bấy nhiêu thứ vào trong lầu.

Đến chập tối, anh chàng vào, đốt lửa ở trong phòng, cạnh cái ghế để rửa, rồi ngồi chễm-chệ lên cái bàn thợ tiện.

Anh lăm-bằm một mình : « Không biết có học được run hay không. Nhưng có lẽ ở đây cũng không học được đâu. »

Đến nửa đêm thì đốt lửa to lên, đương thời cho lửa cháy, bỗng nghe thấy tiếng kêu ở trong số : « Meo ! meo ! lạnh lắm, lạnh lắm ! »

Anh ta nói :

— Rồi các bác đại quá, kêu làm chi như vậy ; có lạnh thôi lại gần đây mà sưởi.

Anh ta vừa nói dứt câu thì thấy hai con mèo to-tướng nhảy đánh vụt một cái ra ngồi bên cạnh mình, mắt sáng quắc, nhìn dữ tợn. Được một lúc sưởi ấm-áp rồi, bảo anh ta rằng :

— Đánh bài không, anh chàng ?

Anh ta nói :

— Đánh thì đánh, nhưng cho xem chân đã.

Hai anh mèo giờ móng ra.

Anh chàng nói :

— Trời ơi ! móng gì mà dài thế này, đợi đấy tao rửa bớt cho.

Nói đoạn, tùm ngay giữa cõ đặt vào cái ghê giữa, rồi nhét chân vào kim, nhìn một lúc rồi nói :

— Trông chân tay mà ghê, không muốn đánh bài với các bác nữa !

Nói rồi, giết phắt ném qua cửa sổ xuống dưới hào. Lúc sắp về chỗ ngồi để sưởi thì thấy bốn bề những mèo đen chó nâu chạy òa ra, chó lại đeo vòng cổ bằng sắt nung đỏ. Chạy ra nhiều quá, anh ta không biết tránh vào chỗ nào. Bấy nhiêu con cùng kêu rầm cả lên, nhẩy vào đồng lửa, vây vùng cả củi lửa lên cho tắt đi. Anh ta cứ để cho nó nhẩy một lúc. Nhưng trông thấy chúng nó hăng cuồng quá, sau rút con dao ra, đuổi thét : « Lũ chó cuồng này, có chạy ngay không ? » Mấy con chạy thoát, còn những con khác thì bị anh ta chém chết, ném xác ra cửa sổ. Xong lại về cạnh lửa, thổi đồng tro tàn cho nó cháy lên rồi sưởi. Được một lúc thấy mi mắt nặng buồn ngủ, nhìn chung quanh mình, thấy trong góc buồng có cái giường lớn, nói : « Được, tốt lắm », rồi vào giường ngủ.

Vừa nhắm mắt thì cái giường chuyển động, chạy tứ-tung.

Anh ta nói :

— Tốt lắm, cứ việc chạy đi.

Cái giường bấy giờ chạy tể lên như cái xe buộc sáu ngựa, nhẩy tót buồng nọ sang buồng kia, qua thang này sang thang khác. Vụt ngã lảo' chiêng ra, vật sắp anh chàng xuống. Anh ta đứng giậy, ném cả chân cả gối, nói : « Ai nằm thì nằm, ông không nằm nữa ». Rồi ra ngồi cạnh đồng lửa, ngủ cho đến sáng.

Sớm ngày vua đến thăm, thấy nằm soài dưới đất, tưởng ma vật chết rồi, than rằng :

— Tội-nghiệp ! con người thế này

mà chết !

Anh chàng nghe thấy ngồi dựng dậy, nói :

— Có đâu đến thế !

Ông vua lấy làm lạ, mừng hầy còn sống, hỏi chuyện đêm qua thế nào.

Anh ta nói :

— Đêm qua tốt lắm ; thế là được một đêm rồi, chắc hai đêm nữa cũng thế mà thôi.

Khi về quán, người chủ quán giương mắt lên, lạ-lùng quá, nói :

— Ta tưởng không trông thấy anh về nữa ; thế anh đã biết run chưa ?

Anh ta nói :

— Khốn nạn, chưa ! Nào ai dạy được cho tôi biết bây giờ thì tôi sướng quá !

Chiều, anh ta lại vào thành ngủ đêm thứ hai. Đốt lửa để sưởi, rồi lại cứ lăm-băm trong miệng : Ước-ao gì cho biết run bây giờ ! Đến nửa đêm thấy tiếng động, trước còn nhỏ, sau to dần lên. Im đi một lúc, rồi thấy những tiếng kêu dữ-dội, và một cái nửa mình người tự trên lò sưởi rơi xuống trước mặt anh ta. Anh ta nói :

— Chà, chà ! mới có một nửa, còn phải nửa nữa !

Bấy giờ lại thấy tiếng ầm-ầm, rồi một nửa nữa rơi xuống, găm thét vang lừng. Anh ta nói :

— Đợi đấy một tí, ta đốt lửa cho mà sưởi.

Đốt xong ngoảnh lại thì thấy hai phần người liền là một, thành một giống người kỳ-quặc, ngồi giữa chỗ anh ta. Anh ta nói :

— Tôi xin bác đừng dậy đi, chỗ này là chỗ tôi.

Người kia cứ ngồi, anh ta dầy hát một cái, rồi ngồi vào chỗ.

Rồi đến mấy người nữa, cứ lần lượt nhau rơi xuống, đem chín cái ống chân, hai cái đầu lâu, xếp lại thành cỗ, rồi ngồi đánh. Anh ta đứng xem, cũng muốn vào đánh một ván, hỏi có đánh được không. Bọn quí nói :

— May có tiền thời cho đánh.

Anh ta nói :

— Có, nhưng mà con-lăn của các anh không được tròn.

Liền cầm lấy mấy cái đầu lâu, đặt vào máy tiện, tiện cho tròn.

Làm xong, vui-vẻ mà nói :

— Thế này nó lăn mới tốt.

Rồi cũng ngồi đánh lăn với bọn kia, thua mất một ít tiền. Khi đồng hồ đánh mười-hai giờ đêm thời cả bọn biến đi mất. Anh ta bèn nằm lăn ra đất, ngủ một giấc đến sáng.

Sớm mai, vua lại đến hỏi đêm thế nào. Anh ta nói :

— Đêm tôi có đánh quả lăn, thua mất mấy đồng bạc.

Vua hỏi :

— Thế có thấy run không ?

— Không, tôi chơi thích lắm. Nhưng nào đã học biết run là gì đâu !

Đến đêm thứ ba, lại vào ngồi ghế, cứ lăm-băm ra dáng tức mình lắm : « Làm thế nào cho học run được bây giờ ? »

Gần nửa đêm thấy hiện ra sáu người lực-lượng, kiêu cái quan-tài. Anh ta trông thấy nói :

— Kia, dễ thắng em họ ta nó mới chết mấy hôm nay.

Mấy người để cái quan-tài xuống đất, mở nắp lên, thấy trong có xác một người. Anh ta đến sờ mặt thấy lạnh như nước đá, nói : « Đợi đấy, ta soa cho, ăm » Bèn chạy lại đóng lửa, hơ tay cho nóng, rồi đem dề tay vào mặt người chết. Nhưng người chết vẫn lạnh như giá. Anh ta bèn lúi ra ngoài quan-tài, kéo lại gần lửa, bóp chân tay dề cho lưu-thông máu. Nhưng thấy làm mãi cũng chẳng ăm thua gì, chợt nghĩ có lẽ hai người nằm chung một giường thời ăm chẳng. Bèn đặt cái xác chết vào trong giường, đắp kín, rồi nằm bên cạnh ; một chốc, thấy

người chết đã có hơi nóng, rồi động-dậy. Anh ta nói :

— Thắng em, tao không ăm nóng cho thời mày đến chết.

Người chết nói :

— Ông bóp cổ mày chết bây giờ.

Anh ta nói :

—Ồ hay ! mày già ơ tao thế à ? Tao nhét mày vào trong xăng bây giờ!

Liền nắm lấy cái xác, bỏ vào trong xăng, rồi dẩy nắp đóng lại. Bấy giờ lại thấy sáu người lực-lượng hiện đến mang xăng đi. Anh ta nói :

— Minh không thể nào học run được. Chắc ở đây cũng không bao giờ học được đâu.

Giữa lúc bấy giờ thời có một người to-lớn lạ-lùng, mặt mũi dữ-tợn hiện ra, nhưng xem người đã già và có râu bạc dài, nghe thấy chàng nói thế, ông bảo :

— Mày là thằng dại, mày muốn run ông cho mày run. Ông định đánh chết mày đây.

Anh ta nói :

— Chết đâu lại chết mau thế. Phải hỏi tôi có thuận chết mới làm chết được chứ !

— Mày thuận hay không thuận ông cũng làm mày chết.

— Xin ông, xin ông, ông đừng cậy sức, ông khỏe thật, nhưng tôi đây cũng khỏe, có lẽ hơn ông.

— Ai hơn ai thời biết. Nếu thật mày khỏe hơn tao thời tao dề cho mày sống. Thi nhau nào :

Ông lão dắt chàng đi hết ngõ này đến ngách khác, tối như hũ nút, rồi đến một nơi có cái lò bễ, ông cầm cái riêu đập xuống cái đe, làm cho cái đe ngập sâu xuống đất. Trông thấy thế anh chàng nói :

— Tôi còn làm được hơn ông kia. Chàng bèn chạy lại một cái đe khác. Ông già đứng tựa hẳn vào bèn cạnh dề xem đánh mạnh thế nào.

Anh chàng nhân tiện quàng ngay bộ râu ông già vào cái đe, rồi giăng một cái thật lực, nói :

— Ta nắm được mi rồi, mi chết bây giờ.

Anh ta liền lấy một cái dòn sắt, nện lấy nện dề vào ông già, ông kêu van rầm-rĩ, xin tha cho thời sẽ lặng nhiều của-cải. Anh chàng bấy giờ mới rút cái riu ở trên cái đe ra, và tha cho ông lão. Ông dắt anh ta đến một cái hầm, rồi chỉ cho ba hộp đựng đầy những vàng, nói rằng :

— Một hộp cho kẻ khó, một hộp cho vua, một hộp cho anh.

Chuông đánh nửa đêm, ông già biến mất. Anh chàng thấy quanh mình tối-tăm mù-mịt, nghĩ bụng : « Làm thế nào tìm thấy đường ? », mò-mẫm mãi mới đến cái buồng đốt lửa, vào nằm cạnh đồng lửa, ngủ đến sáng.

Sớm mai, vua đến, hỏi :

— Chắc mi đã học biết run rồi chứ ?

— Không. Đêm hôm qua tôi thấy thằng em họ tôi chết, với một lão già râu bạc, lão chỉ cho tôi vô-số vàng ; nhưng tôi vẫn chưa biết run là gì.

Vua nói :

— Thế là mi phá được cái ma nó ám trong thành. Ta sẽ gả con gái ta cho mi.

Anh chàng nói :

— Thế thì tốt lắm, nhưng tôi vẫn chưa biết run là gì !

Hôm sau vua sai người vào trong hầm lấy vàng ra, rồi làm lễ cưới cho chàng lấy công-chúa, và tôn lên bậc thiếu-vương. Nhưng ông thiếu-vương tuy cũng yêu-mến vợ, mà vẫn cứ lăm-bầm nói : « Không biết run thế nào ! không biết run thế nào ! »

Nghe mãi một câu ấy, công-chúa lấy làm giận lắm. Bà nữ-phó bảo công-chúa rằng :

— Được, cứ để tôi. Rồi tôi làm được thiếu-vương run cho mà xem.

Bà sai đem một thùng nước, trong đựng đầy những miếng sắt vụn, rồi đem đến lục thiếu-vương đương ngủ, bảo công-chúa cởi áo ra, bà đổ thùng nước vào mình thiếu-vương. Những sắt vụn loảng-xoảng trên mình, thiếu-vương hốt-hoảng thức dậy, nói :

— Trời ôi, tôi rùng cả mình, tôi run cả người ! Công-chúa ơi, bây giờ tôi mới biết run là thế nào...

HỒNG-NHÂN dịch

truyện cổ-tích nước Đức

PHU-NHÂN LÀ NGƯỜI TIẾT-KIỆM

(Đoản-thiên kịch-bản)

Kịch có hai vai :

Ông KHA-LẶC, 32 tuổi

Bà KHA-LẶC, 24 tuổi

Gia đình Ông Bà Kha-lặc là một nhà rất đài-các phong-lưu. Cơm sáng xong, Ông Bà ngồi trong phòng riêng. Trên bàn trên kỷ, vô-số những bình cùng lọ nho-nhỏ xinh-xinh, bà vừa sửa cắm những bông hoa vào các bình các lọ, vừa nói chuyện với ông ngồi dựa nghiêng cái ghế đoản-kỷ, hút thuốc lá thờ conghê, đáng bộ ung-dung nhân-nhã.

ÔNG. — Tối hôm nay chúng ta định làm gì ? Có phải đi đâu không ? Nghe không phải ăn khách đâu thì phải...

Có lẽ tối hôm nay chúng mình không có việc gì đấy, nhỉ ?

Bà. — Không.

ÔNG. — Lạ quá ! Này, hay là mình có bằng lòng, chiều hôm nay chúng ta đi ăn cơm ở Lạc-viên-khách-sạn, rồi tiện đấy mua vé vào xem cái nhà hát nhỏ nào gần đây, cho nó khác thường một tí.

BÀ. — Tôi đã bảo nó làm cơm nhà chiều hôm nay rồi... Đi làm gì ? Mấy khi ở nhà, nên ăn cơm nhà hơn. Ta cũng nên tập tiết - kiệm một chút. Tối ở nhà nói chuyện với tôi, buồn lắm sao ?

ÔNG. — Minh nói phải lắm... Ý tôi cũng vậy. Ta ở nhà nói chuyện lại vui đấy. (Ông nhìn ra ngoài cửa sổ) Trời tệ quá ! Tôi chỉ ước sao cho tháng bảy này không đến nỗi khó chịu quá. (Ông lại ngồi xuống ghế, ngáp). À, mà mùa hạ này chúng mình định đi chơi mát đâu ?

BÀ. — Minh định đi đâu thì đi.

ÔNG. — Vợ-chồng Bồng-dề có mời chúng mình đi du-thuyền của họ lên chơi Bắc-Băng-dương ; mùa hè mà đi vùng ấy, sướng lạ.

BÀ. — Họ mời thì mời, mình nhận sao được. Họ giàu hơn nhà mình đến hai-mươi lần, mình có của đâu mà đi chơi hoang thế được.

ÔNG. — Đi là đi đông người, mỗi người chịu một phần thôi chớ. Nghĩa là cả bọn chung nhau mà đi. Mình thử nghĩ, nếu không thế thì tôi đã không nhận... .

BÀ. — Phải, nhưng mà cách đi du-lich của họ xa-phí lắm, không thể theo

họ được, Chúng mình không có cách địch với họ được.

ÔNG. — Tùy-ý mình đấy. Hay là chúng mình đi chơi Ái-cô-ti, ngoạn phong-cảnh hồ.

BÀ. — Đi thế cũng phí quá.

ÔNG. — Mình không biết : dân Ái-cô-ti là dân ở núi, có tiếng trọng đãi khách từ-phương lắm. Bây giờ chúng mình có đi chơi thời chỉ mất tiền xe lửa, còn đến nơi họ sẽ cho ăn, cho ở, không mất tiền... thú lắm !

BÀ. — Chỉ nói đùa mãi. Thôi, đừng mưu-tính những cuộc viễn-du hại tiền như thế nữa.

ÔNG. — Thế thì đi đâu ? Hay đi ra bờ biển vậy, nhé ?

BÀ. — Tôi chỉ bảo đi về quê chơi với thầy mẹ là hơn cả.

ÔNG. — Về quê buồn quá !

BÀ. — Về quê dễ mà nghỉ-ngơi... Lại khỏi xa-phí, có thể tiết-kiệm được.

ÔNG. — Trời ơi ! Lúc nào mình cũng chỉ nói tiết-kiệm hoài. Cứ nghe mình nói, tưởng trong nhà đã hết cả tiền rồi.

BÀ. — Minh cứ ăn-tiêu như thế thì cũng đến có ngày. Phải cần-thận mới được.

ÔNG. — Ừ, thì cần-thận. Nhưng mà đi đâu chớ đi về quê thì tôi van. Thà ở ngay Paris này, nằm hằm trong nhà, đóng cửa chợp lại, rồi bảo anh em rằng mình đi chơi Ngũ-hồ vắng. Anh

Phổ-sáo năm ngoái cũng đi chơi Ngũ-hồ, tôi còn thư của anh ta đây, cứ đem chép lấy những đoạn tả cảnh hồ, rồi viết thư cho các anh em bà con, thế là người ta tưởng mình đi chơi thật.

BÀ. — Những thư ấy thời đem bỏ hộp giấy-thếp đầu phổ đây, có phải không?

ÔNG. — Ừ, nhỉ!

BÀ. — Đi biển thì đi, nhưng nên kiếm lấy nơi nào vắng-vẻ như ở Vu-cốc, không có cao-lâu, không có khách-sạn, không có nhiều người lịch-sự lắm, mình không phải làm bộ làm tịch mất tiền. Năm nay vợ chồng Lê-duy không đi, bảo họ cho mình thuê lại cái biệt-thự của họ, không mất mấy tiền.

ÔNG. — Minh nói như người lẩn... Cái biệt-thự của vợ chồng Lê-duy, tôi còn lạ gì, có khác cái chuồng chó! Với lại chúng mình bây giờ đi Vu-cốc, thiên-hạ họ bảo thế nào? Không khỏi họ bảo mình là hết của rồi.

BÀ. — Chưa hết của, nhưng mà một độ này thiệt-hại mất bao nhiêu tiền... Hai-mươi vạn quan ở nhà băng La-thoa, không kể những cổ-phần ở công-ty phần: cổ-phần ấy bây giờ xuống có 2 quan 75.

ÔNG. — Vẫn biết thế.

BÀ. — Minh thì mình chả chăm-chút gì cả... Chỉ biết tiêu thôi, tiêu đây, tiêu hoài. Hôm qua thầy vừa nói rõ cả mọi việc cho tôi nghe... Thầy nói rằng cũng

may mà giữ được cả cái món tiền hồi-môn của tôi, nhưng thầy bảo chúng mình cứ ăn-tiêu như cách thế này thời mình phải kiếm việc gì làm cho thêm ra.

ÔNG (làm ra bộ quần-quai) — Trời ơi! Tôi cũng lạy ông nhạc thôi, ông bắt tôi đi làm bây giờ, thì khổ quá!

BÀ. — Tôi tưởng người ta làm công làm việc chẳng có gì mà xấu-hổ. Thầy tôi ngày xưa cũng làm, làm trần-lực, làm hết sức. Hồi mới ra Paris, còn đi guốc bện rơm, nay nhờ Trời mới có miếng ăn miếng để.

ÔNG. — Thế nghĩa là ông nhạc bao giờ cũng có thừa đồ ăn. Ông là người biết phòng xa thật.

BÀ. — Chỉ nói đùa mãi... Hăng bải chước mà làm được như thầy.

ÔNG. — Xin vâng: thế đề chiều hôm nay tôi ăn một miếng, tôi để lại một miếng, cho được giống thầy có miếng ăn miếng để, nhé? (Bà hếch vai lên, ra dáng không bằng lòng. Ông bèn nói): Tôi không ngờ chúng mình đã phải đến thế. Nay mình bảo tôi nên kiếm việc làm cho đỡ thêm vào, thời tôi cũng xin vâng. Nhưng mà làm gì? Làm việc gì? ? ? Làm cái gì bây giờ? ? ?

BÀ. — Tôi biết đâu đây, mình quen thuộc nhiều.... Hoặc làm sở Nhà nước, hoặc làm về công-nghệ, tùy đấy.

ÔNG. — Khốn lắm, sở nào cũng nhiều người lẩn rồi. Hiện tôi biết có học-trà tràng kỹ-sư bây giờ phải làm «sà-ích».

dánh ngựa... Minh bảo tôi đi làm ở sở nào bây giờ, khó lắm !

Bà. — Kiểm cái nghề gì tự-do mà làm. Hay là viết...

Ông. — Minh bảo viết cho ai ?

Bà. — Viết, nghĩa là làm văn, làm sách, soạn kịch..., tôi xem mình cũng có cái tài tự-nhiên đấy.

Ông. — Phải, nhưng mà tài tự-nhiên, cũng tức như con tự-nhiên, nghĩa là con ngoại-tình, thiên-hạ không ai công-nhận cho rồi. Vả lại, ngần này tuổi mới bắt đầu viết văn, cũng quá mất rồi. Không, tôi tưởng tôi chẳng làm được nghề-ngỗng gì cả, tôi là thằng người vô-dụng, thế là xong cả !

Bà. — Thôi đi ! cứ nằm ruỗi dài trên ghế thời còn biết việc gì mà làm nữa. Phải vận-dộng lên chứ !

Ông (*múa chân múa tay*) — Đây vận-dộng, này vận-dộng !

Bà. — Cứ đùa thế mãi, thì tôi đi ra đây. Bao giờ nói thật, sẽ hay. Cách mình nói-năng ăn-ở, thật không đáng một người có bụng tí nào cả. Ừ, tôi nói rõ tình-trạng trong nhà cho mà nghe, thấy sự nguy-hiểm tôi bảo cho mà biết, lại cứ nói đùa hoài, tựa-hồ như cho tôi là đùa xuẩn. Thật mình không có bụng, thật. Vì bây giờ chúng mình sinh đứa con thời nghĩ làm sao ?

Ông. — Đã có con đâu.

Bà. — Chưa có, nhưng rồi cũng có.

Ông. — Chúng mình lấy nhau đã năm năm nay, nếu có con thời có rồi. Thử nghĩ, trong năm năm trời, biết bao nhiêu lượt.... suýt có con !

Bà (*cười*) — Lại nói đùa !

Ông. — Thi thôi. Nhưng mà nghe mình chỉ nói những chuyện tiền-nong, chuyện làm-ăn, rõ lối-thối quá ! Được, có phải làm thì tôi xin làm, tôi xin vui lòng mà làm. Chúng mình ăn tiêu khi quá thật, nay tiết-kiệm cũng phải. Vả đã có mình trông nom, tay hòm chìa khóa ở mình kia mà. Tôi còn phải lo gì nữa !

Có tiếng chuông ngoài cửa

CON NỤ *chạy vào*. — Thưa Bà, có người nhà thợ may đem áo sô-mi của Bà.

Bà. — Bảo người ta vào đây.

Người nhà thợ may mở bọc áo, bà nhận áo rồi người kia ra.

Ông. — Bọn sô-mi này có đẹp không ? Sô-mi cũ hết rồi, à ?

Bà. — Còn... nhưng mà tôi thấy chị Đồ-vinh mặc thứ này đẹp, tôi cũng muốn mua.

Ông. — Có đắt không ?

Bà. — Trăm hai-mươi quan.

Ông. — Cả sáu cái, à ? Thế thì không đắt lắm.

Bà. — Không ! Trăm hai-mươi quan một cái... Minh không biết, cái này là

thật nhiều Hoa-lăng-tiên. Kề cũng khi xa-xỉ quá thật!...

ÔNG. — Tôi có nói gì đâu.

BÀ. — Nghĩa là cũng muốn xa-phi một tí cho bằng chị em. . . .

ÔNG. — Vẫn thế.

BÀ, làm ra dáng mỹ-miệu để đẹp lòng ông. — Vả lại bây giờ mình cũng sắp đi làm việc kia mà!...

HỒNG-NHÂN

dịch theo trong kịch-bộ
của ông M. DONNAY.

HÀ I - VẤN

Chừa nói chữ nhỏ

Một bác đồ Tam kia, quen thói rung đùi nhai chữ xưa nay, cầm tờ giấy quốc-ngữ đọc khi chậm mà cũng khi hủ. Cậu hai Bê đầu chạy đến, nghe ngứa tai, giật lấy đọc, rõ thật ròn như bông nổ, thoảng như nước chảy, vụt như chim bay, thoảng cái hết. Tại-tọa có người nói :

— Xin cậu giảng nghĩa cho.

Cậu ta ngồi ngẩn mặt, rồi nói chừa thẹn rằng :

— Các nhà làm văn quốc-ngữ bây giờ hay dùng nhiều chữ nhỏ quá. Người Nam ta cứ tiếng nôm mà nói, tôi thề từ rầy chừa nói chữ nhỏ !

Cậu ta từ đấy đối với thói cũ thời kiêng những chữ *cương-thường*, *lễ-nghĩa*, *đạo-đức*, *liêm-sĩ*, v. v. ; đối với thói mới thời kiêng những chữ *phong-*

trào, *tổ-chức*, *tiến-bộ*, *văn-minh*, v. v. ; thậm - chí những chữ *trung*, *chất*, *hiếu*, *chữ tình*, *chữ tình*, *chữ danh*, *dự*, *chữ phong-lưu*, phàm những chữ hỗn-via của người Nam ta xưa nay, cậu ta cũng không nói đến nữa, thành ra « Mông-sử Ngốc », mà tựa-hoàn như « Mặc-mặc tiên-sinh ».

Một hôm cậu gặp người nhân-tiên cũ, bất-đắc-bất mở miệng ra nói, nói rằng :

— Tôi với cô trăm năm *tạch mặt* chữ *dùng*, *tành tành*, *nghe nghe*, *ôi ôi*, *oăn oăn*, tôi thời trong *phụng phũ*, mà ngoài *hèo-hoe*, cô cũng *toét tanh bành*, mà *mời cút kít* ! . . .

Cô nhân-tiên không hiểu cậu nói ý gì, mang bụng nghi-ngờ. Vì câu truyện đó mà duyên *đắm-thắm* bêu ra *bể-bàng*. Chao ôi !

TÙNG-VĂN

CẨM-HỌC TÂM-NGUYÊN

琴學尋源

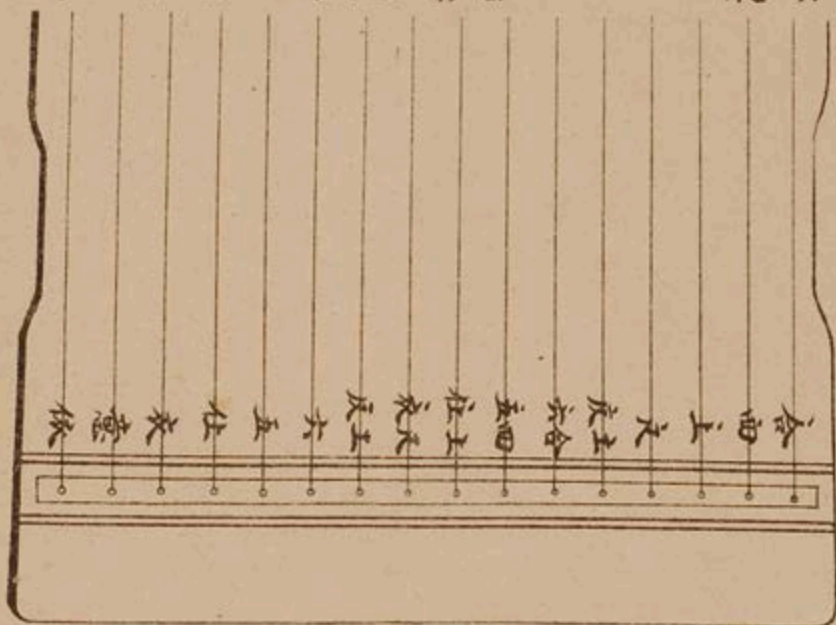
(Khảo về nghề đàn ở nước ta) (1)

Bài thứ IV

十六絃圖

Đàn tranh

合	Họ.	工	Cộng, công.	仕	Xang.
四	Xự.	反	Phạng, phàng.	衣	Y.
上	Xạng, xạng.	六	Liu, liu	意	Ý.
尺	Xê, xê.	五	Ũ, u.	依	Y.



Muốn đàn Nam, thời phải lên dây phăng

Muốn lên dây phăng, thời phải lên

dây công, rồi khảy cả dây xạng, dây xê với dây công cho đến khi nào nghe ra họ, xử, xạng là được

(1) Xem Nam-Phong số 47, trang 370-386, số 48, trang 468-481 và số 49 trang 44-61

十六絃鼓按兩掌圖

Hai tay đòn tranh

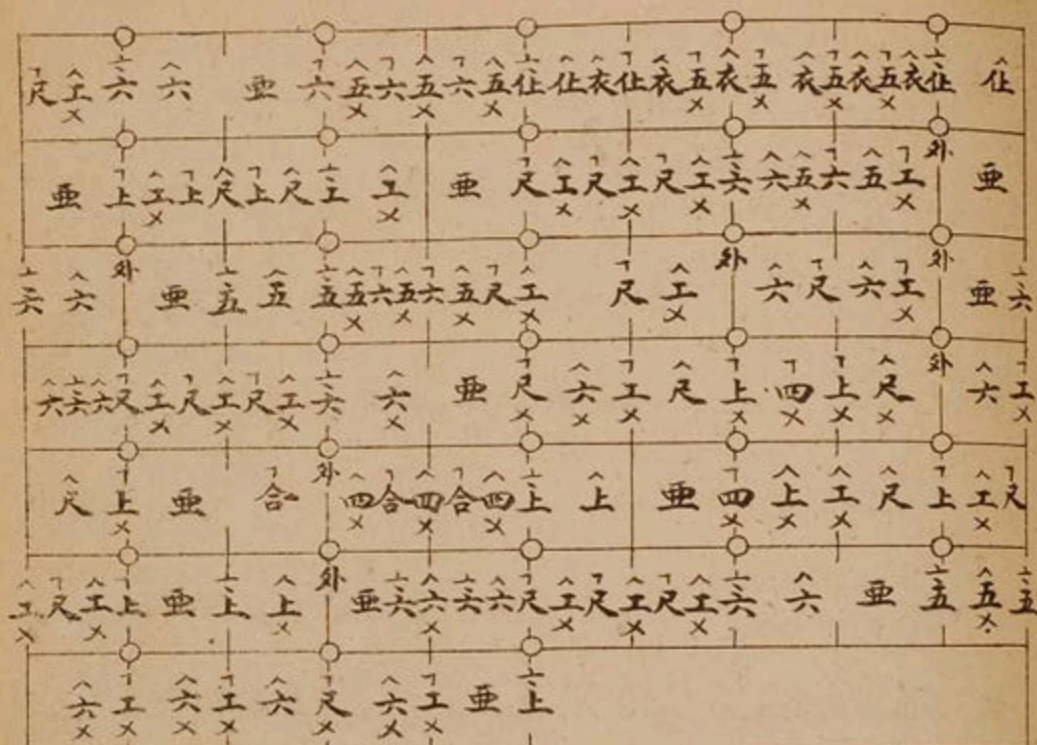


Phép nhấn không được hờ ba ngón tay giữa ra mới mạnh.

Dấu riêng đòn tranh

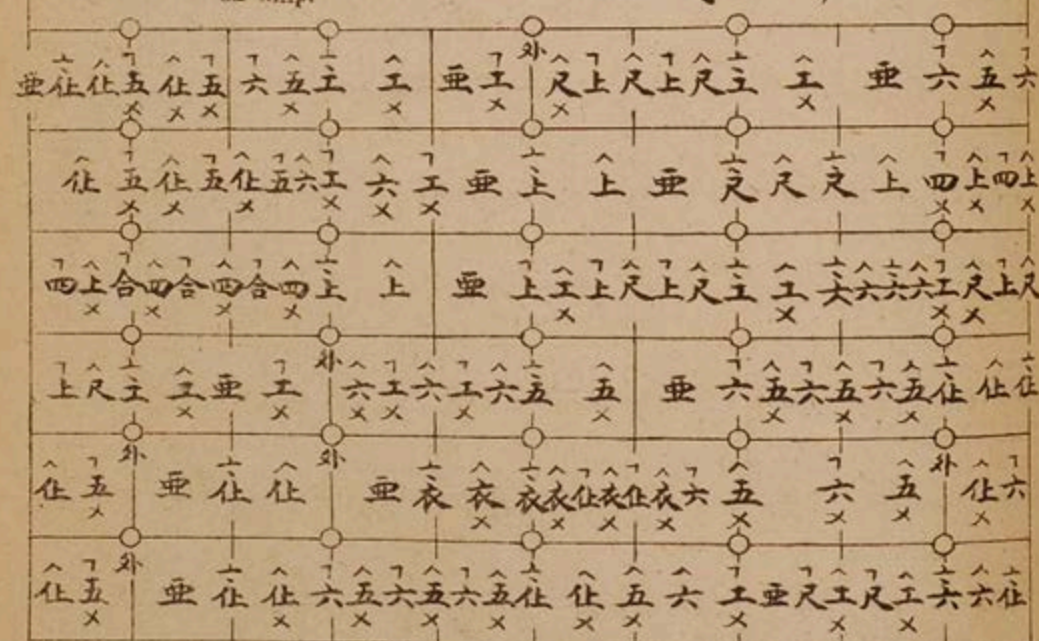
- 𠂇 Á (lấy móng tay cái mà cào tới. Phàm Á phải cho dài mà lái-rải dưng Á cụt-cụt mà khó nghe).
- 人 Ngón tay cái.
- 7 Ngón tay trỏ.
- 十 Ngón tay giữa.
- × Nhấn.
- × Nhấn đầu nhẹ sau hăm.
- 6 Nhấn mạnh.
- 7 Nhấn hăm.

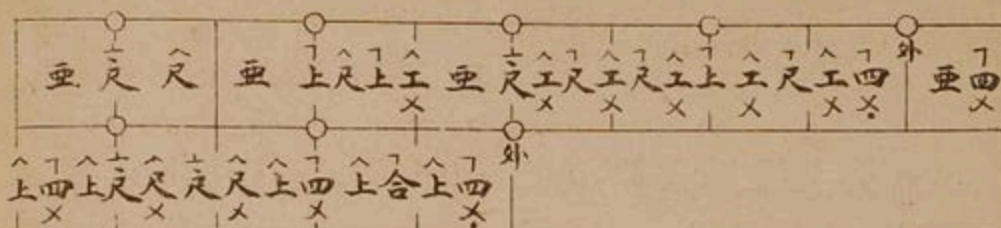
- ㄣ Nhấn vuốt.
- ㄣ Nhấn rung (nhấn mà rung ngón tay).
- √ Nhấn nhảy (nhấn mạnh mà dờ lên liền).
- 乙 Xê-huit.
- 、 Gõ mặt trán.
- 合 Ngón hốt, nghĩa là hốt cả hai tiếng họ một lần. Hễ gặp chỗ nào viết chông hai chữ thời tiếng ấy phải hốt.



20 - NGUYỄN TIÊU.
32 nhịp.

二元宵 三十二拍

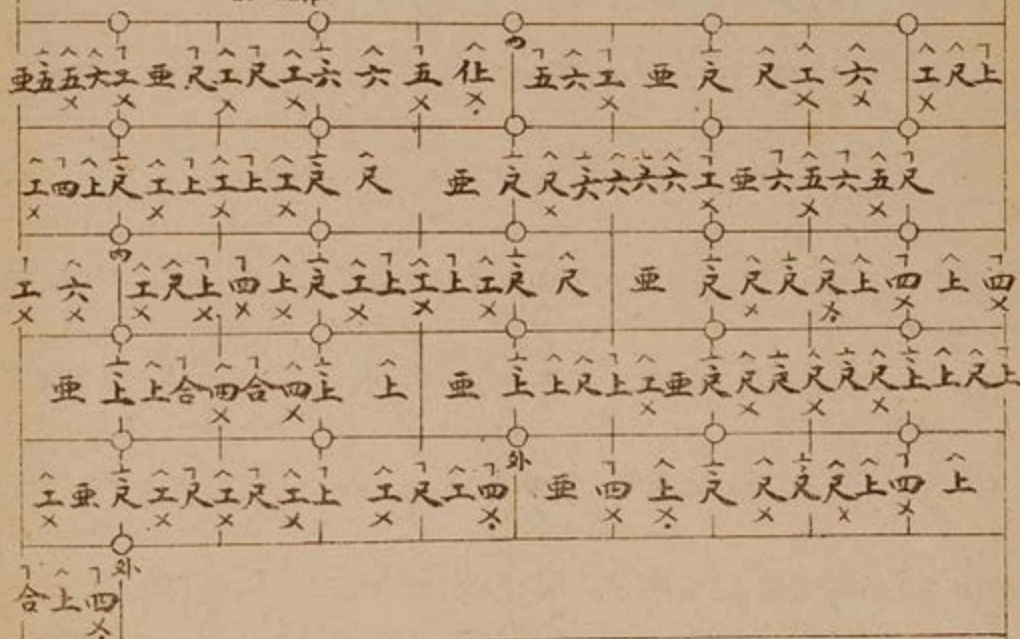




70 - KIM-TIÊN

26 nhịp.

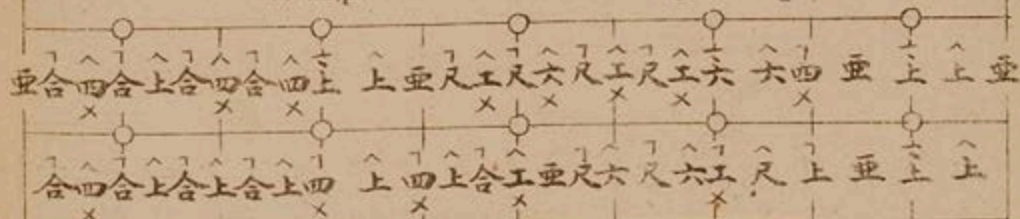
七金錢二十六拍



80 - XUÂN-PHONG

10 nhịp.

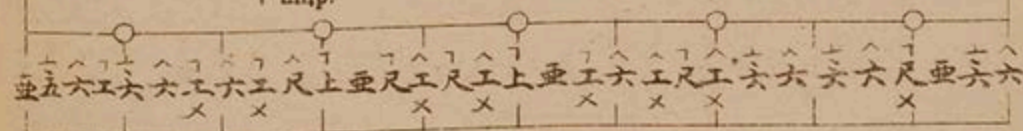
八春風十拍



90 - LONG-HỒ

7 nhịp.

九龍虎七拍



100 - TÀU-MÀ
34 nhịp.

十走馬三十四拍

Tu-tướng đẹp, lời văn hay

Si tous les êtres, et les plus humbles, n'en-trent pas dans la cité, je reste dehors.

MICHELET

Mon ami, je viens de me confesser: j'ai beaucoup péché, mais jamais contre l'art: car il y a pas une page que je n'aie signée de ma conviction et contresignée de mon émotion.

CH. GOUNOD

Nếu nhất-thiết chúng-sinh không được bước lên đài múa, tôi đây tôi xin đứng ngoài.

Anh ơi, tôi vừa mới làm lễ xưng tội: tôi tội nhiều thật, nhưng tôi không hề phạm tội với văn-chương bao giờ, vì tôi bình-sinh không có viết một tờ nào là không vì lòng chân-thành, không vì lòng cảm-dộng

HOÀNG - YẾN

Tri-huyện Bình-Khê
(BÌNH-ĐÌNH)

Còn nữa

VĂN-UYÊN

Giữ đạo hiếu-trung

(Hát nói)

Mưỡu

Làm người biết đạo nhân-luân,
Hiếu-trung đối với quân-thân làm đầu.
Lòng son dạ sắt một màu,
Danh thơm lưu để về sau còn dài.

Nói

Hiếu-trung đôi chữ,
Phải một niềm vững giữ mới là trai.
Đừng khinh phú gian nịnh như ai,
Nghìn thu để tiếng cười trên nhân-thế.
Hiếu tâm tự khả thông thiên địa,
Trung niệm hoàn năng đạt quỷ thần.
Này hai điều trong đạo ngũ-luân,
Cho trọn vẹn ấy mười phần không hồ.
Khăng-khăng vững một lòng sắt đá,
Dầu gian-nan cũng chớ đổi rời.
Danh thơm muôn kiếp để đời !

Trông trăng

(theo lối Thiên-Thai)

I

Thơ-thần trông trăng rồi trước mảnh,
Trông trăng trăng lại doái trông mình.
Xem trăng dường cũng như thơ-thần,
Thường dễ mà trăng cũng có tình.

Thần-thơ tựa bóng trăng thanh,
Trông trăng trăng lại trông mình thần.
Trăng soi khắp hết gần xa, [thơ.
Hay đâu trăng chẳng gần-ngơi vì tình.

II

Thường dễ mà trăng cũng có tình,
Tình trăng hẳn giống bóng trăng thanh.
Còn tình ta đổ trăng kia biết ?
Man-mác bao-la chẳng khá hình.

Trăng như ngọc-ngân vì tình,
Tình trăng giống bóng cũng thanh thế
[mà.

Đố trăng biết được tình ta ?
Tình ta man-mác vẽ ra chẳng thành.

III

Man-mác bao-la chẳng khá hình,
Hỏi trăng không biết cứ làm thình.
Nhìn nhau ta chỉ cùng thơ-thần,
Thơ-thần nhìn nhau tình lại sinh.

Tình man-mác vẽ không thành,
Hỏi trăng trăng cứ làm thình biết gì.
Nhìn nhau ta chỉ như si,
Càng nhìn càng lại như chia mỗi tình.

VI

Thơ-thần nhìn nhau tình lại sinh,
Lập-lõe lại thấy bóng con huỳnh.
Tình càng man-mác càng thơ-thần,
Thơ-thần dường quên cái nhục vinh.

Nhìn trăng vẫn-vit mỗi tình,
Lập-lõe lại thấy con huỳnh bay ngang.
Tình càng thơ-thần thêm càng,
Mỗi tình man-mác dường quên sự đời.

Vầng trăng vằng-vặc giữa trời,
Anh-hùng đứng giữa trần-ai mới già.
Người nay chẳng thấy trăng xưa,
Trăng nay xưa đã soi qua mọi người.

Con bò

Sức khỏe so trâu dễ cũng ngang,
Cũng vai sừng-sỏ giống da vàng.
Công-lao khắp cả miền dân-dã,
Tiếng dốt sao mà vẫn cứ mang ?

Anh thuyền chài

Một chiếc thuyền con nhẹ nhẹ veo,
Đầu thuyền quen chỉ đứng treo-leo.
Buồng tung trăng gió hai tay lưới,
Vùng vẫy non sông một mái chèo.
Bao quần xông pha con sóng gió,
Những mong quét sạch giống mè-nheo.

Tâm thân ở nước lòng yêu nước,
Danh-lợi trên đường mặc kệ theo.

PHẠM HUY-TOẠI
Tri-huyện Gia-Bình.

VỊNH SỬ

Hai Bà Trưng

Dựng cờ nương-tử rang nghìn thu,
Nợ nước thù nhà báo-dáp phu.
Bao quân sóng dầm da phần nhát,
Miễn cho bia tạc tiếng thơm lâu.
Xông - pha trăm trận thành vương-
Đánh đổ ba quân của sứ Tàu. [nghiep,
Chị tiết em trinh đều vẹn cả,
Làm cho rõ mặt gái Giao-châu.

Bà Triệu-Âu

Trong rừng dấy phất ngọn cờ vàng,
Lừng-lẫy anh-thư chốn chiến-tràng.
Lược đất trăm cày từ phần-dại,
Cung đeo gươm tuốt lốt phong-sương.
Chí lăm vượt bể khua kinh-ngạc,
Thề quyết lên voi khử bạo-tàn.
Tiết-liệt nghìn thu thanh-sử chép,
Nhuỵ-kiều⁽¹⁾ rang tiếng tướng-quân
[hàng.

Bà My-châu

Nam bắc gây nên cuộc chiến-thâu,
Cờ trời dẫu bề thấy mà đau.
Nhà tan nước vỡ đành ra thế,
Ngọc nát châu chìm có bởi đâu?
Lai-láng dòng xanh sa giọt tủi,
Bơ-vơ non bạc kéo mây sầu.
Nỏ rùa lông ngỗng mà nên việc,
Bởi quá tin nhau hóa hại nhau.

ĐẠM-PHƯƠNG Nữ-sử

Vịnh hai bà Trưng

Giận dứa tham-tàn quấy nước ta,
Xếp nghề kim chỉ giữ can qua.
Ra tay thao-lược em cùng chị,
Rửa mặt non sông nước lại nhà.
Lãng-bạc ba thu lòng căm-khải,
Hát-môn ngàn thuá khách hương-hoa.

Nên thua này bởi lòng con tạo,
Quốc-thước ra gì tướng Phục-ba!

Bà Triệu-Âu

Nữ-kiệt từ xưa dễ mấy người,
Nổi chân Trưng-thị một bà thời.
Cờ đào hiệu-lệnh quân đàn quạ,
Yếm thắm tung-hoành thể trần voi.
Gan sắt đường này ầu có một,
Cột đồng những muốn chặt làm đôi.
Danh thơm Lê-hải còn ghi đó,
Lưu đề làm gương bạn gái soi.

Tám Hồ Tây (1917)

Nước hồ rửa sạch bụi phong-trần,
Nghỉ-vui dưỡng ai buổi mộ-xuân.
Chim nổi mấy phen đà tới bến,
Trên bờ lên thử vẻ dai cân.

Cuộc gỗ đầu.

Đã trót mang thân cuộc gỗ đầu,
Gỗ đầu hồ phải dễ chẳng đầu!
Mực hồ bút sắt ngày đôi buổi,
Muốn dất đàn em tiến-bộ mau.

Đề ảnh một người mi-nhân bên Âu-châu

Hoa-quan phấp-phới, hà-y...
Nổi danh tài-sắc một thi, xôn-xao...
Mà cho thiên-hạ trông vào...
Bấy lâu nghe tiếng má đào mắt xanh.

Đề ảnh một người nữ-sĩ đã cao tuổi chưa chồng

Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm
người.

Phong-tư tài-mạo tốt vôi,
Trắng tã mà lại hơn mười năm xưa!

Đề tranh Tiên-nữ-tương-phùng

Bây giờ tỏ mặt đôi ta,
Đào-nguyên lạc lối đầu mà gặp đây.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Gặp nhau xin chút mây may tự-tính.

(1) Nhuỵ-kiều-tướng-quân là ký-hiệu của bà Triệu-Âu tự xưng

kém dùng. Đã mê về sự cờ bạc; biết đâu là lẽ công bằng. Cạn lưng vay cổi vay chẳng, lãi bao cũng gặt; nóng mắt mở liều mở lĩnh, của ai cũng chẳng. Hơn chẳng bỏ hao, đến nỗi mất cơ mất nghiệp; túng thì phải tính, sinh ra làm bậy làm xằng. Tham-lam chỉ vì hơi đồng, khôn dòn ra đại; danh-giá lâm vào đám bạc, ông cũng như thảng. Bán vợ đợ con, gương Trọng-Quy vẫn còn như tạc; ba que xô-lá, đình Cồ-lương đã biết hay chẳng?

Bần. — Than ôi! Đồ-thần! Đồ-thần! làm hại quốc-dân; bỏ hết công-việc, mất cả làm ăn. Làm cho khổn khổ; làm cho nhục-nhân. Làm cho cơn đen vận túng; làm cho nước yếu dân bần. Nay nhân lòng người biết hối, hồn nước tỉnh dần; mây đi nơi khác, chớ có lẫn-thần. Tiễn mây về Tàu, Quảng-dông cũng gần; tiễn mây sang Nhật, đáp bến Hoàn-hi-tân. Mây sang nước Mĩ, vàng bạc vô ngần. Mây sang nước Đức, khôn ngoan tuyệt-trần. Vàng hương cùng tiền; gạo muối đưa chân. Mượn tay giải ách; cắt duyên nợ-nần. Lập tức đi ngay, chuồng cánh-tĩnh mấy câu sám-hối; nếu còn lần-quất, gươm văn-minh một nhát trừ-căn.

Ngạc-dinh PHẠM QUANG-SÂN

Nguyệt-hạ độc-trước

月下獨酌

Hoa gian nhất hồ tửu,

花間一壺酒

Độc trước vô tương thân,

獨酌無相親

Cử bôi yêu mình nguyệt,

舉杯邀明月

Đổi ảnh thành tam nhân,

對影成三人

Nguyệt kỳ bất giải ẩm,

月既不解飲

Ảnh đồ tùy ngã thân,

影徒隨我身

Tạm bạn nguyệt tương ảnh,

暫伴月將影

Hành lạc tu cập xuân,

行樂須及春

Ngã ca nguyệt bồi-hồi,

我歌月徘徊

Ngã vũ ảnh linh loạn,

我舞影零亂

Tĩnh thời đồng giao hoan,

醒時同交歡

Túy hậu các phân tán,

醉後各分散

Vĩnh kết vô tình du,

永結無情遊

Tương kỳ mai vân bán,

相期邈雲漢

Dịch nôm

Trước hoa thông-thả một mình,
Dưới trăng tay rót chén quỳnh đầy vơi.
Quanh-co một bóng một người,
Ngừng chào chị Nguyệt vậy thời là ba.
Nguyệt còn then mặt Hằng-nga,
Bóng thường thù-tạc cùng ta vui vầy.
Chén vui càng nhấp càng đầy,
Tiệc vui hơn hồ càng ngày càng xuân.
Ta ngâm Nguyệt càng tàn ngần,
Ta vui bóng cũng đậm nhuần vui chung.
Tĩnh say hoa nguyệt trùng trùng,
Muôn năm kết nghĩa tương phùng từ [đây.

Một mai gặp hội rồng mây!

NGUYỄN NGỌC-GIAI

CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Từ nay ba chữ tên ấy không còn thấy trên tập báo này nữa. Cụ NGUYỄN BÁ-HỌC tháng trước còn có bài đăng đây, tháng này đã thành người cỗi-nhân rồi. Các bạn đọc báo thường được đọc văn cụ mà mến tài-học của cụ, được tin này chắc cũng một lòng ngậm-ngùi thương-tiếc như bản-quán đồng-nhân vậy. Nhưng các bạn chỉ được biết văn cụ mà đoán người cụ, đồng-nhân chúng tôi lại được biết cả người cụ mà cảm cái nhân-cách thanh-cao của cụ, nên lòng thương-tiếc lại càng sâu-xa hơn nữa, không thể nói sao cho xiết được. Tuy văn tức là người, xem văn có thể biết được người, nhưng cụ vốn không phải là người làm văn, mãi đến văn-niên mới chịu đem văn ra văn-thế, nên xét một văn-chương cụ không đủ biết hết cái thân-thể bình-sinh của cụ; phải được đến gần cụ, phải được tiếp chuyện cụ, phải được nghe những người đã từng quen biết cụ, phải được rõ cái cách cụ tiếp-nhân xử-sự, tu-kỷ khắc thân, mới hiểu được rằng một người như thế mà mất đi là thiệt cho xã hội nước ta biết dường nào. Không phải rằng người ấy thuở sống có cái thế-lực gì đủ di ơn tác phúc cho người đời, mà đến khi chết đi người ta thương-tiếc, là tiếc không được hưởng cái ơn phúc ấy nữa. Không phải thế: Cụ thuở sống không có quyền-thế, không có chức-vị gì đủ ra oai giáng phúc mà khiến cho người ta phải sợ phải phục: Cụ chẳng qua chỉ có một tấm lương-tâm trong-sạch, ngoại sáu-mươi năm trời giữ-gìn được trọn- vẹn, cho đến lúc nhắm mắt không còn chút di-hận gì; chỉ có thế mà cảm-phục được lòng người. Nhưng mà giữ được thế, tưởng cũng khó-khẩn lắm vậy. Ấy cái công-nghiệp một đời cụ, chính là ở sự giữ-gìn đó. Lúc sống được người yêu người kính, lúc chết được người tiếc người thương, không phải vì cái quyền-thế hay là chút ân-uy gì, chỉ vì cái tiết-thảo đó mà thôi. Người ta được người đời yêu sợ phần nhiều vì những cái phụ vào người, như sự giàu-sang, không phải là chính bởi nhân-cách mình; cụ được người đời mến trọng chỉ là bởi cái nhân-cách thanh-cao của cụ.

Bởi thế nên cụ bình-sinh tuy không có quan-chức gì, chỉ là một « thầy đồ nghèo » như lời cụ thường nói, mà đến khi chết, phàm những người thức-giả trong nước ai cũng có bụng xót-xa, coi đó đủ biết rằng người mình dấu thương có tính xu-viêm phụ-nhiệt thật, nhưng đối với hai chữ Đạo-đức xuống cũng còn biết cảm-động. Cụ dưới chín-suối, vì còn có biết, chắc cũng vui lòng, không phải vui vì chút thanh-danh riêng để lại về sau này, nhưng vui vì quốc-dân cũng còn biết trọng sự đạo-đức vậy.

Còn cái cảm-tình riêng của bản-quán đồng-nhân đối với Cụ thời bản-chí chủ-bút ông PHẠM QUỲNH đã bày tỏ trong bài viếng đọc trước huyệt Cụ, bài ấy đăng sau đây. Bản-chí lại ghi-chép sau này cái lược-sử cùng những di-ngôn của Cụ nói với ông NGUYỄN BÁ-TRẠC là chủ-bút hán-văn của bản-chí, lại vừa là con rể Cụ.

Nghe đâu cụ còn để lại mấy tập di-cảo bằng hán-văn và quốc-ngữ. Nguyễn chủ-bút đương có ý sưu-tập, nếu tìm được và xét ra có thể đăng báo được, thời sẽ đăng dần để làm cái kỷ-niệm đối với một người đã có công to với tập báo này.

I

BÀI VIẾNG CỦA BÀN-CHÍ CHỦ-BÚT ĐỌC LÚC HẠ HUYẾT CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC Ở NAM-ĐÌNH NGÀY 26 AOUT 1921

Thưa các Ngài,

Cụ Nguyễn Bá-Học mất là báo-quán *Nam-Phong* chúng tôi thiệt mất một tay trợ-bút có giá-trị; không những thế, lại vắng mất một bậc sư-hữu rất đáng kính đáng tôn. Thật thế; Nguyễn-tiên-sinh đối với báo-quán chúng tôi, không phải là một người trợ-bút tầm-thường; anh em chúng tôi đều coi cụ, như lời sách nói, là một bậc « *sư-cổ chi quân-tử, kiêm sư-tư hữu-nghị* » (師古之君子兼師資友誼) và một lòng yêu-mến kính-trọng cụ.

Cụ vốn không phải là một nhà làm sách, một tay trước-thuật. Cụ bắt đầu viết vào tạp-chí *Nam-Phong* chúng tôi cũng là một sự tình-cờ. Trước cụ không từng làm sách-vở, viết báo-chí bao giờ. Nhưng chúng tôi vẫn biết và vẫn phục Cụ là một người mô-phạm đạo-đức, tác-học lão-thành. Một hôm nhân ngồi tiếp chuyện Cụ, chúng tôi có nói rằng: « Tiên-sinh từng-trải đã nhiều, việc đời tất hiểu. Thuộc về những vấn-dề quan-trọng trong nước bây giờ, chúng tôi vẫn ước-ao được biết ý-kiến một bậc lão-thành như Tiên-sinh. Tiên-sinh thỉnh-thoảng có thể cho tạp-chí chúng tôi một vài bài không? » — Cụ ngần-ngại mà đáp rằng: « Tôi không hề làm văn-chương bao giờ. Nghề văn tôi thật vụng. Tôi vốn là một ông đồ già, bình-sinh chỉ châu-tuần trong vòng giáo-dục. Từ khi về nghỉ, nhân dạy bảo con em trong nhà, có soạn thành một tập sách nhỏ, đề là « *Lời khuyên học-trò* ». Các ông xem có đăng báo được thì đăng. » — Chúng tôi trân-trọng lĩnh lấy tập thảo ở tay Cụ, về đọc một lượt, bất-giác có cái vô-hạn cảm-khái, mới biết rằng sách này tuy nhan-đề nhỏ-mọn, văn-thể bình-thường, mà thật là lời

tâm-huyết của một người tiền-bối muốn di-truyền lại cho kẻ hậu-sinh cái tâm-thuật ở đời. Sau khi đăng lên báo-chương, xét ra cũng có ảnh-hưởng; người thức-giả đọc thấy những lời trầm-trọng thiết-thực, khác hẳn giọng văn thường ở các báo, chắc đương đọc cũng phải ngừng lại mà nghĩ rằng: « Người nào viết nên những lời này, chắc là người hữu-tâm về thể-đạo vậy. »

Từ đấy, cứ cách một vài tháng, Cụ lại gửi cho một tập thảo, hoặc là dịch-thuật các sách cổ-kim, hoặc là bàn-bạc những việc giáo-dục, nhưng hay nhất, có giá-trị nhất là mấy bài đoản-thiên-tiểu-thuyết, toàn là ngụ-y răn đời. Lập-ý đã hay, lời văn lại nhã. Mỗi bài in ra, các bạn đọc báo lấy làm khoái-trá vô-cùng. Tôi thường nhận được thư ở các nơi, từ trong Nam đến ngoài Bắc, đều đồng-thanh mà khen rằng: « Nguyễn-tiên-sinh không những là một bậc đạo-đức mô-phạm, mà thật là một tay văn-sĩ có tài ». Thuật lại Cụ nghe, Cụ thường gạt đi: « Các ông ấy có bụng yêu quá khen như thế. Tôi có phải là văn-sĩ đâu! Tôi bình-sinh có làm văn-chương bao giờ. »

Ồi! Cụ không chủ-ý làm văn-chương mà văn-chương Cụ hay; Cụ không chủ-ý làm văn-chương mà văn-chương Cụ không những làm cho người ta cảm-động, lại làm cho người ta khoái-trá! Có lẽ cái bí-thuật của nghề văn chính là ở đó. Các nhà văn-sĩ mới ta cũng nên ngẫm-nghĩ điều ấy.

Nói đến đây, tôi không thể dừng không đọc lại những lời bàn của Cụ về văn-chương trong tập « *Lời khuyên học-trò* », lời lời thiết-thực, ý ý thâm-trầm, càng đọc càng có vị, càng ngẫm càng thấy hay. Cụ nói rằng:

« Khéo mồm-mép mà làm hại tâm-
 « thuật, không gì bằng văn-chương. Vì
 « văn-chương hay vì *tình* mà không
 « hay vì *lý*; cho nên những người làm
 « văn hay không biết chép sự thực,
 « và những câu luận chân-lý lại không
 « phải những văn hay, xem thế thì
 « văn-chương không phải là đồ thực-
 « dụng.

« Tiếu-thuyết, ký-sự, luận-thuyết,
 « diễn-thuyết, là những văn-chương
 « hữu-dụng; còn thơ-phủ ca-dao, có
 « văn, có điệu, chỉ dùng để ngâm-ngã,
 « không suy ra thực-sự, chẳng những
 « vô-ích mà lại có lúc làm cho mê-
 « mẩn mất cả tinh-thần, tô-diêm sai cả
 « cảnh thực.

« Hãy xem như nước ta, nghề
 « học văn-chương càng đua-tranh bao
 « nhiều thì nghề học thực-dụng
 « càng suy-lạc đi bấy nhiêu, càng
 « ngày càng tệ, đến nỗi làm cho trong
 « nước bao nhiêu người thông-minh
 « tài-tuấn đã hóa ra một bọn ngời
 « không ăn dưng.

« Ngày nay học trò phải có tư-tưởng
 « cho cao, tập luận-ng nghị cho rộng;
 « phải đọc những sách có kinh-luân
 « trong xã-hội, phải bàn những chuyện
 « có quan-hệ đến nước nhà, để ngày
 « sau có thể đem học-vấn suy ra việc
 « làm. Còn những lối ngâm-hoa vịnh-
 « nguyệt, dù hay cho quí-khố thần-
 « kinh, cũng không đáng một đồng
 « tiền kêm.

« Văn quí có sinh-khi... Văn-khi
 « bởi đâu mà ra? Cũng là bởi kiến-
 « thức tinh-thần của người làm văn
 « mà ra. Người cục-súch hay làm những
 « văn tiêu-xảo; người nhu-nhược hay
 « làm những văn chi-ly; người thô-sơ
 « hay làm những văn sống-sượng;
 « người danh-lợi hay làm những văn
 « thù-phụng; người bợm-bãi hay làm
 « những văn hoa-tinh. Những người
 « ấy mà có làm văn nói về phong-tục,

« đạo-đức, lịch-sử, chính-trị, chẳng
 « qua mơ-mơ màng-màng, ba câu lẽ-
 « lối, mấy chữ bẽ-mép, sao gọi là
 « văn-chương có khí?

« Văn-chương với đạo-đức thường
 « không có quan-hệ với nhau: xưa có
 « một người, kể trong đạo-đức là kẻ
 « tội-nhân, mà văn hay truyền-tụng
 « còn đến bây giờ. Vì chính-trị có
 « luật-phép, mà văn-chương không có
 « luật-phép; cho nên khen văn chưa
 « hẳn là yêu người, mà luận người
 « cũng không ở văn-tự..... » (1)

Ấy tư-tưởng Cụ về văn-chương như
 thế, mà văn-chương Cụ lại như thế.
 Nếu văn-chương chỉ là mấy bài thơ
 ngâm-hoa vịnh-nguyệt, ba câu lẽ-lối,
 mấy chữ bẽ-mép, mà khéo để ngộ-
 hoặc người đời, thời Cụ quyết không
 phải là một nhà văn-chương. Nhưng
 nếu văn-chương là cái máy động để
 truyền đạo-lý, chấn nhân-tâm, sửa
 phong-tục, cứu nước nhà, thời Cụ chính
 là một nhà văn có tài ở đời nay vậy.

Nhưng mà văn-tài của Cụ tức
 là ở đạo-học của Cụ mà ra. Cụ sống
 vào một đời rất khó xử, mà đến
 tuổi già vẫn giữ-gìn được trọn-vẹn,
 không đến nỗi làm nhục cho danh-giáo,
 không những không làm nhục cho
 danh-giáo, lại làm sáng cho danh-giáo,
 bày cho kẻ bằng-bối, kẻ hậu-sinh một
 cái gương xử-thế rất là chính-đại
 quang-minh, một cái tấm thân-thể rất
 là thanh-cao xươg-đáng; ấy sự-nghiệp
 một đời Cụ là ở đó, không phải đâu.
 Ôi! tiên-nho ta đã có câu nói rằng:
 « Trời sinh ra người hiền, cốt là
 muốn cho dùng ra đời, nhưng mà lại
 muốn để giữ cho đời, sự-nghiệp ấy
 còn lớn-lao và to-tát hơn nhiều ».
 Nguyễn tiên-sinh bình-sinh ít được ra
 dùng với đời, nên sự-nghiệp không
 được rõ-rệt như người ta; bởi thế
 mà ngày nay không có vông-lọng,
 không có bài ngà, không có bằng-sắc

nhà Vua, không có mền-day Bảo-hộ, không có quan Nhà - nước đọc bài viếng, không có linh bông súng đứng chào mỗ; mà một kẻ thư-sinh nhỏ-mọn như bĩ-nhân đây mới được cái danh-dự đầu-dôn đọc mấy câu tổng-biệt này. Nhưng Cụ không có sự-nghiệp rõ-ràng như người ta, mà Cụ có cái sự-nghiệp vô-hình còn cao giá hơn biết bao nhiêu. Ngày nay dấu người đã vắng rồi, mà tiếng còn để lại, là để lại cái tiếng một người « *bổ-y quán-tử* » ở giữa cái đời « *kim-tiền thiết-huyết* » này. Tiếng ấy chẳng cũng vẻ-vang lắm dư?

Bữa qua, con rề cụ là Anh Tiều-Đầu tôi, đến báo tin cho tôi biết Cụ sắp mất, nói rằng trước khi lâm-chung, Cụ có đối lại cho người nhà, bảo-ban mọi việc; hồi việc khâm-liệm, Cụ dặn rằng chỉ nên mặc cho Cụ một tấm áo vải trắng. Thửơ sống Cụ đã là một người « *học trò áo vải* », lúc chết cũng muốn giữ cho vẹn cái bản-sắc sinh-bình. Một việc đó đủ chứng cái khi-tiết thanh-cao của Cụ.

Lúc lâm-biệt Cụ cũng không quên đồng-nhân trong bảo-quán. Cụ dặn ông Tiều-Đầu nói với chúng tôi rằng Cụ chỉ đối lại cho chúng tôi có bốn chữ, là « *bảo-lôn quốc-túy* ». Ôi! bảo - tôn quốc - túy, đó chính là cái chủ-nghĩa của anh em chúng tôi; nhưng từ trước đến nay chúng tôi khổ vì

chưa biết rõ quốc-túy ở đâu mà bảo-tôn. Văn-chương, mĩ-thuật, là cái tinh-hoat trong một nước: văn-chương nước mình, mĩ-thuật nước mình, tưởng không có gì sánh bằng người ta. Phong-tục, lễ-giao, cũng là cái tinh-túy trong một nước: phong-tục nước mình, lễ-giao nước mình, thật cũng không có gì là đặc-sắc hơn thiên-hạ. Vậy thời quốc-túy ở đâu mà bảo-tôn? Nay xét thân-thể Cụ, mới biết là quốc-túy chính ở đó, không phải đâu. Quốc-túy chính là cái đạo tu-thân xử-thế của các bậc hiền-nhân quân-tử của nước nhà, quốc-túy chính là cái cách cặng-trì căn-thủ, sửa mình ở đời làm sao cho khỏi thẹn với người trước, làm sao cho thực-hành được cái lý-tưởng đạo-dức của các bậc cổ-thánh-hiền trong nước vậy. Một đời Cụ thật đã làm trọn cái công bảo-tôn quốc-túy ấy mà Cụ muốn di-truyền cho anh em chúng tôi. Chúng tôi xin cam-doan trước linh-cữu Cụ rằng sẽ hết sức làm cho khỏi phụ lời di-chức ấy.

Nguyễn-tiên-sinh ôi! nay tiên-sinh mất không những là thiệt riêng cho bảo-quán chúng tôi một người giúp bút giỏi, lại thiệt chung cho xã-hội một người đạo-dức mỗ-phạm đủ làm gương cho con em nước nhà đương cái buổi giao-thời biến-cách này. Thật đáng tiếc thay!

Ô hô!

II

LƯỢC-SỬ CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Tiên-sinh người thôn Giáp-nhất xã Nhân-mục, lĩnh Hà-dông, sinh năm *đinh-tị* Tự-dức thứ mười (1857), đến năm *tân-dậu* niên-hiệu Khải-định thứ sáu (1921) này mất, vừa 65 tuổi.

Tiên-sinh vốn nhà nghiệp nho, khi lên sáu tuổi thời cha mất, nhà còn có

người anh cả tên húy là Đình-Huân; tiên-sinh là con thứ hai. Người trưởng-huynh học có tiếng hay chữ sớm, đã từng đỗ đầu-xứ; nên khi tiên-sinh còn nhỏ theo học nghề văn, phần nhiều nhờ về gia-đình-giao-dục. Khi anh mất rồi, tiên-sinh theo thầy đi học ở tỉnh

Ninh-bình. Các học-trò nhà nho ta khi xưa, phần nhiều là kiếm-ước, không có xa-xỉ như học-trò tây bây giờ. Tiên-sinh lại gặp cảnh nhà nghèo mẹ góa, cái khổ-cảnh ấy lại càng rất khổ. Tiên-sinh thường kể chuyện lại cho nghe rằng : Từ khi ông anh cả mất đi, thời dưới gối mẹ già chỉ có một mình tiên-sinh mà thôi ; song suốt năm không muốn cho ở nhà ; chỉ bắt phải theo thầy đi học, để mong ngày sau cho được thành-lập nên người. Bấy giờ ông thầy dạy học ở một nhà tư-gia, tiên-sinh cũng phải đến trọ học ở đấy, cả tháng tiền cơm trọ mất có hai quan tiền kẽm. Song cái lễ thầy trò khi xưa tôn ti rất là phân-biệt, dầu là học-trò trọ ở với thầy, song mỗi khi bữa cơm thường vẫn phải cùng ngồi ăn với bọn đầy tớ nhà chủ, cơm hẩm, thức ăn xấu, lắm khi ăn không thể nuốt được ; quần áo rách có khi phải lấy lạt buộc giùm lại ; trong một tháng bà mẹ cốp nhặt tiền công may, chỉ đủ cung về tiền phan-phí, thế mà mẹ vẫn không muốn cho bỏ học mà về ở nhà.

Tiên-sinh thiên-tính thông-minh, hàn-học cũng thâm-thúy, đã từng đi thi hai khoa không đỗ. Sau gặp buổi xứ Bắc-kỳ nhiễu-loạn, học-trò trường Hà-nội ta phải vào hợp-thí trong trường Thanh-hóa, bấy giờ tiên-sinh đương ở Hà-thành thường phải kinh sợ luôn luôn, không thể yên theo nghiệp học được, bèn mới cải nghiệp đi buôn.

Tiên-sinh có hai người chị, một người lấy ông chủ hiệu hoa-thương Huy-ký, nên tiên-sinh đã một độ đi với bạn-buôn của hiệu Huy-ký vào Hà-tĩnh buôn bán, song đi buôn bị thua lỗ mãi, lại gặp buổi loạn-lạc tứ-tung, cho nên tiên-sinh mới tạm trở về nhà nuôi mẹ, để từ-dỗ lo toan nghiệp khác.

Khi ấy việc Bắc-kỳ đã tạm yên dần dần, quan Tây mới cưỡng-bách học trò phải học chữ Pháp và chữ quốc-ngữ,

học trò nhiều người khinh-bĩ hay là sợ-hãi không chịu theo học, bởi vì khinh là chữ học liú-lo, hoặc lại sợ là quan Tây bỏ đi, mà mình học chữ tây thời người nước còn ai dung mình nữa, vì thế nên không mấy người chịu học. Tiên-sinh nhà ở Hà-thành, vì thế cưỡng-bách phải theo học chữ tây, thường nghe tiên-sinh thuật chuyện lại rằng : « Tôi lúc mới học quốc - ngữ, thường không dám học to tiếng, chợt có khách đến thời phải giấu ngay sách vào trong túi áo, hình như coi hai mươi bốn chữ mẫu-tự quốc-ngữ, là một cái sách bí-mật cấm-thư ». Song tiên-sinh học quốc-ngữ, mới độ một tháng trời, mà ra thi đã trúng tuyển, được bổ giáo-học Sơn-tây. Khi tiên-sinh được bổ giáo-học tức là năm Đồng-khánh thứ hai hay thứ ba.

Tiên-sinh ở Sơn-tây vài năm, lại dạy trường Yên-phụ Hà-nội, rồi dời về Nam-dịnh, tiên-sinh làm giáo-học thủy chung ba-mươi-mốt năm, mà duy ở tỉnh Nam-dịnh rất lâu, đến hơn 20 năm. Tiên-sinh lúc mới bổ làm giáo-học chữ nho, sau mới dời làm giáo-học chữ Pháp. Tiên-sinh học chữ Pháp chỉ là tự khẩu - cứu lấy, hay là cùng với bè bạn giảng tập lấy mà thôi. Các ông thi đỗ chữ Pháp phần nhiều là học trò tiên-sinh, mà tiên-sinh xưa kia học chữ Pháp thì không có thầy, tuy rằng chỉ tự học tập lấy, song Pháp-văn rất là thâm-thúy, dầu nói tiếng tây không giỏi bằng ai, nhưng về phần khảo-cứu Pháp-học thời rất là uyên-bác, phàm tư-tưởng học-thuyết của Thái-Tây, hễ xem xét được thời liền cầm bút dịch ra chữ nho, hay là chữ quốc-ngữ để cùng xem.

Tiên-sinh thờ mẹ rất hiếu, khi tiên-sinh bốn-mươi tuổi bà mẹ mất, tiên-sinh có soạn một bài văn tế nôm rất hay, thực là một bài văn biền-ngẫu đặc-sắc của tiên-sinh. Năm trước tiên-sinh có chữa cho Nam - phong này mấy câu biền tạ Hoàng-thượng bắc-

tuần, như câu rằng : « Muốn dặm chín trùng, ngoài kinh-khuyết lưỡng trông chừng Bắc-dầu ; nghìn năm một hội, dưới hành-cung gầy gỏi khúc Nam-sơn ; Gang tắc thấy trời, tung h ó dấy đất ». Xem đó thời biết tiên-sinh cũng sở-trường về văn biên-ngẫu, mà thơ phú nôm cũng hay, song vẫn ghét không thích làm những lối nuốt chữ nhai văn ấy.

Tiên-sinh dạy học ở Nam-dịnh lâu năm, nên có nhà riêng ở phố hàng Rượu Nam-dịnh số 108. Tiên-sinh nghĩ mình tuổi già đã xin về hưu hai lần, quan Đốc-học vì trọng tiên-sinh là người mô-phạm có tư-cách giáo-dục kẻ thanh-niên, nên cưỡng-lưu tiên-sinh ở lại. Đến khi tiên-sinh 61 tuổi, mới được viện-lệ về hưu-tri. Từ khi tiên-sinh về hưu-tri ở nhà dạy bảo các con em, song vẫn không lấy sự giáo-dục là đã xong việc mình, bèn dụng-công về đường trước-thuật, mà sở-trường nhất về lối văn đoản-thiên tiên-thuyết. Phàm những văn tiên-sinh xuất-bản ra đó đều là lời cảnh-thế lệ-tục cả, dầu lời văn bình-đạm mà nhiều câu cô-kinh, thực là một tay cự-phách trong nghề quốc-văn. Song tiên-sinh vẫn không muốn vội đem đề văn-thế, những các bài của tiên-

sinh đăng ở báo Nam-phong, là vì ông chủ-bút Phạm Thượng-chi nói với tiên-sinh mới cho đăng lên vậy.

Năm nay tiên-sinh tuổi 65, tinh-thần xấu-tước, ngày 19 tháng 7 ta tiên-sinh thọ-chung ở nhà biệt-thự tỉnh Nam-dịnh. Đạo-dức phẩm-hạnh của tiên-sinh người Bắc-kỳ ai ai cũng đã biết, xem những các câu đối của thân-bằng đưa đến viếng tiên-sinh, thời đủ biết người tiên-sinh là thế nào vậy.

Các câu đối viếng đăng bên phần hán-văn. Đây chỉ xin trích-lục hai câu chữ nho của bản-quán đồng-nhân và câu quốc-ngữ của bản-chỉ chủ-bút Phạm-quân.

Câu chữ nho rằng :

國粹保存臨別語音
Quốc-túy bảo tồn, lâm biệt ngữ âm

猶在耳

do tại nhĩ.

遺篇展讀生平文法
Di-thiên triển đọc, sinh bình văn pháp

自成家

tự thành gia.

Câu quốc-ngữ rằng :

Đàn văn mong dựng nền phong-hóa,
Ngọn bút còn ghi dấu lão-thành.

LỜI DI-NGÔN CỦA CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Ông NGUYỄN BÁ-Trác thuật

Tiên-sinh xử dương buổi qui-thế hán-học đã gần suy, mà lại dương buổi sơ-kỳ tân-học đang truyền-bá, cái hiện-tượng mới với cũ thường phò bày ở trước mắt, mà tiên-sinh lại là một người kiêm cả tân-học và cựu-học, cho nên trông thấy thế-đạo chuyển-biến, nhân-tâm kiêu-bạc, thường than thở nói chuyện với bè bạn cùng các học-trò, thổ-lộ ra những lời tâm-huyết ưu-thời mãn-thế, thực là người hữu-

tâm với đời. Một hôm tiên-sinh có nói chuyện với tôi về thói xu-hướng của xã-hội. Tiên-sinh rằng : « Thói xu-hướng của xã-hội ngày nay, chỉ thiên về một phương-diện hình-chất ; không những là nước ta, đến cả các nước trong thế-giới cũng đều thế cả. Song nước ta sinh-kế còn dương buổi cùng-súc, mà cũng theo cái phong-trào ấy, thời thực là mình tự giết mình. Người hữu-tâm với thế-đạo bấy giờ

ai là chẳng cồ-lệ cho quốc-dân xu-hướng về đảng đạo-dức; song đạo-dức mà không xuong-thịnh lên được, là vì phạm người ở thời-dại bây giờ dẫu cần-thủ đến thế nào mặc lòng, nếu nhà cửa không được phong-phú, áo mặc không được xa-hoa, thời ra ngoài giao-tế đã không ai lấy làm trọng; đời xưa thời những người nết-na đạo-dức, dẫu ở nhà tranh ngõ hẹp, mà ai ai cũng hâm-mộ kính-trọng cả. Đời bây giờ những hạng người đạo-dức đối với xã-hội không còn được hưởng một chút danh-dự gì; mà những kẻ đạo-dức bại-hoại chẳng ra gì, nếu nhỏ được cái thế-lực kim-tiền dễ đối với đời, thời ai cũng tăng-bớt như thần-minh, không trách được người ta không ai qui đạo-dức là phải. »

Tiên-sinh lại thường nói đến chuyện duy-tân cải-lương, có nói rằng : « Tôi lấy làm quái-lạ cho người đời, hễ ai bảo nên cải-lương lối nhà cửa ở, hay là cải-lương cách ăn mặc bắt chước theo lối Âu-tây, thời đua theo như vịt; còn như ai khuyên bảo nên cải-lương những cái thói xấu nết hư, chốn hương-thôn thời không nên tranh-giành kiện-tụng nhau, ở với bè bạn thời phải giữ lòng trung-tín, thì dẫu nói rất cồ bông hòng, cũng chỉ lờ đi, chứ không thèm nghe. »

Hồi tháng 9 năm 1914 tôi tới Hà-nội, mới được tha về vài ngày, liền xuống Nam-dịnh hỏi thăm tiên-sinh. Tiên-sinh nói rằng : « Mấy năm nay tôi vẫn như thường, tính tôi thích về sự giáo-dục, cũng là sự thích-hợp với tư-cách của tôi, người ta không cứ xử về cảnh nào, nhưng việc giáo-dục nhân-tài cũng là một việc chánh-dáng, tôi may được làm giáo-chức thật lấy làm yên lòng. Người đời hay nhiệt-tâm về đường công-danh hiển-dật, khinh giáo-chức không thèm làm, nhưng ý tôi nghĩ thời chỉ có việc giáo-dục là quan-hệ đến hậu-vận nước nhà, tiếc cho người mình ít ai có hoàn-toàn tư-cách, để đảm-dang cái

trách - nhiệm ấy. » Tiên-sinh lại hỏi tôi rằng : « Anh ở Hà-nội định làm kế sinh - hoạt gì ? » Tôi chưa kịp đáp, tiên-sinh lại nói rằng : « Tôi bây-giờ nguyệt-bồng đã được bốn năm chục, nếu anh chữa được việc gì để làm sinh-kế, thời tôi có thể giúp anh được; bản-tâm tôi là muốn bảo-toàn danh-dự cho anh vậy ». Tôi mới đáp là đã làm việc báo, tiên-sinh nói rằng : « Ừ, thế được, phải cố-gắng lên mà phải cần-thận, chớ có táo-suất, mà làm cho lấp mất đường ngôn-luận của nước ta. »

Từ khi tiên-sinh về hưu-trí, tôi có mời lên Hà-nội chơi, nói với tiên-sinh rằng : « Xứ Bắc - kỳ nhiều nơi danh-thắng, tiên-sinh nhân lúc rỗi, nên đi chơi, tiền du-phi tôi xin cung được ». Tiên-sinh rằng : « Một mình tôi được đi du-ngọa thỏa-thích, mà anh phải công lưng viết báo, để cung sự du-phi cho tôi, tôi sao nổi thế, cái thú vui của tôi không phải ở núi non, chỉ thường được nghe những lời đàm-luận của bạn tri-kỹ là thích. »

Đầu năm nay tôi có xuống hỏi thăm, thời thấy tiên-sinh hình xấu-tước, mà ngôn-luận vẫn quắc-thước như cũ. Tiên-sinh có dán mấy mảnh giấy ở trước chỗ ngồi rằng : « *Ngã quốc danh-sĩ như danh-kỹ, nhân dai đắc nhi vũ lộng chi*, 我國名士如名妓。人皆得而侮弄之。 » và mấy chữ : « *Tối khổ phi khổ, cực lạc phi lạc*, 最苦非苦。極樂非樂。 » — Quảng tháng tư năm nay tôi nghe tin tiên-sinh yếu, gửi thư xuống hỏi thăm. Tiên-sinh phúc-thư vẫn nói rằng đã bớt, và hẹn đến tháng sáu lên chơi Hà-nội. Tôi cũng bận việc không xuống hầu được, chỉ thường gửi thư về hỏi thăm mà thôi; song tiếp được thư nào tiên-sinh trả lời, thời đều là tin bình-an vô-dạng cả. Tháng sáu, tôi mới bảo tiện-nội về Nam-dịnh đón tiên-sinh lên chơi, cách được mấy hôm về bảo rằng tiên-sinh yếu lắm.

những thư từ ngày trước đều là nói giấu cá, sợ rằng dễ lo cho con chẳng. Từ khi tôi nghe tiên-sinh bệnh nặng, thường về hỏi thăm, song tiên-sinh đều bảo không can gì cả, lại nói chuyện hỏi thăm thời-sự có việc gì là không, xem cách ngôn-luận vẫn như mọi ngày thường. Về sau tôi biết bệnh tiên-sinh không thể chữa được nữa, hỏi việc hậu-sự, thì tiên-sinh bảo rằng : « Hãy trở về Hà-nội rồi sẽ có thư gửi lên sau, tôi cũng chưa việc gì ». Khi tôi lên Hà - nội rồi, tiếp tiên-sinh gửi thư lên, chỉ có mấy câu rằng : « Bệnh tôi không còn sống được bao lâu nữa, nếu được toàn-qui, tôi cũng lấy làm thỏa lòng, các anh đừng thương xót tôi lắm, chỉ nên trân-trọng lấy mình mà cố gắng về đường tiến-thủ. » Tôi tiếp được thư lại vội vàng về hỏi thăm, nói đến việc trong thư thì tiên-sinh nói lảng ra việc khác, không nhắc đến nữa. Trước hôm mất hai ngày, tiên-sinh mới bảo thực với tôi rằng : « Tôi vẫn biết bệnh tôi không thể khỏi được, song không muốn nói vội cho dài cái ngày thương xót lo sợ của người nhà, mà cũng vô-ích. Nay tôi bảo thực anh, tôi cũng gần tới ngày chết đây. Song bụng tôi vẫn lấy làm vui-vẻ như không, chẳng có điều gì di-hám cả. Tôi nào dám tự nhận là người hiền-nhân quân-tử, tôi chỉ cố gắng giữ lấy tư-cách làm người mà thôi, lúc sinh-bình thấy người ta phú-qui, cũng có lúc vọng-tưởng, nhưng tôi tháo-thủ rất cần, chỉ vì lòng cần-thận nên kết-quả mới có ngày nay, bụng tôi vẫn thường lo nơm-nớp rằng người ta thường hay nhân cái cảnh-ngộ nó bách-thúc mà làm sự trái với lương-tâm mình, cũng không biết đâu được ; từ nay ta mới biết là tránh khỏi được ; cái kết-quả đời ta đã trông thấy ở trước mắt, thôi thì không cần phải lo sợ nữa. Anh ơi ! ở cái thời-dại quyền-lợi cạnh-tranh này, đạo xử-thế cốt nhất là phải cần-thận cố-gắng mà thôi. Người đời

dẫu cho lời nói tôi làm vu-khoát, nhưng bình-sinh tôi vẫn tự-tin chỉ cốt hai chữ cần-thận để làm cái phương-pháp tu-dức lệ-hạnh của mình ».

Tiên-sinh lại nói rằng : « Tôi mà thác di, chỉ mừng rằng bảo-toàn được di-thể của cha mẹ, để lại được trông thấy các đấng tiên-nhân ở dưới suối vàng ; tôi ở đời, có thể tự-tin rằng không phải danh-lợi nó thúc-phục, ấy là cái sự sung-sống của tôi đó. Tự khi tôi về hưu-trí, anh em có người khuyên tôi làm đơn xin đổi-hàm, song tôi không có tùy-ba trực-lưu, bất-chước cái thói thường người ta. Tôi có phải không biết phẩm-hàm là qui-dân, nhưng phẩm-hàm là một vật qui-báu của Triều-dinh, nên được hay không, tùy người trên lấy đạo công-bình mà ban-cấp. Nếu phẩm-hàm mà phải cầu-hãnh mới được, thì tôi cũng chẳng qui gì ; tôi chỉ cậy có một sự hơn người là tôi không thỉnh-thác ai cả, nếu mà thỉnh-thác người ta, dễ nhục đến thân mình, thì tôi thà rằng giữ lấy thanh-bạch để toàn cái chân-tính của mình. Tôi là con nhà nho, lúc chết mặc cho tôi cái áo vải, để giữ lấy cái nền là một người thư-sinh áo vải là xong, »

Tiên-sinh lại di-chức về lễ tống-táng bảo rằng : « Người ta chết là buồn, chớ như tôi chết là vui, khi tôi chết rồi người nhà không được khóc lóc, tống-táng nên theo cổ-lễ, nhưng tùy theo đường kinh-tế của nhà mình, thì phải nên giản-ước và cốt nhả-đạm là hơn. » Tiên-sinh lại dặn rằng : « Tôi muốn cải-lương lễ giỗ trong gia-dinh, về sau này hễ đến ngày cúng giỗ tôi thì chỉ lược chép lấy cái lịch-sử một đời và lời di-ngôn của tôi, lúc cúng thì trải chiếu ở gian giữa từ-đường, rót vài chén nước, đốt một nén hương, họp trưởng ấu cả nhà lại, rồi trưởng-tử hay đứa đích-tôn, đứng ở trước chiếu làm lễ rồi quay mặt lại đối với mọi người đọc cái lịch-sử và lời di-

ngón của tôi một lượt cuối cùng bảo một câu rằng : Chúng ta con cháu, nên trông gương mà bắt chước những điều hay của ông cha đời trước, mà điều dở thời đời di. Ngày giỗ tôi chỉ thế là xong, còn điều gì tôi cũng không ưa thích cả. »

Tiên-sinh lại nói rằng : « Tôi bình-sinh vẫn ăn-hận rằng chưa được dịp nào vào chơi Huế, nếu trời để cho tôi sống được vài năm nữa, thế nào tôi cũng vào chơi kinh-thành Huế. — Tiên-sinh dấu bệnh nặng mà còn bảo người nhà gọi thợ đến xây cửa ngõ, xây bờ tường, và trong nhà chỗ nào chưa tu-lý đều sai sửa-sang cả. Sáng hôm gần mất, tiên-sinh còn ngồi lên ghế ý sai con cháu khiêng đi xem khắp cả nhà trong nhà ngoài, trở bảo chỗ này chỗ kia, nên sửa-sang như thế nào vãn vãn. Tôi sợ tiên-sinh nghĩ đến những việc phiền - tạp sinh ra mệt nhọc, bèn khước - ngăn tiên-sinh rằng : « Những đồ thân-ngoại chi-vật cần gì thầy phải lưu-ý, nên nghĩ đề tĩnh-dưỡng ». Tiên-sinh bảo rằng : « Người ta đi ra khỏi nhà cũng muốn dọn-dẹp trong nhà cho chỉnh-khiết, hưởng-chi tôi sắp từ-biệt đây mà đi, cũng không muốn để cho con cháu những quang-cảnh mà tôi không vừa ý ». Tiên-sinh lại bảo tôi rằng : « Tôi muốn nghĩ một câu đối đề ở hai cái cột mới xây ngoài cửa, tôi xưa nay vốn là người đam-bạc, nên cái gì tôi cũng thích nhả-dạm, đề tỏ cái bản-sắc của mình, tôi đã có nghĩ

được một vế rằng : « Nhất sinh ư thế thiên nghi dam — 生於世偏宜淡. » chưa biết đối với gì ? » — Tôi có tục đối rằng : « Thập bộ chi gian tự hữu nhân. » Tiên-sinh cười mà rằng : « Đối thế sợ rằng khoe mình chẳng » Lại nói rằng : « Mấy tháng nay có bệnh, nằm không vô-sự, có nghĩ một bài đoản-thiên-tiểu-thuết, chưa viết ra, nhưng trong bụng tôi đã nghĩ gần xong, muốn bỏ quên đi để cho đỡ nghĩ, mà không thể quên được, hễ lúc nào vắng người thôi cái lý-tưởng viên-vông ấy hình như vãn vãn-vơ trong giấc mộng. » Tôi bèn thưa rằng : « Muốn bỏ đi cho khuấy, thôi chỉ có cách mời một ông sư đến tụng kinh ở bên cạnh, để cho khuấy tục-lự, song tiên-sinh bình-nhật vẫn không mê-tin điều gì, thôi làm sao được ? » Tiên-sinh nói : « Cũng không ngại gì, tôi có người họ ngoại đi tu, già có mời lại cũng được, cũng là một cách tiên-khiên. » Lúc gần mất, tiên-sinh di-chức đủ mọi điều, rồi cầm tay tôi mà bảo rằng : « Tôi muốn nói với anh một câu chuyện cuối cùng này nữa, song mỗi một quá, không nói nhiều được chỉ có bốn chữ này, hễ tôi mất đi rồi thời anh nên bảo các thân-bằng rằng : lúc tôi lâm-chung có tặng lại thân-bằng bốn chữ là : « Bảo tồn quốc túy 保存國粹. » — Vậy tôi xin theo di-chức của tiên-sinh mà đem cái câu : « Bảo-tồn-quốc-túy » kính cáo cùng các bậc thức-giả trong nước.

IV

CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC MẤT

(Cảm-linh của một người đọc báo)

Người ta ai là không phải chết? Nhưng chết mà khiến mọi người thương tiếc, danh thơm còn để lại nghìn năm, thì tất phải là những bậc trung-thần, hiền-tử, những trang tiết-phụ hiền-phu, hay những người hiền-nhân, quân-tử. Kỳ-

giả không phải là thân-nhân Cụ Nguyễn Bá-Học, không phải là bạn-hữu mà cũng không phải là học-trò, lại không được cái danh-dự biết tiên-sinh lúc sinh-thời, có biết tiếng tiên-sinh là chỉ bởi những bài tiên-sinh đã viết trong

tạp-chi Nam-Phong. Tuy không được biết tiên-sinh, nhưng cứ xem văn tiên-sinh cũng đủ biết tiên-sinh, vì văn tức là người. Nói đến văn, ta phải biết phân-biệt văn tiên-sinh là một thứ văn đặc-biệt, ý-từ đã thâm-trầm mà lời-lẽ lại thiết-thực. Thường khi đàm-luận với anh em, ai cũng phải ngợi-khen văn tiên-sinh là một thứ văn có thể đem ra thực-hành được. Ký-giả được biết tiếng tiên-sinh là vì văn, xem thể thì biết văn-chương là một cái giấy liên-lạc của người ta vậy. Tuy vậy lúc nghe tin tiên-sinh tạ-thế, trong lòng chan-chứa cảm tình.

Ôi! Sóng giao-thời đang vỗ, nền thế-đạo suy-đổi, một bậc mô-phạm như

tiên-sinh, mà đã vội yên giấc ngủ muôn năm, thật là đáng tiếc. Ấy vì sự tiếc ấy, ký-giả viết bài này để tỏ lòng kính mến và biết ơn một vị đồng-bào, một bậc tiên-bối, tuy tuổi đã cao sức đã yếu mà còn chịu khó nghiên-tinh đàm-tử để bảo-tồn quốc-tử, để làm hi-sinh cho bọn hậu-sinh. Ôi! Một người tài có đức có như Nguyễn-tiên-sinh, thế mà khi sinh-tên công-danh không được rõ-rệt lắm, như thế thì luận người không ở có g-danh!

Nay tiên-sinh mất, nhưng sự-nghiệp hãy còn, ca-tụng sự-nghiệp của tiên-sinh, là tỏ lòng biết ơn một người đã có công với ta vậy. (1)

Vũ Đình-Phiêu lai-cảo

V

LIỆT KÊ NHỮNG BÀI TRƯỚC - TÁC DỊCH THUẬT CỦA CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC ĐÃ ĐĂNG TRONG NAM-PHONG TẠP-CHÍ

1. — Câu chuyện gia-đình (tiểu-thuyết) (2)	Nam-Phong số 10, trang 242-246
2. — Chuyện ông Lý-hầm (tiểu-thuyết)	" 13, " 50-53
3. — Có gan làm giàu (tiểu-thuyết)	" 23, " 401-409
4. — Lời khuyên học-trò. I	" 24, " 472-480
5. — — II	" 25, " 61-65
6. — — III	" 26, " 242-245
7. — Câu chuyện nhà sư (tiểu-thuyết)	" 26, " 176-182
8. — Bàn về nghĩa tự-do kết-hôn	" 27, " 231-235
9. — Gia-đình giáo-duc kỹ	" 28, " 321-327
10. — Chỉ-phủ cầm-nang (dịch sách Tàu) I	" 29, " 407-412
11. — — II	" 30, " 503-510
12. — — III	" 31, " 36-41
13. — Chuyện việc làng	" 32, " 131-143
14. — Tập-trở (12 đoạn)	" 33, " 249-253
15. — Sự giáo-duc trong gia-đình (dịch sách Tàu) I	" 33, " 287-306
16. — — II	" 35, " 409-419
17. — Dự-sinh lịch-hiến ký (tiểu-thuyết)	" 35, " 437-446
18. — Thư trả lời ông Chủ-hút Nam-Phong về vấn-đề nữ-học	" 40, " 322-324
19. — Chuyện cô Chiêu-Nhị (tiểu-thuyết)	" 43, " 55-58
20. — Tùng-đàm: 1) Đạo vệ-sinh trong xã-hội; 2) Việc hành-lạc chốn nông-thôn	" 44, " 142-147
21. — Mấy lời yếu lược về kinh-tế học (dịch sách Tàu) I	" 45, " 200-206
22. — — II	" 46, " 290-295
23. — Câu chuyện một tối tân-hôn (tiểu-thuyết) (3)	" 46, " 307-311
24. — Văn-minh Âu-Á khác nhau thế nào? (dịch báo Tàu)	" 47, " 365-370
25. — Tùng-đàm: 1) Đạo chung-bạ; 2) Chủ nhà với đầy tớ	" 48, " 462-467
26. — Hoạt-kê tiểu-thuyết: 1) Một nhà bác-học. 2) Ai chuyện chiêm bao!	" 49, " 67-71

(1) Kỳ này Bản-chỉ tiếp được nhiều bài gửi đến viếng cụ Nguyễn Bá-Học, nhưng vì chật chỗ, để kỳ sau sẽ lựa đăng.

(2) Bài này ông Chương-Dân đã dịch ra chữ nho, đề là 家情話 (Nam-phong, số 13).

3) Bài này ông Chương-Dân đã dịch ra chữ nho, đề là 新婚一夕話 (Nam-phong, số 48).

THỜI-ĐÀM

Viện nhà Trung-Pháp Thực-nghiệp ngân-hàng. — Trong khoảng hai tháng nay, từ ngày nhà Trung-Pháp Thực-nghiệp ngân-hàng (*Banque industrielle de Chine*) đóng cửa đến giờ, thiên-hạ nghị-luận về việc này nhiều lắm. Những người có giao-dịch với nhà băng ấy, hoặc có tiền ở đây, đều ngơ-ngác trông, không biết nhà băng có trả được, hay là không trả, Chính-phủ có giúp cho nhà băng, hay là không giúp? Bây giờ không thể biết được, và người mình lại càng khó biết lắm, vì những việc lý-tài đời nay phèn-phức lắm, phải có cái học-thức chuyên-môn mới có thể hiểu được. Hiện nay ở bên Tây và ở bên này có hai phái: một phái nói rằng việc nhà băng này đảo-chương có quan-hệ đến danh-dự Đại-Pháp, nhất là ở Á-đông này, Chính-phủ Pháp phải hết sức cứu lấy, không thời mất tin-dung với người bản-xứ; một phái nói rằng nhà băng này cũng như nhà băng khác, chẳng qua là một công-ti buôn riềng, buôn bán không khéo đến thua lỗ vỡ nợ là việc riêng nhà băng với khách nợ, Chính-phủ không việc gì phải can-thiệp vào, không có lẽ lấy tiền công-kho là tiền của cả dân-dân mà giúp cho một nơi buôn riềng được. Hai phái nói cũng có lý cả, chưa biết phái nào mạnh hơn phái nào. Cứ tạm gác gần đây thời dư-luận ở bên này và bên Pháp xem ra có ý thiên về phái trên, nghĩa là muốn cho Chính-phủ giúp cho nhà băng lại khởi-pục được. Nếu như vậy thời có thể mong rằng nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng không mấy nổi lại có thể mở cửa vậy.

Nay xét qua lịch-sử nhà băng này lập ra thế nào và bởi duyên-dở gì đến phải phá-sản như ngày nay.

Nhà này lập ra từ năm 1913 ngay trước khi chiến-tranh, mục-dịch là để giúp cho việc buôn xuất-cảng của nước Pháp, nhất là ở Á-đông này. Biết khéo dùng những phương-pháp mới, không mấy nổi mà nổi tiếng, chiếm được một địa-vị to trên thương-trường Đông Á. Lại khi mới chiến-tranh, nhà « Á-tế-á ngân-hàng » của Đức (*Deutsche Asiatische*

Bank) là một nhà băng có thế-lực ở bên Tàu phải đóng cửa, nhà Thực-nghiệp khéo kế chần ngay được. Tự bấy giờ mỗi ngày mở hành-trương, đặt chi-diểm ở mọi nơi: Đông-Pháp, Nhật-bản, Cao-ly, nhiều nhất là ở Tàu. Lại được Chính-phủ Bắc-kinh Tàu công-nhận cho, vì Chính-phủ Tàu cũng có chung vốn vào chia ba một phần, nên thế-lực càng ngày càng to. Các đồng-gia Tàu cũng góp vốn vào nhiều, tỏ lòng tin với nhà băng và tin cả Đại-Pháp nữa. Các nơi thương-phụ lớn, các nhà xuất-cảng to ở nước Pháp được nhờ nhà băng này mà việc buôn-bán với Á-Đông phát-đạt nhiều lắm. Trong thương-giới ai cũng lấy làm lạ rằng một nhà băng mới lập ra mà được thịnh-vượng như thế. Thời-hò cũng nghe thấy một vài câu bài-bác, nhưng xét ra là phần nhiều vì ghen-ghét mà bài-bác.

Đương thịnh-vượng như thế, có sao mà đến thất-bại như vậy? Xét ra thời duyên-do từ việc chiến-tranh. Sau khi ký đền-ước đình-chiến, các nhà buôn trong thế-giới thi nhau mà dùng cái thuật « đầu-cơ » (*speculation*), nghĩa là thừa-cơ để thu lấy lợi nhiều. Các giá đồ ăn uống, đồ vật-liệu, tăng cao lên quá độ, một là bởi không trữ-tích được nhiều, hai là bởi không có tàu vận-tải, ba là bởi giá đổi bạc với ngoại-quốc cao. Đồ hàng cao như thế mà các nước của-dùng vẫn nhiều tưởng rằng giá cao cứ giữ được mãi, dầu có xuống cũng là xuống dần-dần. Không ngờ tài-chính của các nước chiến-tranh đã cùng-quần-quá, sức mua của người ta kém sút đi, đồ hàng ở ở các chợ, không mấy nổi-tuần ra hàng nhiều quá, ít khách mua, giá sút ngay xuống, các nhà buôn đầu-cơ giống người ta, như xét đánh ngang tai.

Phong-trào hạ giá khởi từ nước Nhật là nước được lợi về sự đầu-cơ trong khi chiến-tranh nhiều lắm. Đồ hàng đọng lại thứ nhất là các hàng tơ lụa, rồi dần dần đến khắp cả các mặt hàng khác. Mấy món hàng to như tơ-lụa thóc-gạo, lại là những món nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng có để vốn to vào đây cả. Hàng không chạy, giá sút đi, vốn ngập đầy, thế là nguy!

Nếu nhà ngân-hàng này mà nguy thời nhiều những việc buôn-bán to khác cũng vì đây mà nguy theo. Vả lại, trong nghề ngân-hàng, các nhà bả g đều có liên-dải với nhau, lẽ một nhà nguy thời các nhà khác thường hiệp-lực mà giúp. Bấy giờ nhờ có Chính-phủ can-thiệp, nhà « Ba-lê Hòa-lan Ngân-hàng » (*Banque de Paris et des Pays Bas*) đứng lên giúp nhà Thực-nghiệp; nhiều công-ti nữa cũng giúp thêm. Lại chính-phủ Tàu chia để lại cho nhà băng 125 triệu trái-phiếu của công-kho Tàu. Nhưng mà những trái-phiếu ấy muốn đem ra giao-dịch, phải cần đến nhà « Đại-Pháp Ngân-hàng » (*Banque de France*) giúp mới được, mà nhà Đại-Pháp-ngân-hàng thời vì lẽ riêng không thể giúp được ngay. Tình-hình như thế, nghi-hồ phải đến khuy-nh-đảo, không còn nghĩ nữa.

Vì các lẽ lược kể trên đó, mà nhà bả g Thực-nghiệp phải đóng cửa. Nhà băng phải đóng cửa, thiệt hại thật là nhiều. Thứ nhất là thiệt cho những người có tiền gửi đây. Người ta ước chừng tổng-số những tiền gửi ở nhà băng Thực-nghiệp là 400 triệu của người Tàu và 65 triệu của người Pháp. Lại nhiều những nhà buôn nhập cảng ở Paris, Lyon, Le Havre, cũng thiệt vào đây to lớn. Thứ nhì là thiệt cho cái thế-lực kinh-tế của người Pháp ở Á-đông. Người Pháp nhờ việc chiến-trạch, lại nhân nhà « Á-te-a ngân-hàng » của Đức bị đóng cửa, đã chiếm được cái thế-lực to trong thương-trương Đông-Á. Bấy giờ nhà bả g Thực-nghiệp đổ thời cái thế-lực ấy tất suy mất. Gia-chi-ai, giữa lúc nhà băng Thực-nghiệp đổ thời nhà băng Á-te-a của người Đức kia hiện dương khor-phục. Các lẽ do, chắc chính-phủ Đại-Pháp cũng đã liệu rồi và sẽ hết sức cứu cho nhà Thực-nghiệp khỏi đổ hâu vậy.

Việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. — Kỳ này bạn-chi tin cái anh các quan hội-dồng về việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. Thế là vấn-đề cải-lương trong mấy năm nay bàn-bạc đã nhiều lần, bây giờ đã đến ngày giải-quyết rồi, và chính Chánh-phủ Bảo-hộ cũng chủ-trương việc ấy. Hội-dồng quyết-nghị về hai việc: một là đặt hội tộc-biêu, hai là đặt sổ chi-thu c

đại-khai cũng chăm-chước theo như những khoản-ước các làng đã cải-lương ở tỉnh Hà-dông.

Cứ xét như dự-luận mấy năm nay thời nghe chừng dân mong-mỏi việc cải-lương lắm. Nếu quả có lòng nhiệt-thà h như thế thời nay đã qua thời-kỳ ối xương, để thời-kỳ thực-hành rồi đây. Quan thống-sứ Bắc-kỳ đã có tờ chu-tri, cho các quan Công-sứ đầu tỉnh, truyền trong mỗi tỉnh phải chọn lấy ít nhiều các làng to cho bắt đầu thi-hành lệ mới từ đầu năm tây sau này. Vậy các nhà nhiệt-thành về việc cải-lương cũng những bậc đàn-anh trong các làng phải nên ra công hết sức thế nào cho việc thi-nghiệm này thành-công mới sự cải-lương mới thật có kết-quả. Nếu nội tộc-biêu hâu ra không khỏi những nhiễu-trong chính-sự làng như bàn kỳ-mục cũ, nếu sổ chi-thu đặt ra không khỏi hỗn-độn tro g tại-chính làng như cách chi-tiền cũ, thời nại chờ « cải-lương » chẳng qua là một câu đầu miệng, mà chưa biết bao giờ thành sự-thực vậy. Hồ-hao cải-lương mãi, nay cải-lương rồi đây, phải ra tay thực-hành đi

Ý-KIỆN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

I

Đóng dấu cải lương. — Mới rồi, tôi có tiếp chuyện một người bạn, anh em đương nói đến cái vấn-đề « cải-lương hương-tục » thời người bạn tôi có nói một chuyện buồn cười, xin thuật lại cho độc-giá chớ-quan nhân-lâm.

Làng Mỗ khai trương thầu thuế, nên kẻ qua người lại rộn-rịp đêm ngày, nao nao giáp vào gong, nao nao trùm trùm xác mỗ, tiếng người với tiếng mỗ, náo lãn nhau liêu-nếp cả ngày.

Trong trường thuế, kia đôi ba cặp vịt nhốt trong dõ; họ năm mươi chai rượu để trên bàn; còn mấy cạu cháo, bác thời mặt đỏ loam, chủ thời da tái ngắt, chẳng rõ giận ai mà đỏ, sợ ai mà tái, hay là vì cái lòng nhiệt-thành « cải-lương hương-tục », nó làm cho đôi dạng thế c.àng?

Một người đàn bà, góa chồng, tay xách nón, áo vắt vai, vừa đi vừa chạy, len-xen đến trường thuế. Đến cửa, đứng lại mặc áo, lấy bạc cầm tay, lật-đật bước vào, để nắp thuế điễn, rồi về sớm kéo nhà xa.

Hay đâu, lại gặp ông xã lười-thối, thấy chị góa chồng mà còn trẻ, đem lòng mừng, rồi nhân đó mà thả giọng đa-tình, náo trảng, náo giếc, náo nháy, náo nần, làm một trò cười đáng ghét, đáng bĩ !

Bạc nhậu xong, biền-lai không phát. Kêu-ca mãi mới phát biền-lai, mà lại không chịu đóng tiền vào, thành ra người đàn-bà phải dợi suốt ngày.

Chưa đủ mỗi, bụng lại đói, trời gần tối, nhà lại xa, nên chị ta quyết tính thôi-thức xin đóng tiền cho mà về.

Ông Lý tỏ ý bất-bình, mặt tái ngắt, tai đỏ loam, liền lấy đầu đóng ngay. Nói thế chắc ai cũng tưởng đóng vào biền-lai chăng ? Thưa không, đóng đó là đóng trên cái ngực chị đàn bà vậy ! Chị đàn bà mặc áo nâu, nên đầu thấy rõ-ràng, thẹn đỏ mặt mà la to rằng : « Ông xã làm gì thế ? Ông làm Lý-trưởng tức cha mẹ dân ; tôi là đàn bà vốn con cái làng, sao trước mặt thiên-hạ, ông làm một cách dè-tiền vậy ? »

Ông xã kỳ-khối khăng-khái mà trả lời : « Thời bây giờ là cái thời - đại mới, nên đầu đầu cũng chủ-tâm về việc « Cải-lương-hương-tục » cả, mà đóng đầu trên ngực như thế cũng là một cách đóng đầu cải-lương đó thôi ! »

Chị đàn bà, nổi giận mà đáp rằng : « Ôi ! Ông chớ nói bậy ! Cải-lương gì mà dám gọi cải-lương. Tôi tưởng ông chỉ nói vậy, chớ vì tất ông đã hiểu nghĩa hai chữ qui-hóa này ! Hương-lệ không chín-đốn tử, ế, công-diễn kuống chia-trích phân-minh ; cổng làng không xây, đường làng không đắp ; đình không tu-bổ, chùa chẳng sửa-sang ; Hương-trưởng không mở, dân-trí kuống khai. Còn việc ở làng, thời củi chằm chén rượu chén chè, củi ngồi cái tuợ ; dân có sự, thời chỉ bắt tiền lễ tiền mễ, đóng gong, đóng cùm ; còn xuân-ký thu-tế thời củi lo tranh nong tuợ đầu heo, cổ xôi quả bánh. Đến vụ thuế thời tuy lệnh quan nghiêm cấm, chớ cũng tìm đủ cách mà phũ-thầu lạm-liền, tại còn nhân đó mà áp-chế kẻ cuong - đình hạ - hộ, hà-hiếp người mẹ góa con côi ! Thế ông gọi là cải-lương chăng ? Ông đã biết gọi đến hai chữ « cải-lương », sao ông không bết lỏng tai mà nghe chuông tâu-báo, ngưỡng mặt mà hóng mát gió Nam-phong, biết bao nhiêu nhà có học-thức, có tài-năng, núp dưới bóng cờ ba-sắc, mà mở mang dân-trí, gây dựng quốc-

văn, cải-lương phong-tục, chỉnh-đốn hương-thôn, cái lòng nhiệt-thành đối với Tổ-quốc, đối với Đồng-bào, đã làm cho nhiều ông ăn không ngon, nằm không ngủ, trẻ hóa già, già muốn trẻ, dề làm cho trọn vẹn cái bổn-phận người ! Thương lắm thay ! mà kính phục thay ! Còn các ông tuy biết rằng tài mọn, trí sơ, ít nghe, hẹp thấy, chớ cũng là những người cầm quyền một làng, thời phải làm sao trọn cái nghĩa-vụ mới phải, chớ chỉ lo áp-chế dân-tinh, như vậy chẳng dề-tiền lắm ru ? Thế mà : cũng tai cũng mắt, cũng người ta ! »

Nói xong, chị ta xách nón chạy đi trình quan về sự đóng đầu trên ngực. Các cậu hào-lý, ngẫu-nhiên mà nghe những lời diễn-thuyết của chị, như ngờ, như diếc, như dại, như mê, không cậu nào dám phản-đối gì cả. May đâu, nhờ có mấy ba lão cũng đến nạp thuế, thấy vậy mới nói phải trái một hồi lâu, mà xin lỗi dùm cho mấy cậu hào-lý, nên chị ta mới nhận lời mà không đi kiện.

May thay mà hồ then thay ! Thế cũng gọi tu-mi-nam-tử mà lại thua cân-quắc phụ-nhân, lần này mới chịu bỏ mấy chữ « phụ-nhân nan-hóa » và các câu thường dề bên miệng vậy.

Khen thay cho chị đàn bà, đàn bà thế ấy, cũng là ít ai ! Tự sớm đến chiều chị vẫn thật-thà mà vì mấy cậu hào-lý muốn được tự-do, chớ không biết trọng cái tự-do của người mà như là đối với bọn nữ-lưu, nên thành phải làm nhục cho bọn đó cũng không quá đáng. Mong rằng nhờ những lời diễn-thuyết tỉnh-cờ của người đàn-bà mà làm cho những bọn hào-lý lười-thối có lẽ hóa được chăng ?

Ai ôi ! Xin bỏ thôi hư !

LÊ-TƯỜNG (Tam-quan Bình-định)
lai-cảo

II

Trả lời bài « Cầm học tâm-nguyên »

— Bì-nhân đọc bài « Cầm học-tâm nguyên » ở số báo 47 của quan huyện Bình-khue, bì-nhân rất lấy làm tâm-phục cái tài tác-thử, cái công nghiên-cứu của ngài về việc âm-nhạc.

Ngài đã dẫn những điển-tích cổ-nhân chơi đàn, ngài lại giảng những công-hiệu đồn-quan-hệ vào phong-hóa và chính-trị. Mà đời nay ít kẻ tri-âm, cho nên ngài

phải làm ra bộ « Cầm-học-tàu-nguyên » này. Quí - hóa thay, cái lòng tốt của ngài đã chẳng quản phí những thời-giờ báu-ngọc vậy.

Song bí-nhân chỉ phản-nản rằng : những cây đàn ngài đã vẽ trên báo-chương, như là : Đàn Cầm, Đàn Sắt, Đàn Tranh, Đàn Tý, Đàn Nhật, Đàn Ng yệt, Đàn Bầu, Đàn Đả, v. v, bấy nhiêu thứ phần nhiều là đàn Tàu, chỉ có một vài thứ đàn ta thôi. Mà những cây đàn ngài đã mệnh-danh thì có vài thứ sai-lầm. Như là Đàn Nhật thì chính là Nguyệt-tàu, người Tàu gọi là : « Dật-Khâm 月琴 », ta nhân đó mà chế cái giọc đàn dài ra cho hợp vào điệu ta thì ai cũng gọi là đàn Nguyệt, hai thứ tuy hơi khác nhau những hình-mặt nguyệt và cái cung-bạc-vấn chung một loài, cho nên tên đàn chỉ khác nhau một chữ tá với tàu, chứ ta với tàu không có đàn Nhật-cầm bao giờ. Nay có thứ đàn Nhật-bản, thì ta không biết tên mới gọi là đàn Nhật. Còn đàn Đả-cầm thì chính là « Dương-cầm », người Tàu gọi là : « Dương-khâm 洋琴 ». Đánh đàn Dương-cầm gọi là : « Tá Dương-khâm 打洋琴 », chứ không phải là đàn « Đả-cầm ».

Nói tóm lại thì bấy nhiêu thứ âm-nhạc ta dùng xưa nay, so với âm-nhạc các nước thì đàn ta tiếng đi bé nhỏ, lại những nổi dứt giây, đồ ngựa, long phiếm, sai cung, nó làm

cho người nghe đồn phải ngo-ngần mà kém vui. Cũng mấy cái đồn ấy mà người Tàu dùng thì không thể, là bởi không phải của ta dùng ép mà nên thế vậy.

Xem thể thì bộ « Cầm-học » của ngài ra đời, điệu đàn đầu thanh, giọng đàn đầu lịch, cũng không thể tránh được cái tệ ấy.

Chúng tôi xa-xôi không được nghe tiếng đàn của ngài. Nhưng được xem ngài nói chuyện đàn, cũng đủ hiểu rằng ngài hay đàn.

Nước ta ngày nay đương cái thời tiến-bộ, mà việc âm-nhạc còn thiếu-thốn chưa có ai chỉnh-dốn lại. Nay được ngài là bậc thâm âm, vậy tôi xin thay mặt lòng chơi mà ước-rằng : Ngài nên gia-công nghiên-cứu để cải-lương hoặc chế-tạo ra thứ âm-nhạc khác cho được khỏi những cái tệ trên kia mà dùng, thế thì bộ « Cầm-học » của ngài về sau sẽ có cái vẻ-vang rực-rỡ. Còn như những điển-tích và công-hiệu đàn ngài đã dẫn ra là những điển-tích và công-hiệu của Tàu, đối với những thứ đàn ngài đã vẽ ra thì lại toàn là đàn tàu. Chỉ sợ sau này sai-lầm mà đi học đàn người Tàu, thì bộ « Cầm-học » của ngài vì hai chữ tâm-nguyên mà không hiệu.

Cần-phục

NGUYỄN HỮU-QUÁT tức THẬN-ĐỘC
lại-cáo

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

1. — *Giương Thế-sự của ông Nam-hương Bùi Huy - Cường, in tại nhà Đông-kinh ấn-quán, giá 0 p. 20.*

Ông Nam - hương Bùi Huy - Cường mới xuất-bản quyển « Giương Thế-sự », cả thấy có 53 bài, chia làm hai phần : phần trên là dịch-thuật truyện cổ-tích, phần dưới là tự ý nghĩ-soạn ra, hoặc theo lối ca lục bát, hoặc làm theo lối thơ ngũ thất ngôn.

Quyển sách văn văn thuận miệng này mà xuất-bản đương lúc quốc-văn

còn ấu-trĩ, thì cũng là một quyển sách có giá-trị. Khen thay tác-giả dụng-công khéo mượn vật-lý mà tả theo lối văn ngụ-ngôn, ắt là được nhiều người xem cũng lấy làm vui, tưởng về đường khuyên-răn thế-sự, không phải là vô-ích.

Vậy bản-chí vui lòng mà giới-thiệu quyển sách này, cùng các độc-giả.

2. — *Sách quốc-ngữ viết tắt, của ông Vũ Trấn, in tại nhà in Ngô Tử-tha Hanoi, giá 0 p. 35. — Ông Vũ Trấn mới xuất-bản quyển Quốc ngữ viết tắt*

83 trang, dù chữ, dù vần, dù dấu, cũng dùng như chữ quốc-ngữ thường mà viết tắt lại nhanh kịp bằng lời người ta nói.

Nguyên ông có học qua lối tốc-ký-học (*sténographie*) mà nghiên-cứu làm ra quyển này, nào cách giảm bớt chữ đi để viết cho nhanh, nào cách dạy viết chữ cho khỏi sai khỏi lẫn, chỗ nào cũng có lời dặn, lời thí-dụ, dưới lại

có dịch viết thử ra mấy bài để xem cho dễ hiểu. Đương buổi chữ quốc-ngữ phổ-thông này, cách viết chữ cũng cần phải cho tiếp-tốc, như những khi nghe diễn-thuyết, hội-dồng biên-bản, v. v. cần phải biên chép để ghi nhớ cho nhanh; nay mới có quyển này tưởng cũng giúp về sự viết chữ quốc-văn cho được tiện-liệp vậy.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI TRÍ TIẾN-ĐỨC

Nhà hội quán. — Nhà hội-quán hiện đã làm xong, chỉ còn sơn cửa quét vôi nữa mà thôi. Bấy giờ đương đặt đèn điện và quạt máy chỉ nội trong một tháng nữa là công hoàn thành. Hội định khánh-thành nhà hội-quán một cách rất xứng-đáng, mời cả các hội-viên các tỉnh về, song chưa biết định kỳ vào bao giờ cho tiện. Có tin rằng đến cuối năm tấy này quan Thống-tướng JOFFRE là một vị đại-trưởng có công to trong hồi chiến-tranh vừa rồi, quốc-dân ta chắc ai cũng có biết tiếng, sẽ sang du-lịch Á-đông và có qua chơi Đông-Pháp ta. Vậy nếu nhà hội-quán ta đến bấy giờ sẽ khánh-thành, mời được Thống-tướng chủ tọa, thời vẻ vang và trọng-thể biết bao nhiêu! Tòa trị-sự đương sửa soạn định diễn một bài kịch tấy vẻ dịp đó, như năm ngoái, để cho thêm vui vẻ.

Ấy thế là công việc đã gần xong cả, mà cần nhất bấy giờ duy có khoản tiền. Như trong tập Kỷ-yếu kỳ trước đã nói, Hội hiện còn để ở nhà hàng Thực-nghiệp ngót 9 ngàn đồng, tiền ấy tuy sớm trả rồi cũng có thể lấy ra được, nhưng hiện nay, giữa lúc cần đến tiền để trả người thanh-khoản làm nhà, trả sở điện-khí đặt đèn, thời khuyết hẳn một món đó, chưa thể trang-trải được các khoản cho thanh-thỏa. Vậy Hội xin khẩn-nhắc các ngài hội-viên ngài nào chưa đóng tiền thời đóng cho, ngài nào đã ký quỳên thời gửi tiền quỳên về cho, và xin hết cả các ngài gia-tâm cổ-động cho được thêm hội-viên, thêm người quỳên mời nữa. Công-cuộc đã đến ngày hoàn thành, các ngài nên cố gắng cho một chút.

Hội viên mới. — Các ông ký tên sau đây có giấy xin vào hội đã đăng lên báo từ số 48 đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Septembre 1921:

Vào chân chủ-trì

Sư ông Từ-Văn Đặng Tâm-nghĩa. — Ông Hoàng Mạnh-Điểm. — Nguyễn Việt-An. — Ngô Thế-Loan. — Nguyễn Ngọc-Mỹ. — Nguyễn Văn-Thị.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Aout có những ông sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng có ai dị-nghị, xin viết thư về cho Hội biết.

A. — Xin vào chân chủ-trì

1. Ông Đào Đình-Thụ, cựu chánh-tổng nguyên Bắc-kỳ-tư-vấn-nghị-viên, ở xã Ngô-khê, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

2. — Nguyễn Văn Mẫn, hiện sung Bắc-kỳ-tư-vấn-nghị-viên, ở xã Đôn-thư, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

3. Nguyễn Hữu-Tùng, đương-thứ chánh tổng, ở xã Mỹ-thọ, huyện Bình-lục tỉnh Hà-nam

4. — Bằng Nguyễn-Phụng, đương-thứ chánh tổng, ở xã Đôn-thư huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

Bốn ông trên là do quan huyện Bình-lục Nguyễn-Hợp-Phác giới-thiệu

5. — Lê Văn-Đình, áo-sát tỉnh Hà-đồng.

6. — Nguyễn Kỳ, tri-huyện Thanh-trì Hà-đồng

7. Ông Nguyễn Đình-Năng, điền-hộ làng Cầu-đor Hà-dông.
8. — Nguyễn Văn-Chiến, chánh-tổng Thủy-cam Hà-dông.
9. — Lê Văn-Huân, chánh-tổng Phương-trung, Hà-dông.
10. — Tạ Đình-Linh, phó-tổng Cao-độ Hà-dông.
11. — Nguyễn Công-Chuyên, lý-trưởng Hữu-từ, Hà-dông.
12. — Nguyễn Hữu Hàm, thư-ký làng Huyền-kỳ, Hà-dông.
13. — Trần Văn Di, lý-trưởng làng Xuyên-dương Hà-dông.
14. — Vũ Huy-Trực, trí-phủ Hoài-đức (Quan phủ Vũ, ngoài tiền nhập hội 20 \$ lại xin quyền vào rồi 30 \$ nữa, là 50 \$.)
15. — Nguyễn Tạo-Vi, chánh-tổng Xuân-tảo, Hà-dông.
16. — Vũ Văn-Trí, bá-hộ, làng Cự-đà Hà-dông.
17. — Nguyễn Ngọc-Giác, bá-hộ làng Thượng-trì Hà-dông.
18. — Nguyễn Ngọc - Quỳnh, điền-hộ làng Thượng-trì, Hà-dông.
19. — Đặng Đình-Huy, phó-tổng Đông-ngạc Hà-dông.
20. — Nguyễn Kim-Lâm, cựu chánh-tổng làng Đông-ngạc, Hà-dông.
21. — Nguyễn Văn-Lại, bá-hộ làng La-đương Hà-dông.
22. — Nguyễn Khắc-Cần, điền-hộ làng Tây-tư Hà-dông.
23. — Chu Trí-Chấn, phó-tổng làng Ngải-cầu Hà-dông.
24. — Sư cụ Ngô Tâm-Bình, ở chùa Kim-trai xã Gia hòa, tổng Thị-liệu, huyện Nam-trực, Nam định (Do ông Lê Văn-thiếp tiền-chủ làng Bô-la, Thái-bình giới-thiệu).

B. Xin vào thường-hội-viên.

Ông Ngô Đình-Thái secrétaire interprète à la Résidence de Thakhek, Laos.

Đông-lân tây-trảo

1. — Ở đời chỉ một chữ cần; có phải chỉ chủ nông-phu là nên cần dẫu, dẫu kẻ học-trò, người buôn-bán đều phải nên hết cái nghĩa-vụ chữ cần. (Minh-Vĩnh-lạc thực-lục)

2. — Con trai ăn-mặc phải nên kiệm-trước đã dành, con gái lại càng phải nên răn sự xa-hoa. Đàn-bà con gái phải nên chăm việc tâm-tơ thêu-dệt, và việc nấu-nướng trong nhà; còn như hoa-hột áo-xiêm chỉ nên giản-chất thể nào xong thôi. Nếu ăn mặc gấm-vóc là-lượt quá thì chỉ làm đồ bóng-dáng để xui-giục lòng dâm. (TRƯƠNG ANH-THÔNG, Huấn-trai-ngữ)

3. — Người học-trò phải có cái chí hoằng-nghị, vì làm học-trò phải gánh cái trách-nhiệm nặng-nề mà đi đường xa, gánh nặng thì phải người vai cứng mới gánh vác nổi được. (TRÌNH-HIỆU)

4. — Đọc sách phải nên hiểu rõ văn-nghĩa, nếu chỉ hiểu văn-nghĩa mà thôi, thì là học trẻ con, phải nên xét biết cái ý-chỉ nó ở đâu mới được. (Lạc-Cửu-UYÊN)

5. — Người có học-vấn vì như núi có chứa ngọc, vực có tàng châu, dẫu chưa xuất-hiện mà tinh-thái nó vẫn tự-nhiên quang-nhuận. Xưa nay những người làm thành-tựu sự-nghiệp lớn-lao, đều là bởi có học-vấn mới làm nên được. (Bạch-vân gia-huấn)

6. — Người có học mới hay biết lỗi mình, dốt lòng học rồi mới hay biết lỗi mình. (PHAN NAM-SƠN)

7. — Người nào định-tâm thời lời nói thân-trọng mà khoan-thư; người nào tâm không định thời lời nói khinh-khiêu mà lấp-bấp. (TRÌNH-DI)